

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
VÀ CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI KHUYẾN NGHỊ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ
NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU
GIÁ CỔ PHẦN TRƯỚC KHI THAM GIA ĐẤU GIÁ**

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA BÊN NGOÀI CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3941 2626

Fax: (84-24) 3934 7818

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

Địa chỉ trụ sở chính: Số 38-40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Địa chỉ trụ sở giao dịch: Số 11B phố Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3826 7984

Fax: (84-24) 3928 8407

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1, toà nhà Charm Vit Tower, số 117 đường Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 35730073

Fax: (84-24) 3573 0088

Hà Nội, tháng 02 năm 2018

**THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA BÊN NGOÀI
CỦA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI**

❖ Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa:	2.200.000.000.000 đồng (<i>Hai nghìn hai trăm tỷ đồng</i>)
❖ Số lượng cổ phần đấu giá:	75.926.000 cổ phần, tương đương 34,51% vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa
❖ Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
❖ Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
❖ Giá khởi điểm:	12.800 đồng/cổ phần
❖ Bước giá:	100 đồng
❖ Bước khối lượng:	100 cổ phần
❖ Số mức giá đặt mua:	01 mức giá
❖ Số lượng cổ phần tối thiểu nhà đầu tư được phép mua:	100 cổ phần
❖ Số lượng cổ phần tối đa nhà đầu tư trong nước được phép mua:	75.926.000 cổ phần
❖ Số lượng cổ phần tối đa nhà đầu tư nước ngoài được phép mua:	75.926.000 cổ phần
❖ Thời gian nhận đăng ký tham gia đấu giá, nhận tiền nộp đặt cọc:	Theo Quy chế bán đấu giá của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành
❖ Thời gian tổ chức đấu giá:	Theo Quy chế bán đấu giá của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành
❖ Địa điểm tổ chức đấu giá:	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, số 02 đường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
❖ Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc:	Theo Quy chế bán đấu giá của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành

MỤC LỤC

I.	CĂN CỨ PHÁP LÝ	5
II.	DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	8
III.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ	9
IV.	TÌNH HÌNH CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	10
1.	Thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa	10
1.1.	Thông tin chung	10
1.2.	Ngành nghề kinh doanh	11
1.3.	Tổ chức bộ máy và chức năng các phòng ban của Tổng công ty	14
1.4.	Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu	24
1.5.	Thực trạng sử dụng lao động của Tổng công ty	24
1.6.	Chủ sở hữu của Tổng công ty	26
1.7.	Danh sách công ty con và các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác:	26
2.	Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước	38
3.	Tồn tại tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 30/6/2016 và biến động đến thời điểm Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, Tổng công ty Thương mại Hà Nội-Công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa và xử lý theo quy định:	42
3.1.	Chi phí trả trước dài hạn	42
3.2.	Công nợ phải thu:	42
3.3.	Tồn tại xử lý theo kết luận của Thanh tra thành phố số 2880/KL-TTTP-P3 ngày 27/11/2015 về việc quản lý, sử dụng nhà chuyên dùng số 17 Hàng Ngang, quận Hoàn Kiếm	47
4.	Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	48
4.1.	Đất đai, nhà xưởng	48
4.2.	Tài sản cố định	71
5.	Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước cổ phần hóa	73
5.1.	Doanh thu, lợi nhuận của Tổng Công ty giai đoạn 2014 – 2017	73
5.2.	Cơ cấu chi phí của Tổng Công ty giai đoạn 2014 – 2017	74
5.3.	Nguyên vật liệu	76
5.4.	Trình độ công nghệ	77
5.5.	Tình hình nghiên cứu sản phẩm, dịch vụ mới	77
5.6.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	77
5.7.	Hoạt động marketing	77

5.8.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	78
5.9.	Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết.....	78
5.10.	Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước cổ phần hóa.....	82
5.11.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	89
5.12.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	90
6.	Các tranh chấp pháp lý và các vấn đề cần xử lý khác liên quan đến các địa điểm mạng lưới có tồn tại vướng mắc, tranh chấp, liên quan đến tồn tại tài chính, công nợ chưa được xử lý đến thời điểm Tổng công ty Thương mại Hà Nội-Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu, Tổng công ty Thương mại Hà Nội -Công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa và xử lý:	91
V.	PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA	92
1.	Mục tiêu cổ phần hóa.....	92
2.	Hình thức cổ phần hóa.....	92
3.	Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa	92
3.1.	Thông tin chung.....	92
3.2.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty cổ phần	93
3.3.	Ngành nghề kinh doanh.....	93
3.4.	Cơ cấu tổ chức	97
3.5.	Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần	106
4.	Phương án sản xuất kinh doanh.....	107
4.1.	Mục tiêu tổng quát của Tổng công ty đến năm 2020	107
4.2.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần (2017-2019).....	107
4.3.	Giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD	110
5.	Phương án sử dụng các cơ sở nhà, đất sau cổ phần hóa	115
VI.	CÁC RỦI RO DỰ KIẾN	115
1.	Rủi ro về kinh tế	115
2.	Rủi ro về luật pháp.....	119
3.	Rủi ro cạnh tranh	119
4.	Rủi ro của đợt chào bán	120
5.	Rủi ro khác	120
VII.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN	121
1.	Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với nhà đầu tư tham gia đấu giá	121
2.	Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với người lao động	122
3.	Cổ phần bán cho Công đoàn công ty.....	123

4.	Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược.....	123
4.1.	Mục đích lựa chọn nhà đầu tư chiến lược	123
4.2.	Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược.....	123
4.3.	Phương thức bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược	125
4.4.	Kết quả lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược	125
5.	Xử lý số lượng cổ phần không bán hết.....	127
6.	Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa.....	127
VIII.	KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, ĐĂNG KÝ LƯU KÝ, GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	128
IX.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	128
X.	THAY LỜI KẾT	131

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty	11
Bảng 2: Thực trạng lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.....	25
Bảng 3: Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa	25
Bảng 4: Công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	27
Bảng 5: Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 30/06/2016	39
Bảng 6: Thông tin tóm tắt cơ sở nhà, đất Tổng Công ty được tiếp tục quản lý và sử dụng sau cổ phần hóa.....	54
Bảng 7: Tài sản cố định của Công ty mẹ Hapro tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 30/06/2016.....	71
Bảng 8: Tài sản cố định của Hapro tại thời điểm 31/12/2017 (Công ty mẹ).....	72
Bảng 9: Tài sản cố định của Hapro tại thời điểm 30/06/2017 (Hợp nhất)	72
Bảng 10: Cơ cấu doanh thu của Hapro giai đoạn 2014 –2017 (Công ty mẹ).....	73
Bảng 11: Cơ cấu doanh thu của Hapro giai đoạn 2014 – 6T/2017 (Hợp nhất).....	73
Bảng 12: Tỷ trọng lợi nhuận gộp/doanh thu của Hapro giai đoạn 2014 – 2017 (Công ty mẹ)	74
Bảng 13: Tỷ trọng lợi nhuận gộp/doanh thu giai đoạn 2014 – 6T/2017 (Hợp nhất).....	74
Bảng 14: Cơ cấu chi phí của Hapro giai đoạn 2014 –2017 (Công ty mẹ).....	74
Bảng 15: Cơ cấu chi phí của Hapro giai đoạn 2014 – 6T/2017 (Hợp nhất).....	75
Bảng 16: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết của Công ty mẹ.....	78
Bảng 17: Một số chỉ tiêu tổng hợp của Hapro giai đoạn 2014 –2017 (Công ty mẹ).....	82
Bảng 18: Một số chỉ tiêu tổng hợp của Hapro giai đoạn 2014 – 6T/2017 (Hợp nhất).....	83
Bảng 19: Công nợ phải thu của Hapro giai đoạn 2014 – 2017 (Công ty mẹ)	84
Bảng 20: Công nợ phải thu của Hapro giai đoạn 2014 – 6T/2017 (Hợp nhất)	85
Bảng 21: Công nợ phải trả của Hapro giai đoạn 2014 –2017 (Công ty mẹ).....	86
Bảng 22: Công nợ phải trả của Hapro giai đoạn 2014 – 6T/2017 (Hợp nhất)	87
Bảng 23: Một số chỉ tiêu tài chính của Hapro giai đoạn 2014 – 2017 (Công ty mẹ).....	88
Bảng 24: Một số chỉ tiêu tài chính của Hapro giai đoạn 2014 – 6T/2017 (Hợp nhất)	88
Bảng 25: Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần	93
Bảng 26: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến của Công ty cổ phần.....	106
Bảng 27: Một số chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần	108
Bảng 28: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa	127

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội	15
Sơ đồ 2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần	98

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/11/2014;
- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định 116/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 11/11/2015 sửa đổi Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần; Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 817/QĐ-BLĐTBXH ngày 28/05/2013 về việc đính chính Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016-2020;

- Công văn số 1679/UBND-KT ngày 11/4/2017 của UBND Thành phố Hà Nội báo cáo Chính phủ về việc xây dựng danh mục doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội thực hiện CPH theo từng năm (giai đoạn 2017-2020);
- Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;
- Căn cứ Công văn số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 - 2015;
- Căn cứ Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 18/3/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội;
- Thực hiện Công văn số 5318/UBND-KT ngày 13/9/2016 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hà Nội v/v Sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy Ban nhân dân thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020;
- Căn cứ Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của UBND Thành phố về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội; Quyết định số 3426/QĐ-STC-BCĐ ngày 14/6/2016 của Ban chỉ đạo CPH doanh nghiệp về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 về việc phê duyệt tiêu chí nhà đầu tư chiến lược khi cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án sử dụng các cơ sở nhà, đất sau cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại thời điểm 30/6/2016;
- Căn cứ Quyết định số 6582/QĐ-UBND ngày 21/9/2017 về việc sửa đổi, bổ sung nội dung tại Điểm 3.1.2 Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội;
- Căn cứ các biên bản họp liên ngành ngày 30/11/2016 về việc thẩm định điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Thương mại Hà Nội sau cổ phần hóa; biên bản ngày 07/12/2016 về việc thẩm định phương án SXKD của Tổng công ty Thương mại Hà Nội sau cổ phần hóa; biên bản ngày 12/06/2017 về việc thẩm định phương án lao động Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội sau cổ phần hóa;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị người lao động bất thường Công ty mẹ-Tổng công ty

Thương mại Hà Nội ngày 13/5/2017 và ngày 15/06/2017 về việc thông qua phương án cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 1925/QĐ-TTg ngày 30/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định 502/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt nhà Đầu tư chiến lược khi thực hiện Cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội;
- Căn cứ Hợp đồng Tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Thương mại Hà Nội (Hapro) số 01.12/2017/IVS/HĐ-TV ký ngày 25/12/2017 giữa Tổng công ty Thương mại Hà Nội và Công ty Cổ phần chứng khoán đầu tư Việt Nam (IVS);
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Lưu ý nhà đầu tư: Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 (thay thế Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011, Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015). Phương án cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 30/11/2017, trước thời điểm nghị định 126/2017/NĐ-CP có hiệu lực. Do đó, theo quy định tại khoản 2 điều 48 nghị định 126/2017/NĐ-CP, Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội được tiếp tục thực hiện theo phương án được duyệt. Việc xử lý các vấn đề về tài chính và quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu thực hiện theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

II. DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải nghĩa
Tổng công ty/Hapro/ Doanh nghiệp cổ phần hoá	Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội
Tổ chức tư vấn	Công ty cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam (IVS)
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐTV	Hội đồng thành viên
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
KTT	Kế toán trưởng
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
TSCĐ	Tài sản cố định
TSLĐ	Tài sản lưu động
SGDCK	Sở Giao dịch chứng khoán
HNX	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
UBND	Ủy ban nhân dân
BHXH	Bảo hiểm xã hội
CPH	Cổ phần hóa
DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước
GTDN	Giá trị doanh nghiệp
CP	Cổ phần
VĐL	Vốn điều lệ
BCTC	Báo cáo tài chính
GVHB	Giá vốn hàng bán
BDS	Bất động sản
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
BQ	Bình quân

III. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

1. Doanh nghiệp cổ phần hóa

- Tên tổ chức chào bán: **CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI**
- Trụ sở chính : Số 38-40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Trụ sở giao dịch : Số 11B Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;
- Vốn điều lệ dự kiến sau CPH : 2.200.000.000.000 (*Hai nghìn hai trăm tỷ đồng*)
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần.
- Tổng số lượng cổ phần : 220.000.000 cổ phần.
- Số cổ phần bán đấu giá : 75.926.000 cổ phần, tương đương 34,51% vốn điều lệ.
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông.
- Hình thức chào bán : Đấu giá công khai thông qua HNX
- Giá khởi điểm bán đấu giá : 12.800 đồng/cổ phần
- Bước giá : 100 đồng.
- Số mức giá : 01 mức giá.
- Bước khối lượng : 100 cổ phần.
- Số lượng cổ phần đặt mua tối thiểu: 100 cổ phần.
- Số lượng CP đặt mua tối đa với cá nhân và tổ chức trong nước: 75.926.000 cổ phần
- Số lượng CP đặt mua tối đa với cá nhân và tổ chức nước ngoài: 75.926.000 cổ phần

2. Tổ chức tư vấn bán đấu giá

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM (IVS)

Địa chỉ: Tầng 1, toà nhà Charm Vit Tower, số 117 đường Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 35730073 Fax: (84-24) 3573 0088

3. Tổ chức thực hiện bán đấu giá

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2, Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 39412626 Fax: (84-4) 39347818

IV. TÌNH HÌNH CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa

1.1. Thông tin chung

1.1.1. Giới thiệu chung về Tổng công ty

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
- Tên giao dịch quốc tế : HANOI TRADE CORPORATION
- Tên viết tắt tiếng Anh : HAPRO
- Trụ sở chính : Số 38-40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Trụ sở giao dịch: Số 11B Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;
- Điện thoại : (84-24) 3826 7984 Fax : (84-24) 3928 8407
- Chủ sở hữu : Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội
- Loại hình doanh nghiệp: Là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hạch toán độc lập có tư cách pháp nhân và con dấu riêng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0100101273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/02/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 09 tháng 10 năm 2014.

1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Thương mại Hà Nội là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 129/2004/QĐ-TTg ngày 14/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án thành lập Tổng công ty và Quyết định số 125/2004/QĐ-UB ngày 11/8/2004 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Tổng công ty Thương mại Hà Nội hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con trên cơ sở sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước của Thành phố hoạt động trong lĩnh vực thương mại, trong đó Công ty Sản xuất dịch vụ và Xuất nhập khẩu Nam Hà Nội trực thuộc Sở Thương mại Hà Nội (nay là Sở Công thương Hà Nội) được giao nhiệm vụ đảm nhận chức năng là Công ty Mẹ - Tổng công ty. Tổng công ty chính thức đi vào hoạt động từ tháng 11/2004.

Thực hiện Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ về việc chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, tháng 3/2010, Tổng công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 13/7/2010 của UBND thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/2/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 09 tháng 10 năm 2014, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty Thương mại Hà Nội bao gồm:

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty

STT	Tên ngành nghề kinh doanh
1	Bán buôn thực phẩm;
2	Bán buôn đồ uống;
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
	<u>Chi tiết:</u> <ul style="list-style-type: none">- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dựng trong mạch điện);- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);
4	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo <u>Chi tiết:</u> Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, thuốc láo
5	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
6	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)
7	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
8	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; <u>Chi tiết:</u> Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
9	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
10	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
11	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
12	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
13	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
14	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
15	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa <u>Chi tiết:</u> Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa
16	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
17	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
18	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;

STT	Tên ngành nghề kinh doanh
19	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh
20	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
21	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
22	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; <u>Chi tiết:</u> Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh hàng miễn thuế - Bán lẻ hoa, cây cảnh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt (trừ dịch vụ kính thuốc) - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng
23	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
24	Sản xuất rượu vang;
25	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
26	Sản xuất các loại bánh từ bột;
27	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
28	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
29	Dịch vụ phục vụ đồ uống;
30	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
31	Chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
32	Chế biến và bảo quản rau quả
33	Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự;
34	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)
35	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
36	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
37	Sản xuất bao bì bằng gỗ;
38	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
39	Sản xuất giày dép;
40	Sản xuất đường;

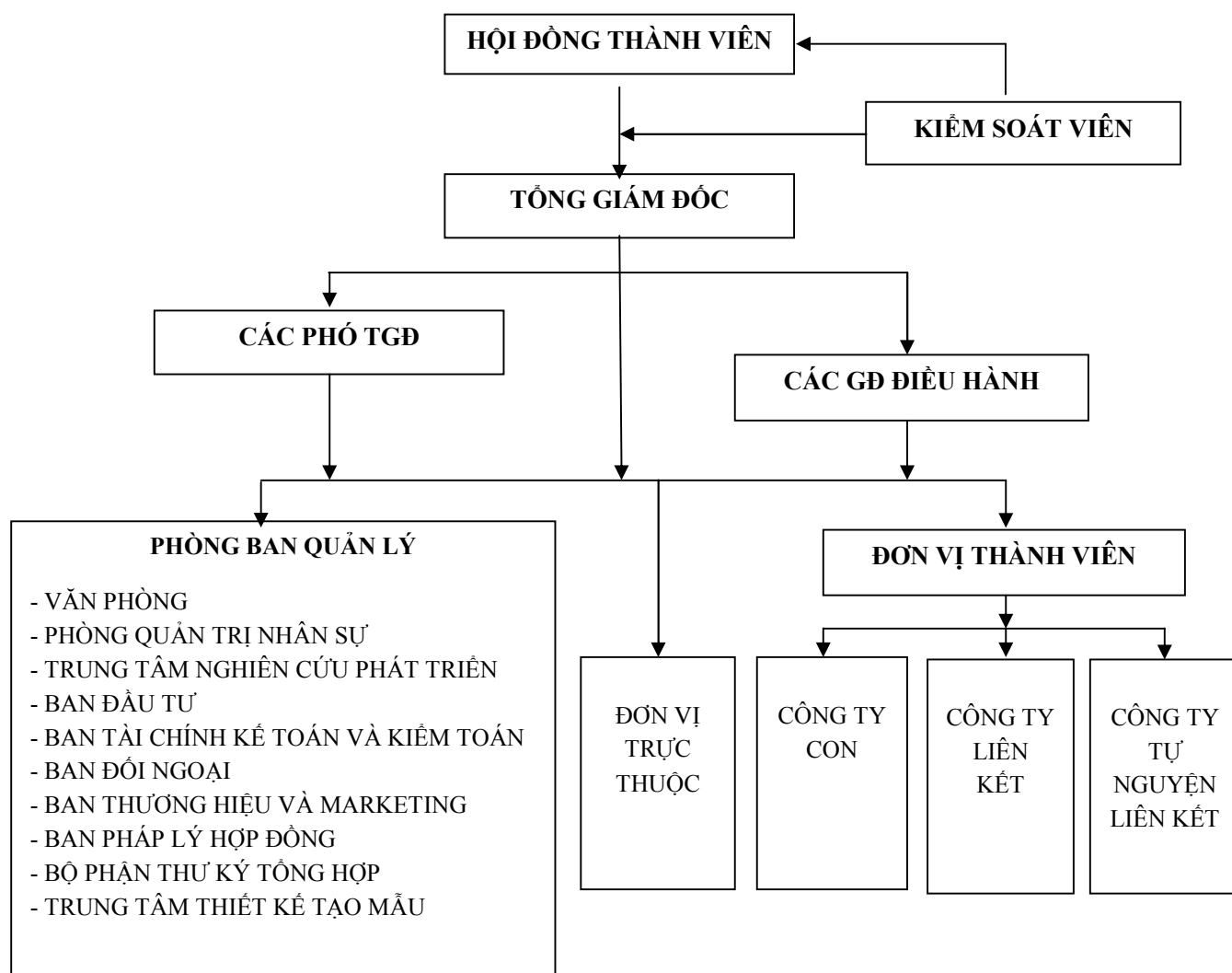
STT	Tên ngành nghề kinh doanh
41	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
	<u>Chi tiết:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Khách sạn; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
42	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
43	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
44	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Trừ dịch vụ thiết kế công trình);
45	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản
46	Dịch vụ đóng gói;
47	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý
48	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo;
49	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
50	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
51	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)
52	Nghiên cứu thị trường và thăm do dư luận
53	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản
54	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản
55	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa
56	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)
57	Bán buôn gạo
58	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

STT	Tên ngành nghề kinh doanh
59	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác tận thu khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
60	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến
61	Xay sát và sản xuất bột thô
62	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
63	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn
64	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)
65	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh
66	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng Bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng (không bao gồm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia)
	Các ngành nghề kinh doanh có điều kiện khác (<i>Tổng công ty đã có giấy phép kinh doanh do các cơ quan có thẩm quyền cấp</i>) <ul style="list-style-type: none">- Kinh doanh xuất khẩu gạo;- Phân phối, bán buôn một số sản phẩm rượu và bán lẻ rượu tại một số địa điểm, cửa hàng;- Kinh doanh hàng miễn thuế

(Nguồn: Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

1.3. Tổ chức bộ máy và chức năng các phòng ban của Tổng công ty

Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội



(Nguồn: Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

Mô hình tổ chức: Theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng công ty hiện nay bao gồm: Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Điều hành, các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc.

❖ **Hội đồng thành viên**

Hội đồng thành viên của Tổng công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên và các thành viên Hội đồng thành viên do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Hội đồng thành viên là cơ quan đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty và là đại diện chủ sở hữu đối với các công ty do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ và phần vốn góp do Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu Tổng công ty tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu Tổng công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

❖ **Kiểm soát viên**

Kiểm soát viên tại Tổng công ty do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Kiểm soát viên có nhiệm vụ: Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc tổ chức thực hiện các quyền của chủ sở hữu và trong việc quản lý điều hành công việc kinh doanh của Tổng công ty; Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo công tác khác trước khi trình chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu báo cáo thẩm định và một số nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

❖ **Ban Điều hành**

Ban Điều hành của Tổng công ty Thương mại Hà Nội bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và các Giám đốc Điều hành.

Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Các Giám đốc Điều hành do Hội đồng thành viên Tổng công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Điều hành giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền.

❖ **Các phòng chức năng**

- *Trung tâm Nghiên cứu phát triển:*

+ Nghiên cứu, tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn (bao gồm chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, phát triển hệ thống kinh doanh nội địa và phát triển doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty) các kế hoạch trung hạn và ngắn hạn để thực hiện chiến lược đó.

+ Xây dựng, triển khai, theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thống kê kế hoạch, đánh giá phân tích kết quả thực hiện được, báo cáo tổng hợp liên quan, đề xuất các giải pháp khả thi nhằm đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch.

+ Nghiên cứu, đề xuất áp dụng và theo dõi việc thực hiện các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO, HACCP,...) cho Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc; chịu trách nhiệm duy trì thường xuyên các hoạt động giám sát, đánh giá, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng trong Tổng công ty.

- *Ban Tài chính kế toán và kiểm toán:*

+ *Phòng Kế toán và kiểm toán nội bộ*

- Xây dựng và trình lãnh đạo Tổng công ty ban hành các văn bản, Quy chế tài chính hướng dẫn, cụ thể hoá các chế độ hạch toán kế toán áp dụng tại Công ty Mẹ và toàn Tổng công ty.
- Thực hiện công tác hạch toán kế toán Khối văn phòng Công ty Mẹ - Tổng công ty đúng chính sách chế độ.
- Hướng dẫn, giám sát các đơn vị trực thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty, Công ty thành viên 100% vốn Nhà nước thuộc Tổng công ty trong việc thực hiện công tác quản lý tài chính và hạch toán theo chế độ.
- Thực hiện báo cáo hợp cộng của Công ty Mẹ - Tổng công ty và hợp nhất của Tổng công ty.
- Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ đối với đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty và các công ty thành viên 100% vốn Nhà nước thuộc Tổng công ty.
- Thẩm định quyết toán dự án hoàn thành.

+ *Phòng Kinh doanh tài chính*

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty những vấn đề liên quan đến tài chính và đầu tư tài chính; quản lý, sử dụng và phát triển vốn.
- Xây dựng chiến lược vốn và các kế hoạch huy động, đầu tư và sử dụng vốn nhằm đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu vốn cho sự phát triển của Tổng công ty.

- Quản lý, theo dõi việc sử dụng vốn trong các doanh nghiệp Tổng công ty đã đầu tư hoặc góp vốn.
- Thực hiện nhiệm vụ của công tác đổi mới và phát triển doanh nghiệp.

+ Phòng Thu hồi công nợ

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty các chính sách, giải pháp xử lý, thu hồi công nợ, các biện pháp hạn chế phát sinh công nợ, đặc biệt là nợ xấu.
- Trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thu hồi công nợ

- Phòng Quản trị nhân sự:

Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng công ty gồm các Phòng, Ban, bộ phận, đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho các Phòng, Ban, bộ phận đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các Phòng, Ban, bộ phận, đơn vị trực thuộc Tổng công ty;

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho Công ty mẹ và các Công ty thành viên trong từng giai đoạn phát triển;

Xây dựng định biên lao động cho từng Phòng, Ban, bộ phận trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng bản mô tả công việc cho từng vị trí nhân sự trong bộ máy các Phòng, Ban quản lý của Tổng công ty;

Xây dựng các quy trình tuyển dụng lao động, đánh giá nhân lực, kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm phát triển nguồn nhân lực một cách tốt nhất.

Xây dựng cơ chế tiền lương, các chính sách đãi ngộ, các chế độ khác làm cơ sở cho việc phát triển nguồn nhân lực của Công ty mẹ và toàn Tổng công ty;

- Ban Đối ngoại

Nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển các mối quan hệ đối ngoại phục vụ yêu cầu phát triển của Tổng công ty và chiến lược quản trị các mối quan hệ đối ngoại đó;

Xây dựng, tổ chức và triển khai thực hiện các chương trình kế hoạch xúc tiến thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cho từng thời kỳ, từng khối, từng đơn vị;

Thiết lập, duy trì, phát triển và khai thác có hiệu quả các mối quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; xây dựng và đề xuất các chính sách mới đối với các mối quan hệ đối ngoại;

- Ban Thương hiệu - Marketing:

Tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty chiến lược phát triển thương hiệu, xây dựng kế hoạch trung và dài hạn cho công tác quảng bá hình ảnh của Tổng công ty ở thị trường trong nước và ngoài nước theo các chuẩn mực và trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và những quốc gia khác mà thương hiệu của Tổng công ty đăng ký bảo hộ;

Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông phục vụ mục tiêu phát triển thương hiệu, phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

- Ban Pháp lý hợp đồng:

Nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật của Việt Nam liên quan tới mọi lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty để tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong việc định hướng phát triển và quản lý điều hành các hoạt động của Tổng công ty;

Thường trực tiếp nhận và xử lý các tranh chấp, khiếu nại về hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự, các tranh chấp liên quan tới Tổng công ty tại tòa án; Phối hợp với các Phòng, Ban xây dựng các quy chế, quy định, các văn bản pháp lý của Tổng công ty trên cơ sở các văn bản pháp luật hiện hành và phù hợp với đặc điểm hoạt động của Tổng công ty;

- Bộ phận Thư ký tổng hợp:

Là đầu mối tiếp nhận thông tin của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và Ban lãnh đạo Tổng công ty;

Chuẩn bị kế hoạch, chương trình làm việc và sắp xếp lịch làm việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tổng công ty;

Thực hiện nhiệm vụ thư ký của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty đối với các đồng chí lãnh đạo, các Phòng, Ban quản lý Tổng công ty, các Công ty thành viên và đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty giải quyết một số công việc theo ủy quyền;

- Văn phòng:

+ *Phòng Đảng - Đoàn thể:* Trên cơ sở tổ chức lại và đổi tên Phòng Đoàn thể

Triển khai các mặt công tác của Đảng ủy Tổng công ty (bao gồm các công tác của Văn phòng Đảng ủy, Ban Tổ chức Đảng ủy Tổng công ty và Ban Tuyên giáo Đảng ủy TCT);

Công tác Đoàn thể: Công đoàn Công ty mẹ, Đoàn thanh niên Tổng công ty.

+ *Phòng Tổng hợp:*

Công tác thi đua khen thưởng (triển khai định kỳ theo quy định của Nhà nước và Thành phố); công tác Bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ; Tổ chức các ngày Lễ, Tết, kỷ niệm cho CBNV của Tổng công ty; Hợp mặt hưu trí hàng năm, ngày thương binh liệt sỹ, thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, chia tay cán bộ về hưu,...;

Chuẩn bị thủ tục, hồ sơ (Hộ chiếu, Visa...) cho các đoàn công tác của Tổng công ty đi công tác nước ngoài;

Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, tổng hợp.

+ *Phòng Hành chính phục vụ:*

Thực hiện các nhiệm vụ lễ tân, bảo vệ cơ quan, lái xe và quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật của trụ sở Tổng công ty;

Thực hiện công tác an ninh Quốc phòng, dân quan tự vệ, phòng cháy chữa cháy,... của Tổng công ty và khu vực văn phòng Tổng công ty.

- Ban Đầu tư:

+ *Phòng quản lý và phát triển mạng lưới:*

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác phân tích tài chính, đánh

giá hiệu quả các dự án đầu tư; Đề xuất và triển khai phương án khai thác, kinh doanh các dự án của Công ty mẹ - Tổng công ty và một số công trình chủ chốt, các dự án khác do Tổng công ty giao;

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác quản lý, khai thác sử dụng mạng lưới, địa điểm của Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả, đáp ứng định hướng, chiến lược phát triển thị trường của Tổng công ty;
- Tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác và phát triển hệ thống mạng lưới địa điểm của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ các tiêu chí: đúng mục đích sử dụng, phù hợp quy hoạch, khai thác và sử dụng có hiệu quả nhất;
- Hoàn thiện thủ tục pháp lý và quản lý các hồ sơ pháp lý về nhà đất của Công ty mẹ - Tổng công ty, giải quyết các tồn tại về quản lý sử dụng mạng lưới: Tranh chấp, khiếu kiện, sử dụng sai mục đích,... và hỗ trợ các Công ty thành viên khi có yêu cầu;
- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác đầu tư, kinh doanh và quản lý bất động sản của Công ty mẹ - Tổng công ty được Tổng công ty giao; Nghiên cứu thị trường, đề xuất phương án khai thác và tìm kiếm cơ hội kinh doanh bất động sản;

+ Phòng Quản lý dự án:

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn thực hiện dự án của Công ty mẹ - Tổng công ty và của các Công ty thành viên Tổng công ty;
- Quản lý và triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty mẹ - Tổng công ty trong giai đoạn thực hiện dự án, đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành;
- Tư vấn, hỗ trợ các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty, các Công ty thành viên Tổng công ty trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn thực hiện dự án

+ Phòng Chuẩn bị đầu tư

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác đề xuất ý tưởng hình thành các dự án; khảo sát, tìm kiếm địa điểm và triển khai công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án phát triển hạ tầng thương mại của Công ty mẹ - Tổng công ty và của các Công ty thành viên Tổng công ty ;
- Quản lý và triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty mẹ - Tổng công ty trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành;
- Tư vấn, hỗ trợ các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty, các Công ty thành viên Tổng công ty trong công tác chuẩn bị đầu tư theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành;

- *Trung tâm Thiết kế tạo mẫu:*

Nghiên cứu, khảo sát thị trường và thị hiếu của khách hàng trong và ngoài nước đối với những yêu cầu về mã sản phẩm của các mặt hàng thủ công mỹ nghệ;

Trực tiếp tham gia vào các công việc cần đến nghề thiết kế của Tổng công ty theo khả năng.

Là đầu mối của Tổng công ty triển khai thực hiện các công việc liên quan đến thiết kế và sản xuất các ấn phẩm: Brochure, poster, banner, bandron, standee,... theo quy chuẩn chung và bộ nhận diện thương hiệu của Tổng công ty.

❖ *Đơn vị hạch toán trực thuộc*

- *Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại TP Hồ Chí Minh:*

Trực tiếp tổ chức các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và dịch vụ xuất nhập khẩu tổng hợp các mặt hàng nông, lâm, hải sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, khoáng sản, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, hàng hóa, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ kiện đa ngành phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu tại khu vực phía nam theo ủy quyền của Tổng công ty.

Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

- *Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Trung tâm Xuất nhập khẩu phía Bắc:*

Trực tiếp tổ chức các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và dịch vụ xuất nhập khẩu tổng hợp các mặt hàng nông, lâm, hải sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, khoáng sản, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, hàng hóa, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ kiện đa ngành phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu tại khu vực phía Bắc theo ủy quyền của Tổng công ty.

Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

- *Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Trung tâm chế biến hàng xuất khẩu:*

Khai thác cơ sở vật chất hiện có, liên kết với các tổ chức sản xuất các loại hàng hóa phục vụ cho hoạt động của Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Trung tâm xuất nhập khẩu phía Bắc;

Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của Chi nhánh chế biến hàng xuất khẩu; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty;

- *Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại tỉnh Đồng Tháp:*

Nghiên cứu và tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty về định hướng thu mua, sản xuất, chế biến và dự trữ hàng hóa để tạo nguồn hàng ổn định phục vụ công tác xuất khẩu và tiêu thụ nội địa của Tổng công ty;

Tổ chức khai thác, thu mua, sản xuất, chế biến và cung ứng hàng hóa đặc trưng của vùng, miền, địa phương phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;

Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của Kho hàng; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty;

- ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại tỉnh Hưng Yên:***

Nghiên cứu và tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong việc hoạch định chiến lược, chính sách liên quan tới phát triển kinh doanh kho hàng và dịch vụ giao nhận vận tải (Logistic);

Tổ chức kinh doanh dịch vụ kho hàng;

Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

- ***Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình:***

Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại chợ; Các quy định việc sử dụng, thuê, thời hạn và các biện pháp quản lý điểm kinh doanh tại chợ; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý; kế hoạch duy trì, bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật chợ;

Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của chợ, tổ chức thực hiện nội quy chợ và xử lý các vi phạm nội quy chợ;

Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của chợ; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và Tổng công ty.

- ***Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối Bắc Thăng Long:***

Nghiên cứu và tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty phương thức kinh doanh có hiệu quả chợ đầu mối, các giải pháp tổ chức kinh doanh và quản lý chợ;

Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại Chợ; các quy định đối với người thuê địa điểm kinh doanh tại chợ; các biện pháp quản lý điểm kinh doanh; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý, kế hoạch duy trì bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Chợ;

Tổ chức quản lý, điều hành mọi hoạt động của Chợ, tổ chức thực hiện nội quy Chợ và xử lý các vi phạm nội quy chợ;

Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty.

- ***Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối phía Nam:***

Nghiên cứu và tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty phương thức kinh doanh có hiệu quả chợ đầu mối, các giải pháp tổ chức kinh doanh và quản lý chợ;

Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại Chợ; các quy định đối với người thuê địa điểm kinh doanh tại chợ; các biện pháp quản lý điểm kinh doanh; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý, kế hoạch duy trì bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Chợ;

Tổ chức quản lý, điều hành mọi hoạt động của Chợ, tổ chức thực hiện nội quy Chợ và xử lý các vi phạm nội quy chợ;

Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty.

- Công ty Siêu thị Hà Nội:

Công ty Siêu thị Hà Nội là đơn vị sản xuất kinh doanh hạch toán phụ thuộc, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng;

Công ty được tổ chức các hoạt động kinh doanh Thương mại và dịch vụ Siêu thị, xây dựng hệ thống mạng lưới Siêu thị theo quy hoạch và chiến lược phát triển của Tổng công ty Thương mại Hà Nội nhằm thực hiện tốt chỉ tiêu kế hoạch được giao, đảm bảo hiệu quả;

Căn cứ định hướng và chiến lược phát triển của Tổng công ty Thương mại Hà Nội, Công ty xây dựng phương án về công tác tổ chức cán bộ, tài chính kế toán, phương án sản xuất kinh doanh trình Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội phê duyệt;

Công ty Siêu thị Hà Nội chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội. Thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật và cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan.

- Trung tâm Kinh doanh hàng Miễn Thuế:

Chuyên kinh doanh nhập khẩu và mua hàng sản xuất trong nước để bán miễn thuế phục vụ các đối tượng được hưởng các ưu đãi về thuế: Khách xuất cảnh, khách nhập cảnh, chuyên gia ODA, chuyên gia Việt kiều làm việc tại Việt Nam theo lời mời của Nhà nước Việt Nam được quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế theo văn bản của Bộ Thương mại;

Chuyên kinh doanh hàng nhập khẩu và mua hàng sản xuất trong nước để bán miễn thuế phục vụ các đối tượng ngoại giao được quy định tại Nghị định 73/CP ngày 30/7/1994 của Chính phủ và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế;

Kinh doanh hàng mậu dịch phục vụ mọi đối tượng theo văn bản của Tổng cục Hải quan.

Xây dựng kế hoạch kinh doanh và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Tổng công ty giao. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước về hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

- Ban Quản lý Khu công nghiệp thực phẩm Hapro:

Quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư tại Cụm công nghiệp theo các tài liệu được Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội phê duyệt cho các doanh nghiệp;

Giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc thực hiện các hợp đồng thuê đất có hạ tầng đối với các doanh nghiệp đầu tư, hoạt động tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro;

Quản lý hồ sơ tài liệu có liên quan đến Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro.

❖ **Các Công ty thành viên và Công ty có vốn góp của Công ty mẹ - Tổng công ty:**

Tại thời điểm 31/12/2017, Tổng công ty có 10 công ty con, 20 Công ty thành viên liên kết và có đầu tư góp vốn tại 11 công ty khác.

1.4. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu

Tổng công ty Thương mại Hà Nội hoạt động trên 03 lĩnh vực kinh doanh chính là Kinh doanh xuất nhập khẩu, Thương mại nội địa và Đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, cụ thể:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu:
 - o Xuất khẩu hàng TCMN, nông sản, thực phẩm, đồ uống, may mặc thời trang, hàng tiêu dùng...
 - o Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất và đời sống, hàng tiêu dùng...
- Thương mại nội địa:
 - o Quản lý hệ thống Trung tâm thương mại, siêu thị, chuỗi cửa hàng tiện ích, cửa hàng chuyên doanh...
 - o Phát triển hệ thống phân phối, bán buôn, đại lý đối với các mặt hàng tiêu dùng do Tổng công ty sản xuất và phân phối.
 - o Kinh doanh hàng miễn thuế.
 - o Sản xuất, chế biến thực phẩm, đồ uống các loại, hàng TCMN, gốm sứ, may mặc; hàng thực phẩm.
 - o Cung cấp dịch vụ: nhà hàng ăn uống, du lịch lữ hành, kho vận.
 - o Dịch vụ logistic.
- Đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ bao gồm: Hệ thống Trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích; văn phòng cho thuê; chợ đầu mối, trung tâm phân phối dự trữ hàng hóa logistic.

1.5. Thực trạng sử dụng lao động của Tổng công ty

Dựa trên cơ sở nguồn lao động hiện có và kế hoạch kinh doanh của Tổng công ty sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần, Tổng công ty dự kiến sắp xếp lại toàn bộ lực lượng lao động. Cụ thể như sau:

1.5.1. Thực trạng lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp

Cơ cấu lao động của Tổng công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (ngày 28/4/2017) như sau:

Bảng 2: Thực trạng lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp

STT	Chỉ tiêu	Số lao động	Tỷ lệ (%)
	Tổng số lao động	630	100%
I	Phân loại theo giới tính:		
1	Nam	267	42,38%
2	Nữ	363	57,62%
II	Phân loại theo HĐLĐ		
1	Lao động do Nhà nước bổ nhiệm	5	0,79%
2	Lao động không xác định thời hạn	559	88,73%
3	Lao động xác định thời hạn	63	10,00%
4	Lao động theo mùa vụ	3	0,48%
III	Phân loại theo trình độ		
1	Trên Đại học	22	3,49%
2	Trình độ Đại học	316	50,16%
3	Trình độ Cao đẳng, trung cấp	105	16,67%
4	Trình độ nghề, phổ thông	187	29,68%

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Tổng công ty)

1.5.2. Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa

Bảng 3: Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa

TT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp CPH	630
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	05
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	625
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	559
	b) Làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	63

TT	Nội dung	Tổng số
	<i>c) Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng</i>	<i>03</i>
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	80
1	Số lao động dôi dư sắp xếp theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/5/2015	79
2	Số viên chức tinh giảm biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014	1
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	550
1	<i>Phân loại theo hình thức hợp đồng lao động</i>	
-	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	532
-	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	10
-	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động	08
2	<i>Phân loại theo trình độ</i>	550
-	Trình độ trên đại học	21
-	Trình độ đại học	294
-	Trình độ cao đẳng, trung cấp	85
-	Trình độ nghề, phổ thông	150

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Tổng công ty)

1.6. Chủ sở hữu của Tổng công ty

Tên tổ chức:

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Địa chỉ:

12 Lê Lai, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

1.7. Danh sách công ty con và các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác:

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

Bảng 4: Công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ Tại 30/6/2016 (VND)	Vốn điều lệ Tại 31/12/2017 (VND)	Giá trị vốn góp của TCT (theo sổ sách tại thời điểm 30/6/2016) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại thời điểm XDGTĐN (VND)	Giá trị vốn góp của TCT (theo XDGTĐN tại thời điểm 30/6/2016) (VND)	Mua thêm cổ phần tại các Công ty sau thời điểm XDGTĐN	Giá trị vốn góp tại 31/12/2017 (đã điều chỉnh) (VND)	Tỷ lệ vốn góp của TCT tại 30/6/2016	Tỷ lệ vốn góp của TCT tại 31/12/2017
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)	(10)	(11)=(9)+(10)	(12)	(13)
A	Đầu tư góp vốn tại công ty con					287.633.500.000	(10.904.483.820)	276.729.016.180	-	276.729.016.180		
1	Công ty CP Thủy Tạ	1-6 Lê Thái Tổ - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng...	30.000.000.000	30.000.000.000	15.373.500.000	7.024.014.803	22.397.514.803	-	22.397.514.803	51,25%	51,25%
2	Công ty CP Đầu tư TM&DV Chợ Bưởi	Chợ Bưởi - Phường Bưởi - Quận Tây Hồ - Hà Nội	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ, gỗ, tre, nứa) và động vật sống	32.000.000.000	32.000.000.000	19.840.000.000	332.097.846	20.172.097.846	-	20.172.097.846	62,00%	62,00%
3	Công ty CP Gốm Chu Đậu	Thôn Chu Đậu, xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác....	20.000.000.000	20.000.000.000	10.200.000.000	(121.007.139)	10.078.992.861	-	10.078.992.861	51,00%	51,00%
4	Công ty CP Thực phẩm Hà Nội	24-26 Trần Nhật Duật, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Sản xuất, phân phối các sản phẩm thực phẩm chế biến, tươi sống, hàng tiêu dùng thiết yếu,...	145.000.000.000	145.000.000.000	74.772.000.000	(46.905.624)	74.725.094.376	-	74.725.094.376	51,57%	51,57%
5	Công ty CP TMDV Tràng Thi	12-14 Tràng Thi, P. Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh thương mại, Xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh bất động sản	135.000.000.000	135.000.000.000	72.002.000.000	6.958.024.601	78.960.024.601	-	78.960.024.601	53,33%	53,33%

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ Tại 30/6/2016 (VND)	Vốn điều lệ Tại 31/12/2017 (VND)	Giá trị vốn góp của TCT (theo sổ sách tại thời điểm 30/6/2016) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại thời điểm XDGTĐN (VND)	Giá trị vốn góp của TCT (theo XDGTĐN tại thời điểm 30/6/2016) (VND)	Mua thêm cổ phần tại các Công ty sau thời điểm XDGTĐN	Giá trị vốn góp tại 31/12/2017 (đã điều chỉnh) (VND)	Tỷ lệ vốn góp của TCT tại 30/6/2016	Tỷ lệ vốn góp của TCT tại 31/12/2017
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)	(10)	(11)=(9)+(10)	(12)	(13)
6	Công ty cổ phần Rượu Hapro	Khu Công nghiệp Hapro, xã Lê Chi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh cồn, rượu Vodka Hapro	32.978.600.000	32.978.600.000	18.000.000.000	(7.856.957.082)	10.143.042.918	-	10.143.042.918	54,58%	54,58%
7	Công ty CP XNK TCMN và DL Thương nhân Hapro	Số 11B Tràng Thị, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Du lịch lữ hành quốc tế, nội địa, đại lý vé máy bay..., xuất khẩu hàng hóa	10.000.000.000	10.000.000.000	5.250.000.000	(4.658.873.107)	591.126.893	-	591.126.893	52,50%	52,50%
8	Công ty CP Phát triển siêu thị Hà Nội	38-40 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, HN	Kinh doanh siêu thị, DV nhà hàng ăn uống..	61.591.000.000	61.591.000.000	51.381.000.000	(1.371.232.399)	50.009.767.601	-	50.009.767.601	83,42%	83,42%
9	Công ty CPĐTTM Hapro Đà Nẵng	Lô A1-3 Lê Văn Hiến, Phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Bán buôn, bán lẻ mỹ phẩm, thực phẩm, nội thất..	20.000.000.000	20.000.000.000	15.715.000.000	(8.215.748.072)	7.499.251.928	-	7.499.251.928	78,58%	78,58%
10	Công ty CP Sự kiện và Âm thực Hapro	Số 172 Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Q. Ba Đình, Hà Nội	Nhà hàng ăn uống, tổ chức sự kiện	10.000.000.000	10.000.000.000	5.100.000.000	(2.947.897.647)	2.152.102.353	-	2.152.102.353	51,00%	51,00%
B	Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết					203.227.019.824	15.661.297.363	218.888.317.187	5.399.770.000	224.288.087.187		
1	Công ty CP Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 191 Lạc Long Quân, P. Nghĩa Đo, Q. Cầu Giấy, HN	Sản xuất rượu vang, sản xuất đồ uống có cồn...	27.000.000.000	40.500.000.000	10.799.550.000	15.011.374.500	25.810.924.500	5.399.770.000	31.210.694.500	40,00%	40,00%
2	Công ty CP PTTM Hà Nội	B21 Nam Thành Công (47 Nguyễn Hồng), P. Láng	KD hàng bách hóa, công nghệ phẩm, thực phẩm, bán hàng	24.800.000.000	24.800.000.000	7.736.000.000	(246.362.437)	7.489.637.563	-	7.489.637.563	31,19%	31,19%

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ Tại 30/6/2016 (VND)	Vốn điều lệ Tại 31/12/2017 (VND)	Giá trị vốn góp của TCT (theo sổ sách tại thời điểm 30/6/2016) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại thời điểm XĐGTDN (VND)	Giá trị vốn góp của TCT (theo XĐGTN tại thời điểm 30/6/2016) (VND)	Mua thêm cổ phần tại các Công ty sau thời điểm XĐGTDN	Giá trị vốn góp tại 31/12/2017 (đã điều chỉnh) (VND)	Tỷ lệ vốn góp của TCT tại 30/6/2016	Tỷ lệ vốn góp của TCT tại 31/12/2017
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)	(10)	(11)=(9)+(10)	(12)	(13)
		Hà, Q. Đống Đa, HN	đại lý, ký gửi..									
3	Công ty CPPTM và DL Hà Nội	Số 7 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, HN	KD du lịch lữ hành, nội địa, quốc tế..	6.000.000.000	6.000.000.000	2.400.000.000	(1.095.462.821)	1.304.537.179	-	1.304.537.179	40,00%	40,00%
4	Công ty CP SXKD Gia súc Gia Cầm	Khu Công nghiệp Hapro, xã Lê Chi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Chăn nuôi, sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm gia súc gia cầm	47.250.000.000	47.250.000.000	20.000.005.440	(12.594.698.455)	7.405.306.985	-	7.405.306.985	42,33%	42,33%
5	Công ty CP ĐTPT Hạ tầng TM Hà Nội	Số 38-40 lê Thái Tô, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm, HN	Hoạt động đầu tư và phát triển hệ thống hạ tầng thương mại	40.000.000.000	40.000.000.000	12.225.242.550	469.285.978	12.694.528.528	-	12.694.528.528	33,42%	33,42%
6	Công ty cổ phần Phân phối Hapro	Số 11C, phố Cát Linh, P. Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, HN	Trồng, chế biến, bán buôn, bán lẻ thực phẩm, hàng hóa, phân phối hàng hóa	10.000.000.000	10.000.000.000	2.550.000.000	(2.550.000.000)	-	-	-	25,50%	25,50%
7	Công ty cổ phần Thông tin Hapro	Số 38-40 lê Thái Tô, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm, HN	Hoạt động dịch vụ CNTT, bán buôn, bán lẻ máy tính, linh kiện điện tử...	10.000.000.000	10.000.000.000	2.677.396.334	(1.952.514.570)	724.881.764	-	724.881.764	26,77%	26,77%
8	Công ty CP TM - Đầu tư Long Biên	Số 561, Đường Nguyễn Văn Linh, P. Sài Đông, Q. Long Biên, HN	KD, XNK tư liệu sản xuất, DV du lịch lữ hành, đại lý, ký gửi, ủy thác hàng hóa.	10.900.000.000	10.900.000.000	3.373.000.000	2.312.410.613	5.685.410.613	-	5.685.410.613	30,94%	30,94%
9	Công ty CP SX chế biến XNK Điều Hapro Bình Phước	Tô 4, ấp Thuận Hải, xã Thuận Phú, H. Đồng Phú, T. Bình Phước	Bán buôn thực phẩm....	50.000.000.000	50.000.000.000	10.000.000.000	(4.296.160.775)	5.703.839.225	-	5.703.839.225	20,00%	20,00%

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ Tại 30/6/2016 (VND)	Vốn điều lệ Tại 31/12/2017 (VND)	Giá trị vốn góp của TCT (theo sổ sách tại thời điểm 30/6/2016) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại thời điểm XDGTĐN (VND)	Giá trị vốn góp của TCT (theo XDGTĐN tại thời điểm 30/6/2016) (VND)	Mua thêm cổ phần tại các Công ty sau thời điểm XDGTĐN	Giá trị vốn góp tại 31/12/2017 (đã điều chỉnh) (VND)	Tỷ lệ vốn góp của TCT tại 30/6/2016	Tỷ lệ vốn góp của TCT tại 31/12/2017
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)	(10)	(11)=(9)+(10)	(12)	(13)
10	Công ty CP TMDV Thời Trang Hà Nội	Số 13, phố Đinh Lễ, P. Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, HN	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc, may trang phục....	100.000.000.000	100.000.000.000	49.028.000.000	4.925.599.554	53.953.599.554	-	53.953.599.554	49,03%	49,03%
11	Công ty CP DV-XNK Nông sản Hà Nội	Số 210 Nguyễn Trãi, P. Thượng Đĩnh, Q. Thanh Xuân, HN	Ban buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc, bán buôn thức ăn và các loại nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm...	40.000.000.000	40.000.000.000	16.950.000.000	3.526.371.906	20.476.371.906	-	20.476.371.906	42,38%	42,38%
12	Công ty CP LH XNK và Đầu tư Hà Nội	41 Ngõ Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, bán buôn oto và xe có động cơ....	200.000.000.000	200.000.000.000	40.297.000.000	(659.114.208)	39.637.885.792	-	39.637.885.792	20,15%	20,15%
13	Công ty CP KDXNK An Phú Hưng	5C/1 tổ 8 Khu phố 1A, P. An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Bán buôn nông, lâm sản, lá thuốc lá, Bán buôn hạt Điều thô...	10.000.000.000	10.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000	40,00%	40,00%
14	Công ty cổ phần Nội thất Sinh thái Hapro	KCN Thực phẩm Hapro, Xã Lê Chi, H. Gia Lâm, Hà Nội	Kinh doanh giống cây trồng , cây cảnh, lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư các công trình xây dựng...	2.000.000.000	2.000.000.000	400.000.000	(400.000.000)	-	-	-	20,00%	20,00%
15	Công ty cổ phần Ông Mặt Hà Nội	80 Nguyễn Chí Thanh, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội	Bán buôn thực phẩm	5.000.000.000	5.000.000.000	1.000.000.000	130.645.063	1.130.645.063	-	1.130.645.063	20,00%	20,00%

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ Tại 30/6/2016 (VND)	Vốn điều lệ Tại 31/12/2017 (VND)	Giá trị vốn góp của TCT (theo sổ sách tại thời điểm 30/6/2016) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại thời điểm XDGTĐN (VND)	Giá trị vốn góp của TCT (theo XDGTĐN tại thời điểm 30/6/2016) (VND)	Mua thêm cổ phần tại các Công ty sau thời điểm XDGTĐN	Giá trị vốn góp tại 31/12/2017 (đã điều chỉnh) (VND)	Tỷ lệ vốn góp của TCT tại 30/6/2016	Tỷ lệ vốn góp của TCT tại 31/12/2017
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)	(10)	(11)=(9)+(10)	(12)	(13)
16	Công ty CP siêu thị VHSC (Việt Nam)	Số 8 Phạm Ngọc Thạch, P. Kim Liên, Q. Đống Đa, TP Hà Nội	Kinh doanh siêu thị, thực phẩm....	18.365.228.300	18.365.228.300	7.085.949.500	4.254.919.397	11.340.868.897	-	11.340.868.897	35,00%	35,00%
17	Công ty cổ phần Khách sạn Tráng Thi	Số 11B Tráng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày...	10.000.000.000	10.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	30,00%	30,00%
18	Công ty CP ĐT và PT hệ thống phân phối Việt Nam	Số 275B Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố HCM	Kinh doanh thương mại, dịch vụ, đầu tư....	600.000.000.000	600.000.000.000	1.000.000.000	(776.020.609)	223.979.391	-	223.979.391	0,17%	0,17%
19	Công ty TNHH cao ốc Á Châu	Số 6 Phố Nhà Thờ, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	Xây dựng và kinh doanh một tòa nhà làm văn phòng cho thuê	12.636.225.000	12.636.225.000	4.729.950.000	12.494.460.646	17.224.410.646	-	17.224.410.646	40,00%	40,00%
20	Công ty CPTM Miền núi Phú Thọ	Số 68 Bạch Đằng, P. Âu Cơ, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ	Bán buôn thực phẩm, bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo, máy móc, phụ tùng máy nông nghiệp...	5.664.620.000	5.664.620.000	3.974.926.000	(2.893.436.419)	1.081.489.581	-	1.081.489.581	26,99%	26,99%
C	Đầu tư tại các đơn vị khác					38.678.920.000	9.542.237.083	48.221.157.083	2.036.330.000	50.257.487.083		
1	Công ty CP Đầu tư và Thương mại VNN	Số nhà 15 ngõ 175/5/167 đường Định Công, P. Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, kho bãi và lưu giữ hàng hóa...	57.266.980.000	57.266.980.000	5.250.000.000	(3.955.000.000)	1.295.000.000	-	1.295.000.000	6,11%	6,11%

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ Tại 30/6/2016 (VND)	Vốn điều lệ Tại 31/12/2017 (VND)	Giá trị vốn góp của TCT (theo sổ sách tại thời điểm 30/6/2016) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại thời điểm XĐGTDN (VND)	Giá trị vốn góp của TCT (theo XĐGTN tại thời điểm 30/6/2016) (VND)	Mua thêm cổ phần tại các Công ty sau thời điểm XĐGTDN	Giá trị vốn góp tại 31/12/2017 (đã điều chỉnh) (VND)	Tỷ lệ vốn góp của TCT tại 30/6/2016	Tỷ lệ vốn góp của TCT tại 31/12/2017
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)	(10)	(11)=(9)+(10)	(12)	(13)
2	Công ty cổ phần sữa Hà Nội (Hanoi milk)	Km số 9, Bắc Thăng Long, Nội Bài, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất và buôn bán sữa bò, sữa đậu nành, các sản phẩm từ sữa....	200.000.000.000	200.000.000.000	2.570.000.000	(1.790.000.000)	780.000.000	-	780.000.000	0,50%	0,50%
3	Công ty cổ phần tập đoàn Vinacontrol	Số 54 Trần Nhân Tông, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, HN	Kiểm tra phân tích kỹ thuật, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan...	104.999.550.000	104.999.550.000	2.000.000.000	4.600.000.000	6.600.000.000	-	6.600.000.000	1,90%	1,90%
4	Công ty CP ĐT Bất động sản Toàn Cầu	Số 170 đường La Thành, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, HN	Lập, quản lý, tổ chức, triển khai KH,ĐA đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng bằng NSNN...	300.000.000.000	300.000.000.000	12.533.920.000	5.369.857.866	17.903.777.866	808.830.000	18.712.607.866	2,47%	2,74%
5	Công ty cổ phần Thương mại Lăng Yên	Số 21 Trần Khánh Dư, phường Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, HN	Kinh doanh thương mại dịch vụ, cho thuê tài sản...	40.000.000.000	40.000.000.000	5.025.000.000	(2.960.768.449)	2.064.231.551	-	2.064.231.551	5,00%	5,00%
6	Công ty CP XNK DV và Đầu tư Việt Nam (Vicosimex)	312 Nguyễn Văn Thọ, P Khuê Trung, Q Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	Sản xuất Công nghiệp kinh doanh thương mại và dịch vụ	15.000.000.000	30.000.000.000	50.000.000	46.230.548	96.230.548	37.500.000	133.730.548	0,33%	0,25%
7	Công ty CP Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương	Thôn Chu Đậu, xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Sản xuất sản phẩm gốm sứ, hàng thủ công mỹ nghệ và thiết bị chuyên ngành gốm sứ...	50.000.000.000	50.000.000.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	-	-	4,00%	4,00%

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ Tại 30/6/2016 (VND)	Vốn điều lệ Tại 31/12/2017 (VND)	Giá trị vốn góp của TCT (theo sổ sách tại thời điểm 30/6/2016) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại thời điểm XĐGTDN (VND)	Giá trị vốn góp của TCT (theo XĐGTN tại thời điểm 30/6/2016) (VND)	Mua thêm cổ phần tại các Công ty sau thời điểm XĐGTDN	Giá trị vốn góp tại 31/12/2017 (đã điều chỉnh) (VND)	Tỷ lệ vốn góp của TCT tại 30/6/2016	Tỷ lệ vốn góp của TCT tại 31/12/2017
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)	(10)	(11)=(9)+(10)	(12)	(13)
8	Công ty CP SXTMDV Tân Mỹ	Đường 1A, KCN Phú Mỹ I, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Sản xuất gỗ xây dựng, sản xuất gỗ dăm nguyên liệu giấy...	20.000.000.000	30.000.000.000	1.200.000.000	2.166.431.221	3.366.431.221	690.000.000	4.056.431.221	6,00%	6,00%
9	Công ty CP ĐTXDTM COINTRA	445 Đội Cấn, P. Vĩnh Phúc, Q. Ba Đình, HN	Đầu tư xây dựng các dự án phát triển khu đô thị, khu công nghiệp tập Trung...	10.000.000.000	10.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	10,00%	10,00%
10	Công ty TNHH ĐTTM Trảng Tiền	24 Hai Bà Trưng, P. Trảng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	Đầu tư kinh doanh bất động sản, Dịch vụ vui chơi giải trí, Dịch vụ ăn uống...	15.000.000.000	20.000.000.000	1.500.000.000	8.065.485.897	9.565.485.897	500.000.000	10.065.485.897	10,00%	10,00%
11	Liên danh TTTM Chợ Ngã Tư Sở					5.550.000.000	-	5.550.000.000	-	5.550.000.000		
	Tổng cộng					529.539.439.824	14.299.050.626	543.838.490.450	7.436.100.000	551.274.590.450		

(Nguồn: Tổng Công ty Thương mại Hà Nội)

Ghi chú:

- Tổng số vốn đầu tư theo sổ sách tại thời điểm 30/6/2016 : 529.539.439.824 đồng
- Tổng số vốn đầu tư xác định lại tại thời điểm 30/6/2016 : 543.838.490.450 đồng
- Chênh lệch xác định lại tăng so với sổ sách kế toán tại thời điểm 30/6/2016 được ghi tăng vốn nhà nước : 14.299.050.626 đồng.
- Tổng Vốn đầu tư tại thời điểm 31/12/2017: 551.274.590.450 đồng; chênh lệch tăng so với thời điểm 30/6/2016 là: 7.436.100.000 đồng.
- Việc xác định vốn Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội đầu tư vào các doanh nghiệp khác tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 30/06/2016 được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành có liên quan. .
- Vấn đề xử lý tài chính liên quan đến các khoản đầu tư vào 41 doanh nghiệp này tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần được thực hiện quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn hiện hành.
- Tại thời điểm công bố thông tin chào bán cổ phần lần đầu Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội, Công ty cổ phần Liên hiệp XNK và Đầu tư Hà Nội (là công ty thực hiện cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV XNK và Đầu tư Hà Nội - Công ty thành viên 100% vốn của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội, Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội hiện nắm giữ 20,15% vốn điều lệ) được cấp giấy đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần từ ngày 03/6/2016 chưa thực hiện xong thủ tục bàn giao từ Công ty nhà nước sang Công ty cổ phần.

1.7.1. Tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến 31/12/2017 tăng 7.436.100.000 đồng, do:

- (i) **Công ty cổ phần Vang Thăng Long (mục B.1 – bảng 4):** Căn cứ Nghị Quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/NQ- ĐHĐCĐ ngày 06/12/2016 của Công ty cổ phần Vang Thăng Long và Căn cứ ý kiến chấp thuận của HĐQT Tổng công ty tại Tờ trình số: 153/TTr-BĐH ngày 26/10/2016 về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng nhằm tăng vốn Điều lệ của Công ty cổ phần Vang Thăng Long từ 27.000.000.000 đồng lên 40.500.000.000 đồng. Theo đó Tổng công ty đã mua thêm 539.977 cổ phần với giá mua 10.000 đồng / cổ phần tương ứng với giá trị mua là: 5.399.770.000 đồng để đảm bảo tỷ lệ vốn góp của Tổng công ty Thương mại tại Công ty là 40% vốn điều lệ. Như vậy sau khi mua thêm số cổ phần trên tổng số cổ phần Tổng công ty nắm giữ tại Công ty cổ phần Vang Thăng Long là: 1.619.932 cổ phần, chiếm 40% vốn điều lệ Công ty, tăng 539.977 cổ phần tương ứng 5.399.770.000 đồng so với giá trị vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Vang Thăng Long tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/6/2016.
- (ii) **Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Toàn Cầu (mục C4 – bảng 4):** Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần, vốn điều lệ đăng ký là 300 tỷ đồng,

tuy nhiên số vốn thực góp của các nhà đầu tư mới đạt 267,69 tỷ đồng. Căn cứ Thông báo số 01TB/BĐSTC- HĐQT ngày 08/8/2016 của Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn Cầu về việc đăng ký mua cổ phần dành cho cổ đông hiện hữu để huy động vốn cho đủ vốn điều lệ Công ty đã đăng ký và Căn cứ ý kiến chấp thuận của HĐQT Tổng công ty tại Tờ trình số 135/TTr-BĐH ngày 22/8/2016 về việc mua thêm cổ phần tại Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Toàn Cầu. Theo đó Tổng công ty đã mua thêm 80.883 cổ phần với giá mua 10.000 đồng/cổ phần tương ứng với giá trị mua: 808.830.000 đồng. Như vậy sau khi mua thêm số cổ phần trên tổng số cổ phần Tổng công ty nắm giữ tại Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Toàn cầu là: 822.360 cổ phần, chiếm 2.74% vốn điều lệ, tăng 80.883 cổ phần tương ứng 808.830.000 đồng so với giá trị vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Đầu tư bất động sản Toàn Cầu tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/6/2016.

(iii) Công ty CP XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (Vicosimex) (mục C.6 – bảng 4):

Căn cứ Thông báo số 183/VIC ngày 09/11/2017 của Công ty CP XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam về việc thông báo phát hành tăng vốn điều lệ và Căn cứ ý kiến chấp thuận của HĐQT Tổng công ty tại Tờ trình số 131/TTr – BĐH ngày 17/11/2017 về việc mua thêm cổ phần tại Công ty CP XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (Vicosimex). Theo đó Tổng công ty đã mua thêm 2.500 cổ phần với giá mua quy đổi là: 10.000 đồng/cổ phần. Như vậy sau khi mua thêm số cổ phần trên tổng số cổ phần Tổng công ty nắm giữ tại Công ty CP XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (Vicosimex) là: 7.500 cổ phần, chiếm 0,25% vốn điều lệ, tăng 2.500 cổ phần tương ứng 37.500.000 đồng so với giá trị vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (Vicosimex) tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/6/2016.

(iv) Công ty CP SX TM DV Tân Mỹ (mục C.8 – bảng 4): Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 số 15/NQ-TM-ĐHĐCĐ của Công ty CP SXTM DV Tân Mỹ ngày 15/01/2017 và Căn cứ ý kiến chấp thuận của HĐQT Tổng công ty tại Tờ trình số 05B/TTr – BĐH ngày 20/01/2017 về việc mua thêm cổ phần của Công ty CP SX TM DV Tân Mỹ. Theo đó Tổng công ty đã mua thêm 30.000 cổ phần (với giá mua: 12.000 cổ phần là 10.000 đồng/ cổ phần và 18.000 cổ phần với giá mua là: 15.000 đồng/ cổ phần) và 30.000 cổ phần đã trích từ quỹ đầu tư phát triển của Công ty sẽ được bổ sung tăng vốn góp của các cổ đông hiện hữu trên cơ sở tỷ lệ số cổ phần đang nắm giữ tại Công ty. Như vậy sau khi mua và được bổ sung thêm số cổ phần trên tổng số cổ phần Tổng công ty nắm giữ tại Công ty CP SX TM DV Tân Mỹ là: 180.000 cổ phần, chiếm 6% vốn điều lệ Công ty, tăng 60.000 cổ phần tương ứng 690.000.000 đồng so với giá trị vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/6/2016.

(v) Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tràng Tiền (mục C.10 – bảng 4): Căn cứ Công văn số 147/TTPL-BGĐ ngày 11/10/2016 của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại

Tràng Tiền về việc tăng vốn Điều lệ của Công ty và Căn cứ kiến chấp thuận của HĐQT Tổng công ty tại Tờ trình số: 155/TTr-BĐH ngày 28/10/2016 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tràng Tiền từ 15.000.000.000 đồng lên 20.000.000.000 đồng. Để đảm bảo duy trì tỉ lệ góp vốn là 10% Tổng công ty Thương mại Hà Nội đã tham gia góp vốn thêm với số tiền là: 500.000.000 đồng. Như vậy giá trị thực tế phần vốn góp của Tổng công ty tại Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tràng Tiền tại thời điểm hiện tại chiếm 10% vốn điều lệ Công ty tăng 500.000.000 đồng so với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30.6.2016.

1.7.2. Một số nội dung thay đổi về hạch toán phân loại Công ty con, liên doanh liên kết, đầu tư khác tại thời điểm 31/12/2017 so với thời điểm 30/06/2016

- (i) Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Tổng công ty hạch toán số vốn góp tại 5 Công ty là Công ty liên doanh liên kết gồm: Công ty CP Rượu Hapro (tỷ lệ vốn góp 54,58%), Công ty CP XNK Thủ công mỹ nghệ và du lịch thương nhân Hapro (tỷ lệ vốn góp 52,5%), Công ty CP Phát triển siêu thị Hà Nội (tỷ lệ vốn góp 83,42%), Công ty CP Đầu tư thương mại Hapro Đà Nẵng (tỷ lệ vốn góp 78,6%), Công ty CP Sự kiện và ẩm thực Hapro (tỷ lệ vốn góp 51%). Tại thời điểm 31/12/2017, Tổng công ty hạch toán số vốn góp vào 5 công ty trên là Công ty con.
- (ii) Thời điểm 30/06/2016 Tổng công ty hạch toán số vốn góp tại Công ty CP Nội thất sinh thái Hapro (tỷ lệ vốn góp 20%) và Công ty CP Ong mật Hà Nội (tỷ lệ vốn góp 20%) là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Tại thời điểm 31/12/2017, Tổng công ty hạch toán số vốn góp vào 2 công ty trên là Công ty liên doanh liên kết.
- (iii) **Công ty CP Khách sạn Tràng Thi (mục B.17 – bảng 4):** Tại thời điểm xác định GTDN Công ty mẹ Tổng công ty 30/6/2016, công ty cổ phần khách sạn Tràng Thi chưa có giấy phép đăng ký kinh doanh, do đó Tổng công ty tạm hạch toán số vốn góp 3 tỷ đồng vào Công ty CP Khách sạn Tràng Thi là đầu tư góp vốn đơn vị khác. Ngày 04/8/2016, Công ty CP Khách sạn Tràng Thi có giấy phép đăng ký kinh doanh với số vốn điều lệ 10 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của Tổng công ty là 30%. Tại thời điểm 31/12/2017, Tổng công ty hạch toán số vốn góp tại Công ty CP Khách sạn Tràng Thi là Công ty liên doanh, liên kết.
- (iv) **Công ty CP Đầu tư Phát triển hệ thống phân phối Việt Nam (VDA) (mục B.18 – bảng 4):** Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102238509 cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 20/6/2011, Vốn điều lệ của Công ty là 600 tỷ đồng, các cổ đông đã thực hiện góp vốn giai đoạn 1 là: 120 tỷ đồng. Trong đó: Tổng công ty Thương mại Hà Nội góp 30 tỷ đồng chiếm 25%; Tổng công ty Thương mại Sài Gòn góp 30 tỷ đồng; Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh góp 30 tỷ; Công ty cổ phần tập đoàn Phú Thái góp 30 tỷ đồng.

Theo Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị Công ty VDA lần thứ 27 ngày 06/12/2014, HĐQT Công ty VDA đã thống nhất hoàn trả cổ đông sáng lập phần vốn

góp đợt 1 là 29 tỷ đồng cho mỗi cổ đông và tiến hành các thủ tục giải thể Công ty. Tổng công ty đã nhận 29 tỷ đồng và hạch toán giảm vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần VDA. Phần vốn góp còn lại 1 tỷ đồng chiếm 0,17% trên vốn điều lệ 600 tỷ đồng được ghi nhận tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/6/2016 sẽ được Công ty VDA hoàn lại khi hoàn thành thủ tục giải thể. Đến thời điểm hiện tại Công ty VDA vẫn chưa hoàn thành các thủ tục giải thể.

- (v) **Liên danh TTTM Chợ Ngã Tư Sở (mục C.11 – bảng 4):** Tại thời điểm góp vốn thành lập liên danh TTTM Chợ Ngã Tư Sở để thực hiện Dự án Trung tâm thương mại, Chợ Ngã Tư Sở, các bên phải góp vốn 300 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của Tổng công ty là 10% tương ứng số vốn phải góp 30 tỷ đồng, các cổ đông còn lại gồm có: Công ty cổ phần Đầu tư và Kinh doanh tài sản Việt Nam góp 60%, Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư xây dựng CID góp 20%, Công ty cổ phần xây dựng Công trình văn hóa góp 10%. Đến thời điểm hiện tại, các bên chưa thực hiện góp đủ số vốn phải góp, trong đó Tổng công ty đã góp vốn 5.550.000.000 đồng. Ngày 01/8/2014, UBND TP Hà Nội có QĐ số 4095/QĐ-UBND về việc thu hồi quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 08/1/2009 phê duyệt kết quả trúng thầu dự án, theo đó: dừng việc triển khai dự án TTTM – Chợ Ngã Tư Sở, giao UBND quận Đống Đa tiếp tục quản lý chợ Ngã Tư Sở và đề xuất phương án chuyển đổi mô hình quản lý chợ hoặc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng chợ Ngã Tư Sở. Đồng thời, UBND Thành phố giao Sở tài chính chủ trì phối hợp với các ngành liên quan và UBND quận Đống Đa làm việc với Liên danh để thống nhất đề xuất giải quyết kiến nghị của nhà đầu tư liên quan đến vấn đề tài chính, báo cáo UBND Thành phố. Ngày 17/7/2015, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 3355/QĐ-UBND về việc hoàn trả Ban Quản lý dự án đầu tư, xây dựng TTTM-Chợ Ngã Tư Sở số tiền đã nộp hỗ trợ ngân sách Thành phố là 5.000.000.000 đồng. Hiện Liên danh đang lập báo cáo kiểm toán quyết toán vốn đầu tư cũng như các chi phí khác để báo cáo UBND TP, các Sở, ngành hỗ trợ hoàn trả chi phí đầu tư cho Nhà đầu tư.

1.7.3. Các công ty có vốn góp đang dừng hoạt động:

- Công ty CP Đầu tư xây dựng thương mại Cointra: Vốn góp của Tổng công ty tại là 1 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 10%, hiện nay theo thông báo của trang web Tổng cục thuế Công ty hiện đang nghỉ kinh doanh có thời hạn.
- Công ty CP Kinh doanh xuất nhập khẩu An Phú Hưng: Vốn góp của Tổng công ty tại là 4 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 40%, hiện nay theo thông báo của trang web Tổng cục thuế Công ty hiện đang ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

2. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước

Căn cứ:

- *Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Tổng công ty Thương mại Hà Nội do Công ty Cổ phần thẩm định giá IVC Việt nam thực hiện.*
- *Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hà Nội v/v Phê duyệt phương án sử dụng các cơ sở nhà, đất sau cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội.*
- *Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội.*
- *Quyết định số 6582/QĐ-UBND ngày 21/9/2017 về việc sửa đổi, bổ sung nội dung tại Điểm 3.1.2 Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội.*

Tại thời điểm 30/6/2016, giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp sau khi xác định như sau:

- **Giá trị thực tế doanh nghiệp: 4.043.213.461.455 đồng** (Bốn nghìn không trăm bốn mươi ba tỷ, hai trăm mười ba triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn, bốn trăm năm mươi lăm đồng).
- **Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: 2.155.699.724.707 đồng** (Hai nghìn một trăm năm mươi lăm tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi tư nghìn, bảy trăm linh bảy đồng).

Chi tiết như sau:

Bảng 5: Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 30/06/2016

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Số liệu trên sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch xác định lại giá trị
1	2	3	4	5
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	3.557.021.335.048	4.043.213.461.455	486.192.126.407
I	TÀI SẢN DÀI HẠN (Không bao gồm quyền sử dụng đất)	1.202.549.777.636	1.594.467.073.544	391.917.295.908
1	Các khoản phải thu dài hạn	20.761.437.949	20.761.437.949	-
2	Tài sản cố định	342.579.499.873	554.631.871.727	212.052.371.854
2.1	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>341.926.969.555</i>	<i>553.847.245.801</i>	<i>211.920.276.246</i>
2.2	<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>652.530.318</i>	<i>784.625.926</i>	<i>132.095.608</i>
3	Bất động sản đầu tư	62.612.034.182	122.279.315.003	59.667.280.821
4	Tài sản dở dang dài hạn	202.321.039.379	303.221.681.269	100.900.641.890
4.1	<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</i>	<i>145.931.651.136</i>	<i>146.102.059.780</i>	<i>170.408.644</i>
4.2	<i>Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>	<i>56.389.388.243</i>	<i>157.119.621.489</i>	<i>100.730.233.246</i>
5	Đầu tư tài chính dài hạn	529.539.439.824	543.838.490.450	14.299.050.626
6	Tài sản dài hạn khác	44.736.326.429	49.734.277.146	4.997.950.717
II	TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.076.319.562.950	2.091.749.612.828	15.430.049.878
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	289.754.095.869	289.754.095.869	-
1.1	Tiền mặt tại quỹ	8.172.571.601	8.172.571.601	-
1.2	Tiền gửi ngân hàng	123.493.480.158	123.493.480.158	-
1.3	Tiền đang chuyển	3.088.489.666	3.088.489.666	-
1.4	Các khoản tương đương tiền	154.999.554.444	154.999.554.444	-

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TT	Chỉ tiêu	Số liệu trên sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch xác định lại giá trị
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	396.800.000.000	396.800.000.000	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.287.144.413.618	1.302.156.544.145	15.012.130.527
3.1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	530.475.364.017	534.668.608.071	4.193.244.054
3.2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	520.711.209.927	525.375.902.026	4.664.692.099
3.3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	140.166.309.159	140.166.309.159	-
3.4	Phải thu ngắn hạn khác	95.791.530.515	101.945.724.889	6.154.194.374
4	Hàng tồn kho	61.108.549.616	61.404.727.749	296.178.133
5	Tài sản ngắn hạn khác	41.512.503.847	41.634.245.065	121.741.218
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	31.103.743.004	31.103.743.004
1	Giá trị thương hiệu		31.103.743.004	31.103.743.004
2	Giá trị tiềm năng phát triển		-	-
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	278.151.994.462	325.893.032.079	47.741.037.617
1	Quyền sử dụng đất ghi nhận ở Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn (Biệt thự Lệ Chi)	272.982.042.540	278.729.358.134	5.747.315.594
2	Quyền sử dụng đất ghi nhận ở Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang dài hạn (đất Sadec Đồng Tháp)	1.130.181.818	1.677.760.364	547.578.546
3	Quyền sử dụng đất thuộc tài sản cố định vô hình	4.039.770.104	45.485.913.581	41.446.143.477
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DỪNG	31.163.028.078	31.163.028.078	-
I	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	29.661.106.063	29.661.106.063	-
1	TSCĐ	26.237.149.963	26.237.149.963	-
	Trong đó: TS đầu tư từ nguồn quỹ Khen thưởng + quỹ Phúc lợi			
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TT	Chỉ tiêu	Số liệu trên sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch xác định lại giá trị
3	Chi phí XD CB dở dang	3.423.956.100	3.423.956.100	-
4	Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn			
II	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	1.501.922.015	1.501.922.015	-
1	Công cụ dụng cụ	1.501.922.015	1.501.922.015	-
2	Công nợ không có khả năng thu hồi			
3	Vật tư hàng hoá tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất			
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	1.094.427.097	1.094.427.097	-
I	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	664.331.398	664.331.398	-
II	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	430.095.699	430.095.699	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI	-	-	-
Đ	Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (A+B+C+D)	3.589.278.790.223	4.075.470.916.630	486.192.126.407
	Trong đó: Tổng giá trị tài sản đang dùng của doanh nghiệp (Mục A)	3.557.021.335.048	4.043.213.461.455	486.192.126.407
E1	Nợ thực tế phải trả	1.808.101.873.338	1.887.513.736.748	79.411.863.410
E2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
	Tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (Tổng giá trị thực tế của DN trừ (-) nợ thực tế phải trả (A-(E1+E2))	1.748.919.461.710	2.155.699.724.707	406.780.262.997

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại thời điểm 30/6/2016)

- 3. Tồn tại tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 30/6/2016, biến động đến thời điểm 31/12/2017 và đến thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Hà Nội có trách nhiệm xử lý và thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. đến thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần nếu chưa xử lý, thực hiện bàn giao công ty cổ phần kế thừa và tiếp tục xử lý theo luật định.**

3.1. Chi phí trả trước dài hạn

Công ty có khoản chi phí trả trước dài hạn là chi phí xây dựng tầng 8 Lê Ngọc Hân, đây là hạng mục công trình đầu tư xây dựng thêm không có phép của tòa nhà chung cư 07 tầng, các hộ dân của tòa nhà đã có sổ đỏ. Riêng tầng 08 công ty xây dựng và cho thuê. Đơn vị tư vấn đã tính toán lại giá trị đầu tư xây dựng của tầng 08 hạng mục công trình này.

3.2. Công nợ phải thu:

- 3.2.1. Công nợ đã thi hành án và tính đến ngày 27/6/2017 Tổng công ty đã thu hồi hết số tiền công nợ 2.807.154.858 đồng, chi tiết như sau:**

- Công ty CP Quốc tế C&T: Tổng công ty đang thu hồi công nợ theo Quyết định số 94/2016/QĐST-KDTM ngày 27/4/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 274/QĐ-CCTHADS ngày 10/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình, TP HCM. Số tiền công nợ phải thu theo QĐ của tòa án là 2.807.154.858 đồng.

Đến ngày 27/6/2017, Công ty CP Quốc tế C&T đã thanh toán hết số công nợ 2.807.154.858 đồng theo QĐ của Tòa án cho Tổng công ty.

- 3.2.2. Nhóm công nợ phải thu quá hạn thanh toán đến 31/12/2017 là 101.366.649.060 đồng, trong đó:**

- a. Đang thi hành án: 46.701.874.899 đồng, chi tiết như sau:**

(i) Công ty TNHH Quảng Nam:

Tổng công ty đang thu hồi công nợ theo Quyết định của tòa án số 08/2015/QĐST-KDTM ngày 5/5/2015 của TAND quận Hai Bà Trưng, Hà Nội về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Số tiền công nợ phải thu theo QĐ của tòa án là 4.390.594.048 đồng.

Ngày 09/06/2017, Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hai Bà Trưng đã ban hành quyết định số 16/KDTMTĐ/QĐ-CCTHADS về việc Thi hành án theo đơn yêu cầu.

Ngày 7/11/2017 Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hai Bà Trưng đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-CCTHADS về việc chưa có điều kiện thi hành án.

Ngày 17/11/2017, Chi cục THADS Quận Hai Bà Trưng ban hành quyết định số 115/QĐ-CCTHADS về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với Ông Trương Quốc Hòe - Giám đốc Công ty TNHH Quảng Nam.

Số tiền công nợ phải thu được ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm 30/6/2016 là: 4.390.594.048 đồng.

Số tiền công nợ phải thu được ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2017 là: 4.390.594.048 đồng.

(ii) Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ Tuyết Anh:

Tổng công ty đang thu hồi công nợ theo Quyết định của tòa án số 01/2015/QĐST-KDTM ngày 5/1/2015 của TAND huyện Cư Jút về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về thanh toán công nợ và Quyết định số 76/QĐ-CCTHA ngày 29/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút về việc thi hành án theo đơn yêu cầu. Số tiền công nợ phải thu theo QĐ của tòa án là 2.723.093.000 đồng.

Số tiền công nợ phải thu được ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm 30/6/2016 là: 2.723.093.000 đồng.

Số tiền công nợ phải thu được ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2017 là: 2.723.093.000 đồng.

Chi cục THADS H. Cư Jút ban hành các thông báo về việc bán đấu giá tài sản của Công ty Tuyết Anh như sau:

- Đối với thửa đất số 327:

- + Thông báo số 385/TB-CCTHADS ngày 10/7/2017 về việc bán đấu giá tài sản lần 1
- + Thông báo số 497/TB-CCTHADS ngày 02/08/2017 về việc không có người tham gia đấu giá trả giá hoặc bán đấu giá không thành.
- + Quyết định số 60/QĐ-CCTHADS ngày 16/08/2017 về việc giảm giá tài sản lần 1
- + Thông báo số 541/TB-CCTHADS ngày 18/8/2017 về việc bán đấu giá tài sản lần 2
- + Thông báo số 597/TB-CCTHADS ngày 15/9/2017 về việc không có người tham gia đấu giá trả giá hoặc bán đấu giá không thành.
- + Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 03/10/2017 về việc giảm giá tài sản lần 2
- + Thông báo số 643/TB-CCTHADS ngày 12/10/2017 về việc bán đấu giá tài sản lần 3
- + Thông báo số 672/TB-CCTHADS ngày 30/10/2017 về việc không có người tham gia đấu giá trả giá hoặc bán đấu giá không thành.
- + Quyết định số 09/QĐ-CCTHADS ngày 13/11/2017 về việc giảm giá tài sản lần 3
- + Thông báo số 716/TB-CCTHADS ngày 01/12/2017 về việc bán đấu giá tài sản lần 4

- Đối với thửa đất số 323, 324, 325:

- + Thông báo số 598/TB-CCTHADS ngày 15/9/2017 về việc bán đấu giá tài sản lần 1
- + Thông báo số 642/TB-CCTHADS ngày 12/10/2017 về việc không có người tham gia đấu giá trả giá hoặc bán đấu giá không thành.
- + Thông báo số 673/TB-CCTHADS ngày 30/10/2017 về việc bán đấu giá tài sản lần 2
- + Thông báo số 707/TB-CCTHADS ngày 23/11/2017 về việc không có người tham gia đấu giá trả giá hoặc bán đấu giá không thành.

- + Quyết định số 15/QĐ-CCTHADS ngày 6/12/2017 về việc giảm giá tài sản lần 2
- + Thông báo số 737/TB-CCTHADS ngày 23/12/2017 về việc bán đấu giá tài sản lần 3.

(iii) Công ty TNHH cơ điện lạnh Tân Thành Đạt:

Tổng công ty đang thu hồi công nợ theo Quyết định số 09/2016/QĐST-KDTM ngày 27/9/2016 của TAND Quận Hoàn Kiếm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thanh toán công nợ. Số tiền công nợ phải thu theo QĐ của tòa án là 3.760.425.115 đồng.

Ngày 09/5/2017, Chi cục THADS Quận Hoàn Kiếm ban hành Quyết định số 18/QĐ-CCTHADS về việc Thi hành án theo đơn yêu cầu. Chi cục THADS Quận Hoàn Kiếm đã tiến hành xác minh thực trạng lô điều hòa của Công ty Tân Thành Đạt đã thế chấp cho TCT. Trong giai đoạn tới, Chi cục THADS sẽ tiến hành phát mại và đấu giá tài sản trên.

Số tiền công nợ phải thu được ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm 30/6/2016 là: 3.760.425.115 đồng.

Số tiền công nợ phải thu được ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2017 là: 3.760.425.115 đồng.

(iv) Công ty TNHH Thương mại Thành Phát:

Tổng công ty đang thu hồi công nợ theo Quyết định của tòa án số 06/2014/QĐST-KDTM ngày 28/3/2014 của TAND TP Hải Dương về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về thanh toán công nợ và Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 31/QĐ-CCTHA ngày 2/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành. Số tiền công nợ phải thu theo QĐ của tòa án là 7.082.074.509 đồng.

Ngày 26/9/2017, Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Kim Thành ban hành Quyết định số 19/QĐ-CCTHA về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty Thành Phát.

Ngày 26/10/2017, Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Kim Thành ban hành Quyết định số 01/QĐ-CCTHA về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với bà Phạm Thị Tĩnh - người đại diện theo pháp luật của Công ty Thành Phát.

Số tiền công nợ phải thu được ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm 30/6/2016 là: 7.082.074.509 đồng.

Số tiền công nợ phải thu được ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2017 là: 7.082.074.509 đồng.

(v) Công ty TNHH Bích Hồng:

Tổng công ty đang thu hồi công nợ theo Quyết định của tòa án số 11/2016/QĐST-KDTM ngày 28/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện Chư Pu về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về thanh toán công nợ và Quyết định số 131/QĐ-CCTHADS ngày 13/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Pu về việc thi hành án theo yêu cầu. Số tiền công nợ phải thu theo QĐ của tòa án là 21.979.546.962 đồng.

Ngày 29/12/2016, Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Pu đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-CCTHADS về việc chưa có điều kiện thi hành án.

Số tiền công nợ phải thu được ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm 30/6/2016 là: 21.979.546.962 đồng.

Số tiền công nợ phải thu được ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2017 là: 21.979.546.962 đồng.

(vi) Công ty TNHH SUNCHUNG:

Ngày 14/6/2016, Tổng công ty đã gửi đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý hồ sơ theo thông báo số 09/2016/TLST-KDTM ngày 10/10/2016. Số tiền công nợ phải thu theo Đơn khởi kiện là 6.562.892.121 đồng. Trong đó nợ gốc là 2.660.019.000 đồng, nợ lãi và phạt Hợp đồng là 3.902.873.131 đồng.

Ngày 07/3/2017 đã có Quyết định số 02/2017/QĐST-KDTM của TAND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Số tiền công nợ phải thu theo QĐ của tòa án là 5.618.365.075 đồng, trong đó nợ gốc là 2.190.019.000 đồng, nợ lãi và phạt hợp đồng là 3.428.346.075 đồng. Tiền gốc giảm 470.000.000 đồng so với Đơn khởi kiện do Công ty Sunchung đã thanh toán cho Tổng công ty trong năm 2016.

Ngày 02/06/2017, Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu đã ban hành Quyết định số 217/QĐ-CCTHADS về việc thi hành án theo đơn yêu cầu.

Số tiền công nợ phải thu được ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm 30/6/2016 là: 6.562.892.121 đồng.

Tổng Công ty đang hạch toán sổ sách tại ngày 31/12/2017 đối với khoản phải thu Công ty TNHH SUNCHUNG là 5.618.365.075 đồng, trong đó nợ gốc là 2.190.019.000 đồng, nợ lãi và phạt hợp đồng là 3.428.346.075 đồng.

(vii) Công ty TNHH V.A.C:

Tổng công ty đang thu hồi công nợ theo Quyết định của tòa án số 03/2016/QĐKDTM-ST ngày 27/6/2014 của tòa án nhân dân xã Phước Long, tỉnh Bình Phước về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về thanh toán công nợ. Số tiền công nợ phải thu theo QĐ của tòa án là 1.147.776.190 đồng.

Ngày 22/07/2016, Chi cục thi hành án dân sự Thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 398/QĐ-CCTHA.

Ngày 18/08/2016, Chi cục thi hành án dân sự Thị xã Phước Long đã ban hành Quyết định số 42/QĐ-CCTHA về việc chưa có điều kiện thi hành án.

Số tiền công nợ phải thu được ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm 30/6/2016 là: 1.147.776.190 đồng.

Số tiền công nợ phải thu được ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2017 là: 1.147.776.190 đồng.

b. Đã có Quyết định của Tòa án: 9.787.880.650 đồng đồng, chi tiết như sau:

- Công ty TNHH dây và cáp điện Tân Cường Thành (nay là Công ty CP dây cáp điện Tân Cường Thành): Ngày 22/6/2016, Tổng công ty đã gửi đơn khởi kiện. Tòa án Quận 5, TP Hồ

Chí Minh đã có thông báo số 88/2016/TB-TLVA ngày 22/7/2016 về việc thụ lý vụ án. Số công nợ phải thu theo Đơn khởi kiện là 10.123.552.329 đồng.

Quyết định số 98/2017/QĐST-KDTM ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân quận 5, TP Hồ Chí Minh về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Số tiền công nợ phải thu theo QĐ của Tòa án là 10.699.608.982 đồng, trong đó tiền gốc 9.897.880.650 đ, tiền lãi 801.728.332 đồng.

Số tiền gốc đã thu hồi được sau khi có Quyết định của Tòa án là 110.000.000 đồng tiền gốc.

Số tiền công nợ phải thu được ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm 30/6/2016 là: 9.897.880.650 đồng.

Tổng công nợ theo sổ sách đến ngày 31/12/2017 là 9.787.880.650 đồng.

c. Tổng công ty đã gửi đơn kiện với tổng giá trị 7.879.231.080 đồng, chi tiết như sau:

(i) Công ty TNHH MTV Hiệp Hưng Long:

Ngày 14/6/2016, Tổng công ty đã gửi đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã thụ lý hồ sơ theo thông báo số 45/2016/TLST-KDTM ngày 9/11/2016. Số công nợ phải thu theo Đơn khởi kiện là 8.310.613.940 đồng, trong đó tiền gốc là 6.338.953.616 đồng, tiền lãi là 1.971.660.324 đồng.

Trong quá trình thụ lý và xem xét hồ sơ, ngày 16/8/2017, Tổng công ty đã gửi lại đơn khởi kiện. Số công nợ phải thu theo Đơn khởi kiện là 7.569.129.400 đồng, trong đó tiền gốc là 5.008.450.000 đồng, tiền lãi là 2.560.679.400 đồng.

Số tiền công nợ phải thu được ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm 30/6/2016 là: 7.988.197.616 đồng.

Số tiền hạch toán trên sổ sách kế toán phải thu của Công ty Hiệp Hưng Long tại thời điểm 31/12/2017 là 7.569.129.400 đồng, trong đó tiền gốc là 5.008.450.000 đồng, tiền lãi là 2.560.679.400 đồng.

(ii) Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư phát triển Thủy sản Miền Bắc:

Ngày 29/11/2016, Tổng công ty đã có Đơn khởi kiện gửi Tòa án ND Huyện Thanh Trì – TP Hà Nội, số công nợ phải thu theo đơn khởi kiện là 515.645.891 đồng. Ngày 01/11/2017, TAND huyện Thanh Trì ban hành Thông báo số 499/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Tổng công ty và Công ty Thủy sản Miền Bắc, trong đó tiền gốc là 310.101.680 đồng, tiền lãi tạm tính là 205.544.211 đồng.

Số tiền công nợ hạch toán trên sổ sách kế toán tại thời điểm 30/06/2016 của Công ty Thủy Sản Miền Bắc là 310.101.680 đồng.

Số tiền công nợ hạch toán trên sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2017 của Công ty Thủy Sản Miền Bắc là 310.101.680 đồng.

d. Nhóm công nợ quá hạn thanh toán đang dồn độc thu hồi công nợ: 1.288.184 USD và 120.239.603.844 đồng, chi tiết như sau:

(i) Công ty CP XNK An Phú Hưng: Số công nợ đang hạch toán trên sổ sách kế toán của Chi nhánh TCT – Trung tâm XNK phía Bắc là 1.241.861.050 đồng, Chi nhánh

TCT tại TP Hồ Chí Minh là 27.265.100.415 đồng và Văn phòng Công ty Mẹ là 100.000.000 đồng.

- (ii) Công ty TNHH SX và TM Đức Việt Hà: Số công nợ đang hạch toán trên sổ sách kế toán là 192.433.666 đồng.
- (iii) Công ty CP CB Nông sản Thái Bình: Số công nợ đang hạch toán trên sổ sách kế toán là 69.156.640 đồng.
- (iv) Công ty CP CB Nông sản Thiên Phước: Số công nợ đang hạch toán trên sổ sách kế toán là 1.221.977.011 đồng.
- (v) Công ty CP Lê Gia: Số công nợ đang hạch toán trên sổ sách kế toán là 3.423.707.703 đồng.
- (vi) Công ty TNHH Vân An: Số công nợ đang hạch toán trên sổ sách kế toán là 2.758.305.240 đồng.
- (vii) Công ty CP Thiện Ân: Số công nợ đang hạch toán trên sổ sách kế toán là 725.120.706 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm)

(ix) công nợ quá hạn phải thu của các khách hàng đến hạn nhưng chưa thanh toán 1.288.184 USD và 83.241.941.413 đồng:

Các khách hàng này còn khó khăn trong kinh doanh, thiếu vốn nên chưa thanh toán kịp thời cho Tổng công ty. Tổng công ty vẫn thường xuyên đôn đốc, phát hành công văn đề nghị thanh toán hàng tháng, hàng quý.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm)

3.2.3. Nhóm công nợ nội bộ của các công ty thành viên trong TCT đến 31/12/2017 là 311.031.046.877 đồng.

Đối với số công nợ phải thu của các công ty thành viên trong TCT, các đơn vị còn khó khăn trong kinh doanh, thiếu vốn nên chưa thanh toán kịp thời cho Tổng công ty. Tổng công ty vẫn thường xuyên đôn đốc, phát hành công văn đề nghị thanh toán hàng tháng, hàng quý.

(Chi tiết tại Phụ lục 03 đính kèm)

3.3. Tồn tại xử lý theo kết luận của Thanh tra thành phố số 2880/KL-TTTP-P3 ngày 27/11/2015 về việc quản lý, sử dụng nhà chuyên dùng số 17 Hàng Ngang, quận Hoàn Kiếm

Căn cứ Quyết định số 1202/QĐ-TTTP-P3 ngày 08/6/2015 của Chánh Thanh tra Thành phố về việc thanh tra toàn diện việc quản lý, sử dụng nhà chuyên dùng thuộc sở hữu nhà nước tại số 17 Hàng Ngang, quận Hoàn Kiếm; số 240-242 phố Tôn Đức Thắng và số 35B Cát Linh, quận Đống Đa. Trong đó có địa điểm 17 Hàng Ngang do Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội (đơn vị thành viên do Tổng công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ) quản lý sử dụng.

Ngày 27/11/2015, Thanh tra thành phố đã ban hành Kết luận Thanh tra số 2880/KL-TTTP-P3 ngày 27/11/2015 (Kết luận Thanh tra số 2880) về việc quản lý, sử dụng nhà chuyên dùng số 17

Hàng Ngang, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội trong đó có nội dung “*Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội đã hưởng số tiền chênh lệch từ việc cho thuê lại nhà (dưới hình thức hợp tác kinh doanh) với số tiền thuê nhà, đất đã nộp cho ngân sách Nhà nước đến hết năm 2014 là 5.351.267.400 đồng; đây là số tiền Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội hưởng trái quy định pháp luật, cần phải xử lý thu hồi về ngân sách Nhà nước*”.

Thực hiện kế hoạch của UBND Thành phố Hà Nội về việc thực hiện thoái vốn nhà nước tại các Công ty cổ phần, ngày 05/02/2016, Tổng công ty Thương mại Hà Nội đã công bố Bản cáo bạch chào bán cổ phần tại Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội và đã tổ chức bán đấu giá thành công, hoàn tất việc thu tiền bán 51% vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội từ các nhà đầu tư. Việc Thanh tra Thành phố thực hiện thanh tra và ra quyết định xử lý số tiền 5.351.267.400 đồng thực hiện song song với tiến trình thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Hà Nội và chưa có quyết định chính thức của UBND Thành phố Hà Nội về việc phân chia trách nhiệm nộp số tiền trên, nên tại thời điểm chào bán Tổng công ty không thể đưa các thông tin trên vào bản cáo bạch chào bán cổ phần tại Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội.

Tại cuộc họp Liên ngành ngày 28/10/2016 tại Thanh tra Thành phố cũng như ý kiến tại công văn số 5769/STC-TCĐN ngày 14/9/2016 của Sở Tài chính, đã đề xuất Ủy Ban nhân dân Thành phố hướng xử lý như sau: Sau này tại bất kỳ thời điểm nào, nếu UBND Thành phố có quyết định chính thức về khoản tiền chênh lệch từ việc cho thuê lại nhà chuyên dùng 17 Hàng Ngang mà Công ty CP Vật liệu xây dựng Hà Nội phải nộp cho Nhà nước thì Tổng công ty Thương mại Hà Nội sẽ thực hiện hỗ trợ Công ty CP Vật liệu xây dựng Hà Nội 51% số tiền chênh lệch từ việc cho thuê lại nhà chuyên dùng thuộc sở hữu nhà nước tại địa điểm 17 Hàng Ngang mà Công ty CP Vật liệu xây dựng Hà Nội phải nộp cho Nhà nước (tương ứng với tỷ lệ 51% vốn góp của Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại Công ty CP Vật liệu xây dựng tại thời điểm tháng 6/2015).

Hiện tại, UBND Thành phố Hà Nội vẫn chưa có quyết định chính thức về việc xử lý số tiền trên. Đến thời điểm Tổng công ty thương mại Hà Nội - Công ty cổ phần được cấp giấy đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu, nếu UBND thành phố Hà Nội chưa có Quyết định xử lý số tiền trên, Tổng công ty thương mại Hà Nội - Công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa và thực hiện theo Quyết định cuối cùng của UBND Thành phố Hà Nội.

4. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

4.1. Đất đai, nhà xưởng

Trước cổ phần hóa, Tổng Công ty hiện đang quản lý và sử dụng 183 cơ sở nhà, đất.

Theo Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 21/04/2017 của UBND Tp. Hà Nội về việc phê duyệt phương án sử dụng các cơ sở nhà, đất sau cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội, theo đó:

4.1.1. Cơ sở nhà đất giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội sau cổ phần hóa tiếp tục quản lý sử dụng là 114 địa điểm, bao gồm:

a. Cơ sở nhà, đất tại thành phố Hà Nội: 96 địa điểm, trong đó:

(i) Cơ sở nhà, đất thuê thuộc sở hữu Nhà nước ký hợp đồng thuê nhà đất với Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội và Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội là 32 địa điểm:

- Không tính giá trị tài sản trên đất và đất thuê vào giá trị doanh nghiệp; phần diện tích Tổng công ty Thương mại Hà Nội xây dựng thêm được xác định vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

- Về thực hiện nghĩa vụ tiền thuê nhà, thuê đất tại 32 địa điểm thuê nhà, thuê đất trả tiền hàng năm: Tổng công ty nộp tiền thuê nhà theo thông báo của Công ty TNHH một thành viên và Phát triển nhà Hà Nội đến thời điểm 31/12/2017. Về tiền thuê đất: Đối với địa điểm đã ký hợp đồng thuê nhà, đất và chưa ký hợp đồng thuê nhà, đất theo Quyết định 26/2006/QĐ-UBND ngày 30/10/2008 của UBND Thành phố, Tổng công ty đã hoàn thành nộp tiền thuê đất theo thông báo của Công ty TNHH một thành viên và Phát triển nhà Hà Nội và Chi cục thuế các quận, huyện đến thời điểm ngày 31/12/2017. Riêng giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (đối với 25 địa điểm ký hợp đồng thuê nhà, đất) và từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2014 (đối với 08 địa điểm chưa ký hợp đồng thuê nhà, đất), Tổng công ty đã tạm nộp tiền thuê đất bằng 2 lần năm 2010 (áp dụng theo Nghị Quyết 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ và Thông tư số 16/2013/TT-BTC ngày 08/02/2013 của Bộ Tài chính).

(ii) Cơ sở nhà là tài sản của doanh nghiệp, đất thuê của Nhà nước là 64 địa điểm:

- Địa điểm nhà, đất tại số 11B Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, đã tính vào giá trị vốn góp của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi theo Công văn số 755/UBND-KT ngày 5/02/2016 của UBND Thành phố về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Khách sạn Tràng Thi của Tổng công ty Thương mại Hà Nội (Công ty cổ phần kế thừa vốn góp 3.000.000.000 đồng, chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi tại Khoản 4, Điều 1 Quyết định này). Hiện nay, Tổng công ty Thương mại Hà Nội đứng tên thuê đất, chưa hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất sang Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi. Tổng công ty Thương mại Hà Nội có trách nhiệm phối hợp với Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi, Sở Tài nguyên và Môi trường và đơn vị liên quan hoàn tất các thủ tục về đất đai, thực hiện dự án đầu tư khách sạn tại số 11B Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm theo quy định của pháp luật và Thành phố; trường hợp chưa thực hiện xong các thủ tục về đất đai, Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Tổng công ty Thương mại Hà Nội có trách nhiệm kế thừa và xử lý theo quy định.

- Đối với 63 cơ sở nhà, đất còn lại: Thuê đất trả tiền hàng năm, không xác định giá trị quyền sử dụng đất, thực hiện đánh giá xác định lại giá trị tài sản trên đất vào giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa; cụ thể:

+ Xác định lại giá trị tài sản trên đất vào giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa tại 60 địa điểm có tài sản trên đất.

+ Đối với 02 địa điểm (Điểm đỗ xe Hải Bối, huyện Đông Anh; Trung tâm Thương mại Dịch vụ Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn không có tài sản trên đất, không xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa.

+ Địa điểm Khu nhà ở và khu phụ trợ tại xã Lê Chi, huyện Gia Lâm: Phần Khu phụ trợ có tài sản trên đất đã tính vào giá trị doanh nghiệp; phần Khu nhà ở Tổng công ty Thương mại Hà Nội đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật, được xác định chi phí đầu tư ở chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn, đã nộp tiền sử dụng đất một lần và được xác định lại giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa.

* Đối với 03 địa điểm ký hợp đồng hợp tác kinh doanh dài hạn, cho thuê kinh doanh dài hạn đã thu tiền cho cả thời gian thuê, gồm:

- Địa điểm số 11B Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa: Diện tích đất 2.933 m², diện tích xây dựng 1.360 m². Kết cấu nhà: tòa nhà gồm 2 tầng hầm, 15 tầng nổi và 1 tầng mái:

+ Từ tầng 1 đến tầng 5 tòa nhà đã cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội thuê dài hạn hết vòng đời dự án (diện tích sàn cho thuê 6.178,11 m²), Tổng công ty đã thu tiền trước 1 lần và hạch toán doanh thu, trích khấu hao hết một lần cho cả thời gian thuê.

+ Tầng 9 đã cho Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Hà Sơn thuê dài hạn hết vòng đời dự án, Tổng công ty đã thu tiền và hạch toán doanh thu, trích khấu hao hết một lần cho cả thời gian thuê.

+ Tầng 14 đã cho Công ty TNHH Nền tảng kinh doanh Việt thuê dài hạn hết vòng đời dự án, Tổng công ty đã thu tiền và hạch toán doanh thu, trích khấu hao hết một lần cho cả thời gian thuê.

- Địa điểm số 362 Phố Huế, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng: Diện tích đất 618,4 m², diện tích nhà 3.376,0 m². Kết cấu nhà: 7 tầng nổi, 1 tầng hầm. Tổng công ty đã cho Ngân hàng Thương mại cổ phần các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam thuê toàn bộ tòa nhà, Tổng công ty đã thu tiền trước 27 năm từ năm 2007 đến năm 2033. Doanh thu hạch toán phân bổ dần hàng năm.

- Địa điểm số 5 Lê Duẩn, phường Điện Biên, quận Ba Đình: Diện tích đất 1.624 m², đang thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại và dịch vụ tổng hợp, Tổng công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn vàng bạc đá quý Doji, Tổng công ty Thương mại Hà Nội được hưởng như sau:

+ Được quyền sở hữu, khai thác và sử dụng toàn bộ diện tích sàn tầng 4, sàn tầng hầm 1 và sàn tầng hầm 3 của tòa nhà.

+ Được nhận khoản tiền tham gia hợp tác kinh doanh (chưa bao gồm thuế VAT) do Công ty Cổ phần Tập đoàn vàng bạc đá quý Doji thanh toán cho Tổng công ty là 134 tỷ đồng. Số tiền này Tổng công ty đã nhận và hạch toán doanh thu cho cả vòng đời dự án.

Trường hợp dự án được cơ quan có thẩm quyền cho phép điều chỉnh quy mô đầu tư xây dựng, công năng hoặc thiết kế dự án thì quyền lợi của Tổng công ty Thương mại Hà Nội là cố định và không thay đổi do bất kỳ yếu tố nào.

* Đối với 05 địa điểm đang tranh chấp, khiếu kiện và vướng mắc khác: Tổng công ty Thương mại Hà Nội tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật, đến thời điểm chuyển doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần nếu chưa xử lý, Tổng công ty Thương mại Hà Nội thực hiện bàn giao cho Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội tiếp tục kế thừa và xử lý theo quy định của pháp luật, gồm:

- Địa điểm số 268 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa: Diện tích đất 56,3 m², diện tích sàn xây dựng 168 m². Kết cấu nhà: 1 tầng trệt, tầng 2 coi nới lợp mái tôn đang bị bà Nguyễn Thị An chiếm dụng 1/2 diện tích từ năm 1998 không trả. Tòa án dân sự quận Đống Đa phán quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 13/2015/QĐST-DS ngày 28/7/2015 trả lại cho Tổng công ty Thương mại Hà Nội. Cơ quan thi hành án đã mời 3 lần để thực hiện thi hành án nhưng bà Nguyễn Thị An không đồng ý. Chi cục thi hành án quận Đống Đa đang lên kế hoạch cưỡng chế. Sau thời gian vận động, thuyết phục ngày 29/5/2017, Bà An đã bàn giao địa điểm cho Tổng công ty.

- Địa điểm số 20 Hàm Long, quận Hoàn Kiếm: Diện tích đất 44,3 m², diện tích nhà 44,3 m². Tổng công ty sử dụng diện tích tầng 1, tầng 2 coi nới bằng nhà khung thép mái tôn đang có tranh chấp với bà Nguyễn Thị Bích chiếm dụng không trả. Tổng công ty Thương mại Hà Nội đang tiếp tục làm việc với bà Nguyễn Thị Bích và UBND phường Phan Chu Trinh để thu hồi phần diện tích coi nới tầng 2.

- Địa điểm Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình, số 132 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân: Diện tích đất 3.108,5 m², Tổng công ty Thương mại Hà Nội ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư xây dựng nhà đất xây dựng dự án Trung tâm thương mại dịch vụ Hapro Thượng Đình, Tổng công ty được hưởng như sau:

+ 12 tỷ đồng tiền lợi nhuận sau thuế ứng trước, Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư xây dựng nhà đất đã chuyển 6 tỷ cho Tổng công ty.

+ Tổng công ty được sở hữu 2.200 m² sàn thương mại (không phải trả chi phí đầu tư) nằm tại tầng 1.

Dự án đang bị tạm dừng do lãnh đạo Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư xây dựng nhà đất là bà Châu Thị Thu Nga đã bị bắt do sai phạm trong triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội. Năm 2015, Tổng công ty đã ký biên bản thỏa thuận với Công ty TNHH Xây dựng và kinh doanh thương mại Hải Âu và Công ty Cổ phần Đầu tư và khoáng sản Hợp Thành về kế thừa

Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư xây dựng nhà đất thực hiện dự án Trung tâm Thương mại kết hợp văn phòng và nhà ở chung cư cao tầng; hiện nay, các bên đang làm việc báo cáo Cơ quan cảnh sát điều tra (C46) - Bộ Công an để xem xét, giải quyết.

- Địa điểm số 160 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân: Diện tích đất 860,7 m², diện tích nhà 430,5 m². Hiện trạng khu đất: Dãy nhà 1 tầng mái tôn mặt phố, phía trong có sân trồng. Hồ sơ tính diện tích đất do Công ty địa chính Hà Nội lập tháng 01/2004, Công ty Bách hóa Hà Nội (nay là Công ty Siêu thị Hà Nội thuộc Tổng công ty Thương mại Hà Nội) đang quản lý và sử dụng một phần diện tích đất để kinh doanh, phần còn lại do 04 hộ gia đình là cán bộ công nhân viên của Công ty Bách hóa Hà Nội (đã nghỉ hưu) sử dụng từ năm 1982. Hàng năm, Công ty Siêu thị Hà Nội nộp tiền thuê đất đầy đủ cho toàn bộ diện tích đất 860,7 m². Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân đang thụ lý vụ án “Đòi nhà cho mượn” của bà Nguyễn Thị Thúy với Tổng công ty Thương mại Hà Nội.

- Địa điểm số 376 Khâm Thiên, phường Thổ Quan, quận Đống Đa: Diện tích đất 326,8 m², diện tích nhà 326,8 m². Hiện trạng khu đất: Dãy nhà 1 tầng mái tôn mặt phố. Công ty Bách hóa Hà Nội (nay là Công ty Siêu thị Hà Nội thuộc Tổng công ty Thương mại Hà Nội) sử dụng từ năm 1978 do quận Đống Đa đền bù. Hiện nay, gia đình bà Đỗ Thị Nghề có đơn đòi nhà, đất và cung cấp hồ sơ, cụ thể: Khu nhà đất tại địa chỉ số 376 Khâm Thiên gia đình bà Nghề mua từ năm 1954 của Địa ốc ngân hàng Đông Dương. Năm 1964, gia đình bà Nghề đi sơ tán do chiến tranh, chính quyền địa phương đã sử dụng địa điểm 376 Khâm Thiên làm hầm trú ẩn. Năm 1978, Công ty Bách hóa Hà Nội đã dỡ bỏ ngôi nhà của gia đình bà xây dựng lên một Cửa hàng Bách hóa.

Cơ sở nhà, đất tại các tỉnh/thành phố khác: 18 địa điểm.

- Đối với tài sản trên đất:

+ Đánh giá xác định lại giá trị tài sản trên đất vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại 12 địa điểm có tài sản trên đất (tỉnh Hưng Yên 01 địa điểm, tỉnh Quảng Nam 04 địa điểm, tỉnh Đồng Tháp 03 địa điểm, tỉnh Bình Dương 03 địa điểm, Thành phố Hồ Chí Minh 01 địa điểm).

+ Đối với 06 địa điểm không có tài sản trên đất không xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (tỉnh Đồng Tháp 01 địa điểm, tỉnh Gia lai 05 địa điểm).

Đối với giá trị quyền sử dụng đất:

+ Đánh giá xác định lại giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại 14 địa điểm đã nộp tiền sử dụng đất một lần (tỉnh Quảng Nam 04 địa điểm, tỉnh Đồng Tháp 04 địa điểm, tỉnh Gia Lai 05 địa điểm, Thành phố Hồ Chí Minh 01 địa điểm).

+ Đối với 04 địa điểm trả tiền thuê đất hàng năm không đánh giá giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (tỉnh Hưng Yên 01 địa điểm, tỉnh Bình Dương 03 địa điểm).

(Chi tiết thông tin về hiện trạng pháp lý, các tồn tại vướng mắc và tranh chấp tại thời điểm 30/6/2016 đến thời điểm hiện tại liên quan đến 114 địa điểm theo phụ lục 04 kèm theo)

4.1.2. Cơ sở nhà, đất nằm trong quy hoạch không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa: 06 địa điểm, trong đó: Cơ sở nhà đất thuê thuộc sở hữu Nhà nước là 01 địa điểm; Cơ sở nhà là tài sản của doanh nghiệp, đất thuê của Nhà nước là 05 địa điểm. Giao cho Công ty TNHH MTV quản lý và phát triển nhà Hà Nội quản lý và ký hợp đồng với Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội sau cổ phần hóa.

(Chi tiết thông tin về hiện trạng pháp lý, các tồn tại vướng mắc và tranh chấp liên quan đến 06 địa điểm tại thời điểm 30/6/2016 đến thời điểm hiện tại theo phụ lục 05 kèm theo)

4.1.3. Cơ sở nhà, đất thu hồi: 63 địa điểm, trong đó:

- Giao Trung tâm Phát triển quỹ đất Hà Nội – Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, tổ chức bán đấu giá theo quy định của pháp luật và thành phố là 61 địa điểm, gồm: Cơ sở nhà đất thuê thuộc sở hữu Nhà nước là 27 địa điểm; Cơ sở nhà là tài sản của doanh nghiệp, đất thuê của Nhà nước là 34 địa điểm.

- Giao UBND quận Hoàn Kiếm quản lý và xử lý theo quy định: 01 địa điểm (Nhà là tài sản của doanh nghiệp, đất thuê của Nhà nước).

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật: 01 địa điểm.

(Chi tiết thông tin về hiện trạng pháp lý, tiến độ bàn giao, các tồn tại vướng mắc và tranh chấp liên quan đến 63 địa điểm tại thời điểm 30/6/2016 đến thời điểm hiện tại theo phụ lục 06 kèm theo).

Thông tin tóm tắt về 120 cơ sở nhà, đất (bao gồm 114 cơ sở nhà, đất giao Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội quản lý sử dụng sau CPH và 06 địa điểm giao cho Công ty TNHH MTV quản lý và phát triển nhà Hà Nội quản lý và ký hợp đồng với Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội sau cổ phần hóa) như sau:

Bảng 6: Thông tin tóm tắt cơ sở nhà, đất Tổng Công ty được tiếp tục quản lý và sử dụng sau cổ phần hóa

STT	Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Phương án sau CPH	
I.		CƠ SỞ NHÀ ĐẤT TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI: 96 địa điểm						
	I.1	Cơ sở nhà đất, thuê thuộc sở hữu Nhà nước: 32 địa điểm						
1	1	Số 119 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm	56	56	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 5 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh Hapromart	Kinh doanh HaproMart
2	2	Số 65 Cầu Gỗ, quận Hoàn Kiếm	57,9	57,9	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 3 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Kinh doanh HaproMart
3	3	Nhà N4C Khu đô thị Trung hòa - Nhân chính, quận Thanh Xuân	176	176	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của Chung cư 15 tầng; - Kinh doanh Dịch vụ thể dục thể thao	Kinh doanh HaproMart
4	4	B3A Nam Trung Yên, quận Cầu Giấy	125	125	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của Chung cư 13 tầng, - Kinh doanh: HaproMart và dịch vụ	Kinh doanh HaproMart
5	5	Tầng 1 Nhà A4, Lô NO,02B, Đơn nguyên 1, Kim Chung, huyện Đông Anh	236	236	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của Chung cư nhà ở cho công nhân của KCN, - Kinh doanh: HaproMart	Kinh doanh HaproMart
6	6	Tầng 1 Nhà D1, Lô NO,03A, Đơn nguyên 3, Kim Chung, huyện Đông Anh	230	230	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của Chung cư nhà ở cho công nhân của KCN, - Kinh doanh: HaproMart	Kinh doanh HaproMart
7	7	Số 19-21 Đinh Tiên Hoàng, quận Hoàn Kiếm	280,88	- DT nhà thuê: 977,60 - DT tự tạo: 45	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Tòa nhà 3 tầng + tầng lửng; DT tầng 4 tự coi nổi, - Kinh doanh Hapromart, thời trang, tranh nghệ thuật, và kinh doanh dịch vụ;	Kinh doanh HaproMart
8	8	Số 28 Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm	87,3	89,7	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT toàn bộ tầng 2 (tầng 1 và tầng 3 là TSDN), - Kinh doanh: Dịch vụ lưu trú	Kinh doanh Hapromart
9	9	Số 46 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm	137,79	123	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng trên của hộ sử dụng khác), - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Phương án sau CPH
10	10	Số 41 Thợ Nhuộm, quận Hoàn Kiếm	70,8	70,8	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 4 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
11	11	Số 82 Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm	88	88	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
12	12	Số 94 Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm	40,18	40,18	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 4 tầng 1 tum, có công trình phụ (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác) - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
13	13	Số 43 Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm	33,42	33,42	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mặt phố, mái tôn, - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
14	14	Số 66 Hàng Chiếu, quận Hoàn Kiếm	158,6	151,3	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 3 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh bao bì + văn phòng	Cửa hàng chuyên doanh Thời trang
15	15	G3 Vĩnh Phúc, quận Ba Đình	310	310	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng tầng 1 của nhà tập thể 5 tầng (nhà tái định cư), - Kinh doanh HaproMart và dịch vụ	Kinh doanh HaproMart
16	16	Số 15 Nhà Chung, quận Hoàn Kiếm	70,13	52,89	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng một phần diện tích tầng 1 của nhà 7 tầng (từ tầng 2 trở lên là của chủ sử dụng khác) - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Kinh doanh HaproFood
17	17	Số 15-17 Đội Cấn, quận Ba Đình	108	108	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng, TCT sử dụng diện tích tầng 1: 86,8m2; 1 phần diện tích tầng 2: 21,2m2; Diện tích còn lại của tầng 2 của chủ sử dụng khác, - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
18	18	Số 162 Quán Thánh, quận Ba Đình	39,1	39,1	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 2 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
19	19	Số 98 Phố Huế, quận Hai Bà Trưng	185,6	185,6	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 3 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Phương án sau CPH
20	20	Số 111 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm	78,63	78,63	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác); DT đất sử dụng riêng: 27,17m2, đất sử dụng chung: 51,46m2); DT phía trong cải tạo thêm xếp tầng 2 làm kho. - Kinh doanh Gốm Chu Đậu	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
21	21	Số 13 - 15 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm	379,3 (DT đất sd riêng: 290,1m2; DT đất sd chung 89,2m2)	- DT nhà thuê: 488,20m2 - DT tự tạo: 72,70m2	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Số nhà 13 Tràng Tiền chỉ có DT tầng 1; số nhà 15 Tràng Tiền là nhà 2 tầng; - Kinh doanh Tranh nghệ thuật;	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
22	22	Số 83 Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm	52,23	52,23	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mặt phố, mái bằng, - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
23	23	Số 53C Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm	57,9	82,32	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT nhà tầng 1 + xếp của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác) - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
24	24	Số 686 Đề La Thành, quận Ba Đình	195,36	148,95	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn, - Kinh doanh đồ gỗ	Cửa hàng chuyên doanh khác
25	25	Số 96 Phố Huế, quận Hai Bà Trưng	124,8	124,8	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 4 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh xe máy	Cửa hàng chuyên doanh khác
26	26	Số 17 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm	76,06	76,06	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của hộ sử dụng khác); - Kinh doanh dịch vụ ăn uống - Sử dụng tầng 1 nhà 17 Tràng Tiền + tầng 2 nhà 15 Tràng Tiền + tự coi nói thêm tầng 3 làm bếp	Dịch vụ ăn uống
27	27	Số 102 Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm	95	95	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác); - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Phương án sau CPH
28	28	Số 1 Điện Biên Phủ + 2 Nguyễn Thái Học, quận Hoàn Kiếm	495,13	563,93	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng 1 phần DT tầng 1, 1 phần DT tầng 2 và 1 phần DT tầng 3 của nhà 3 tầng (phần diện tích còn lại của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh dịch vụ ăn uống và đèn chiếu sáng	Dịch vụ ăn uống
29	29	Số B26 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa	105,6	105,6	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của khu tập thể cũ 5 tầng; - Kinh doanh dịch vụ giải khát	Dịch vụ ăn uống
30	30	Số 353 Phố Huế, quận Hai Bà Trưng	87,02	309,86	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 3 tầng mặt phố, DT xây dựng thêm là 222,84m2 từ nguồn vốn ngân sách nhà nước là 576.395.577 đồng. Hiện đang trả tiền thuê nhà cho toàn bộ diện tích. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
31	31	Số 30 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng	40,3	40,3	Nhà thuê	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 3 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh Thời trang
32	32	Số 38-40 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm	571,51	2,237,11 (trong đó TCT tự xây dựng là 1,440,2m2)	Nhà thuê	Đã nộp tiền mua tài sản trên đất và nộp tiền thuê đất một lần. Đang chờ ý kiến chỉ đạo của UBND Thành phố	Khối nhà 02 tầng : kinh doanh ăn uống và văn phòng Khối nhà 6 tầng: đang để trống Đã thanh lý hợp đồng thuê nhà đất với Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội. Đang chờ quyết định của Thành phố để xin mua tài sản trên đất nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.	Dự án mới xây dựng Trung tâm Thương mại Hapro
II.2		Cơ sở nhà đất: Nhà là tài sản doanh nghiệp, đất thuê của Nhà nước: 64 địa điểm						
33	1	Số 135 Lương Đình Của, quận Đống Đa	Đất sử dụng riêng 1,062m2; đất sử dụng chung (chỉ sử dụng tầng 2) là 128m2	1.843,00	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng, - Kinh doanh Hapromart, văn phòng và dịch vụ ăn uống	Kinh doanh Hapromart; Dịch vụ ăn uống

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Phương án sau CPH
34	2	Số 11-13 Thành Công, quận Ba Đình (Khu 1)	555,7 (khu 1)	982	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Khu 1, (một phần tầng 1 và toàn bộ tầng 2) nhà 2 tầng, Kinh doanh Hapromart	Kinh doanh HaproMart
		Số 11-13 Thành Công, quận Ba Đình (Khu 2)	169,9	169,9	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Khu 2 (sử dụng tầng 2 của nhà 2 tầng), kinh doanh dịch vụ thể dục thể thao	
35	3	E7 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng (khu 1)	23,9	23,9	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng một phần tầng 1 của tập thể 5 tầng, - Kinh doanh Hapromart, đại lý thuốc lá và cho thuê văn phòng.	Cửa hàng chuyên doanh khác
		E7 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng (khu 2)	84,7	84,7	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm		
		E7 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng (khu 3)	71	71	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm		Kinh doanh HaproMart
36	4	E6 Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng (Khu 1)	183,6	183,6	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng một phần tầng 1 của khu tập thể 5 tầng; - Kinh doanh Hapromart, dịch vụ ăn uống và cho thuê văn phòng	Kinh doanh HaproMart
		E6 Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng (Khu 2)	185,4	185,4	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm		Dịch vụ ăn uống
		E6 Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng (Khu 3)	95,45	95,45	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm		Cửa hàng chuyên doanh khác
37	5	C12 Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân	1.780,40	1.780,40	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng 1 phần DT tầng 1 của khu tập thể 5 tầng C11, C12, C13 Thanh Xuân, - Kinh doanh HaproMart, Xe máy, điện thoại và thời trang	Kinh doanh HaproMart
38	6	Kios Chợ Châu Long, quận Ba Đình	56,6	56,6	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Từ kios số 1 đến số 6, mặt phố Châu Long (tình trạng xuống cấp), - Kinh doanh tạp hóa	Kinh doanh HaproFood
39	7	Ki ốt Chợ Kim Giang, quận Thanh Xuân	97,8	97,8	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn, - Kinh doanh Haprofood	Kinh doanh HaproFood
40	8	Số 68 Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm	33,3	33,3	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 3 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh Haprofood	Kinh doanh HaproFood
41	9	Cổ Loa, huyện Đông Anh	207,8	189,7	TSDN	Trả tiền thuê đất	- Nhà 1 tầng mái tôn,	Kinh doanh

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Phương án sau CPH
						hàng năm	- Kinh doanh Haprofood kết hợp dịch vụ ăn uống	HaproFood
42	10	Chợ Kim, Xuân Nộn, huyện Đông Anh	141,9	91,22	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn - Kinh doanh HaproFood	Kinh doanh HaproMart
43	11	Số 20 Hàm Long, quận Hoàn Kiếm	44,3	44,3	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng, tầng 2 do người lao động cũ của Công ty Nông Sản tự coi nói bằng nhà khung thép mái tôn, nay người lao động đã về hưu nhưng không chịu bàn giao lại cho TCT, đang tranh chấp. - Đang cải tạo sửa chữa	Kinh doanh HaproFood
44	12	Số 83 Nguyễn An Ninh, quận Hoàng Mai	122,8	122,8	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái bằng - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Kinh doanh HaproMart
45	13	Số 6 Cầu Bươu, huyện Thanh Trì	4.117,00	605,35	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Phía ngoài là Dãy nhà 1 tầng mái tôn mặt phố, phía trong là khu đất trống - Kinh doanh Hapromart	Kinh doanh HaproMart
46	14	Số 28 Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm	DT đất sử dụng riêng là 72,8m2 và DT đất sử dụng chung là 9,4m2	155	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng phần DT tầng 1 và tầng 3 của nhà 3 tầng, - Kinh doanh phụ kiện may mặc và dịch vụ lưu trú	Kinh doanh Hapromart
47	15	D2 Giảng Võ, quận Ba Đình	1.230,60	1.230,60	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng 1 phần diện tích tầng 1 của Tòa nhà 28 tầng mới xây dựng Khu 1: 654 m2; Khu 2: 576,9m2 - Kinh doanh cửa hàng thực phẩm và dịch vụ ăn uống	Siêu thị thực phẩm Unimart Seika và dịch vụ ăn uống
48	16	Số 36 Hàng Ngang, quận Hoàn Kiếm	233,3	221,5	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh Thời trang

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Phương án sau CPH
49	17	Số 7 Hàng Đường, quận Hoàn Kiếm	66,2	66,2	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 3 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
50	18	Số 78 Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm	50,4	50,4	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 3 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
51	19	Số 35 Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm	71,8	71,8	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 2 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh điện thoại	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
52	20	A12 Khương Thượng (mặt phố Tôn Thất Tùng), quận Đống Đa	198,7	198,7	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	-Sử dụng một phần DT tầng 1 của nhà tập thể 5 tầng, - 166,7m2: Kinh doanh kính mắt; 32m2: Kinh doanh điện thoại	Cửa hàng chuyên doanh Thời trang
53	21	C14 Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân	352,4	352,4	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà tập thể 5 tầng C14 (khu 1: 272,2m2) và 1 phần DT tầng 1 của C10 (khu 2: 80,2m2), - DT tầng 1 C14 kinh doanh kính mắt; DT tầng 1 C10 kinh doanh kết sắt và túi xách	Cửa hàng chuyên doanh Thời trang
54	22	Số 85 Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm	67,2	67,2	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng 1 phần DT tầng 1 mặt phố của nhà 3 tầng (phần DT phía trong tầng 1 và từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác, chủ sử dụng khác không có lối đi riêng, phải đi qua diện tích tầng 1 của TCT để lên các tầng trên) - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
55	23	Số 52 Hàng Đậu, quận Hoàn Kiếm	41,4	41,4	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh Thời trang
56	24	Số 144 Thụy Khuê, quận Tây Hồ	27,4	27,4	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
57	25	Số 312 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa	62,9	62,9	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn, - Kinh doanh đồ da	Cửa hàng chuyên doanh Thời trang

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Phương án sau CPH
58	26	Số 7-9 Đinh Tiên Hoàng, quận Hoàn Kiếm	257	1,130,50	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Xây dựng 5 tầng: TCT sử dụng tầng 1 và tầng 2; từ tầng 3 đến tầng 5 hợp tác với TCT Máy và Phụ tùng (nay là Công ty CP Máy và thiết bị dầu khí) khai thác sử dụng đến ngày 01/9/2022. - Kinh doanh dịch vụ du lịch, dịch vụ ăn uống và giải khát	Kinh doanh hàng lưu niệm và giới thiệu sản phẩm do TCT sản xuất
59	27	Số 90 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm	59,3	59,3	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh đại lý vé máy bay	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
60	28	Số 198 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng	130,6	130,6	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn - Kinh doanh xe đạp điện	Cửa hàng chuyên doanh khác
61	29	Số 57 Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm	45,2	45,2	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng một phần tầng 1 của Nhà 2 tầng (phần còn lại của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh bánh kẹo.	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
62	30	Số 32 Hàng Cá, quận Hoàn Kiếm	37,5	37,5	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng 1 phần DT tầng 1 của nhà 3 tầng (phần DT phía trong tầng 1 và từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh khóa	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
63	31	Số 2 Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng	35,7	35,7	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn - Kinh doanh thuốc	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
64	32	Số 268 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa	56,31	168	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 01 tầng và 01 tầng coi nói mái tôn, hiện đang cải tạo sửa chữa.	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm;
65	33	Số 21-23 Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm	104,9	104,9	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 3 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
66	34	Số 53D Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm	128,5	245	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng mặt phố + 1 tầng lửng. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Phương án sau CPH
67	35	C15 Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân	338,3	338,3	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng 1 phần DT tầng 1 của nhà tập thể 5 tầng; - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
68	36	Số 4 Ngõ Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm	38,2	76	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng 1 tum coi nói. - Kinh doanh DV ăn uống	Dịch vụ ăn uống
69	37	Số 6 Thuốc Bắc, quận Hoàn Kiếm	33,7	33,7	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 3 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh dịch vụ giải khát	Dịch vụ ăn uống
70	38	Số 56 Hàng Đậu, quận Hoàn Kiếm	52,5	52,5	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 3 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
71	39	A12 Khương Thượng (mặt phố Đông Tác), quận Đống Đa	165,5	165,5	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà tập thể 5 tầng, - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
72	40	Số 8 Ngõ Quyền, quận Hoàn Kiếm	33,3	33,3	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái bằng; - Kinh doanh dịch vụ giải khát	Dịch vụ ăn uống
73	41	Số 5 Hàm Tử Quan, quận Hoàn Kiếm	149	153,9	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng, tầng 2 coi nói bằng nhà khung thép mái tôn. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
74	42	Số 8 Bát Đàn, quận Hoàn Kiếm	41,4	41,4	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của nhà 2 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác), - Kinh doanh phụ kiện ống nước	Dịch vụ ăn uống
75	43	Số 14 Nguyễn Khuyến, quận Đống Đa	35,5	35,5	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng + 1 tum mái tôn, - Đang cải tạo sửa chữa	Dịch vụ ăn uống
76	44	Số 11B Cát Linh, quận Đống Đa	2.933,0	17.720,0	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	Trụ sở Tổng công ty Thương mại Hà Nội và VP cho thuê, Tòa nhà 15 tầng + 1 tầng mái + 2 tầng hầm	Văn phòng làm việc và cho thuê
77	45	Tầng 1, C4 Giảng Võ, quận	549,8	549,8	TSDN	Trả tiền thuê đất	- Sử dụng 1 phần DT tầng 1 của Tòa nhà tập	Văn phòng làm

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Phương án sau CPH
		Ba Đình				hàng năm	thế 5 tầng cũ - Kinh doanh hàng miễn thuế, dịch vụ ăn uống	việc của Trung tâm Kinh doanh Hàng miễn thuế và Dịch vụ ăn uống
78	46	Số 254 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa	161,5	300	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng. - Văn phòng làm việc kết hợp cho thuê văn phòng	Văn phòng làm việc
79	47	Số 22 Đông Các, quận Đống Đa	42	84	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng, coi nói thêm tầng 3 bằng tôn, - VP làm việc và cửa hàng giới thiệu SP.	Văn phòng làm việc
80	48	Số 376 Khâm Thiên, quận Đống Đa	326,8	326,8	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái bằng có xép lửng. - Kinh doanh xe đạp *Vướng mắc đơn đòi nhà của bà Đỗ Thị Nghễ, tuy nhiên TCT khẳng định quyền sở hữu tài sản trên đất và quyền sử dụng đất tại địa điểm 376 Khâm Thiên.	Văn phòng làm việc, Showroom giới thiệu sản phẩm
81	49	Số 362 Phố Huế, quận Hai Bà Trưng	618,4	3.376,0	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Tòa nhà 7 tầng nổi và 01 tầng hầm; - TCT ký Hợp đồng cho thuê tòa nhà số 5207/THP/HĐ ngày 05/02/2007 cho Ngân hàng TMCP các DN ngoài Quốc doanh VN (nay là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng thuê với thời hạn 27 năm; TCT đang sử dụng 96m2 tại tầng 2 của Tòa nhà, không phải trả tiền thuê nhưng phải trả phí dịch vụ cho Ban QLTN, Công ty Siêu thị HN kinh doanh cửa hàng tiện ích và dịch vụ ăn uống.	Văn phòng làm việc và cho thuê
82	50	Số 160-162 Ngõ Thái Thịnh I, quận Đống Đa	208,5	208,5	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng khung thép tiền chế, mái tôn; - Văn phòng làm việc, kho phân phối hàng hóa	Kho hàng
83	51	Số 149 Ngõ Thái Thịnh I, quận Đống Đa	423,6	423,6	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn, - Kho hàng	Kinh doanh HaproMart và kho hàng

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Phương án sau CPH
84	52	Số 145 Ngõ Thái Thịnh, quận Đống Đa	527,3	207,3	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn, - 320m2 bàn giao cho UBND phường Thịnh Quang làm chợ tạm; - 207,3m2 làm kho hàng	Kho hàng
85	53	Xuân Nộn, huyện Đông Anh	19.077,0	9.516,0	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà xưởng, kho hàng do Trung tâm chế biến Hàng Xuất khẩu trực tiếp quản lý và khai thác kho hàng: bao gồm 8 dãy nhà kho (9,194m2); 01 dãy nhà văn phòng làm việc (312m2) và 01 nhà bảo vệ (10m2)	Kho hàng
86	54	Số 5 Lê Duẩn, quận Ba Đình	1.624,0		TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	Đang thực hiện dự án (Hợp tác với Công ty CP Tập đoàn Vàng bạc Đá quý Doji)	Tiếp tục thực hiện dự án
87	55	Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình, quận Thanh Xuân	3.108,5	2.540,0	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Đang triển khai dự án đầu tư. - Hợp tác với Công ty CP Tập đoàn đầu tư xây dựng nhà đất, Tuy nhiên Chủ tịch Công ty CP Tập đoàn đầu tư xây dựng nhà đất hiện đang bị bắt vì những sai phạm trong ĐTXD Dự án tại Hà Nội nên dự án đang tạm dừng chờ kết quả điều tra của cơ quan điều tra.	Tiếp tục thực hiện DA
88	56	Số 106 Nguyễn An Ninh, quận Hoàng Mai	459,7		TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	Đang triển khai dự án đầu tư, Trong 459,7m2 có 298,7m2 đất để xây dựng dự án và 161m2 đất nằm trong quy hoạch mở đường không được xây dựng	Tiếp tục thực hiện DA
89	57	Trung tâm kinh doanh Chợ đầu mối phía Nam, quận Hoàng Mai	37.716,0	6.942,0	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Do Trung tâm chợ đầu mối Phía Nam quản lý và khai thác. - Đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư dự án.	Tiếp tục thực hiện DA
90	58	Khu công nghiệp Thực phẩm Hapro, huyện Gia Lâm	326.645,0	181.501	TSDN		Đang triển khai dự án đầu tư xây dựng; Hiện nay có công trình Nhà máy Mỹ và công trình xử lý nước thải, Các công trình còn lại do các đối tác thuê đất tự đầu tư xây dựng.	Tiếp tục thực hiện DA

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Phương án sau CPH
91	59	Số 160 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân	860,7	430,5	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Dãy nhà 1 tầng mái tôn mặt phố; phía trong là văn phòng cho thuê ô tô và rửa xe ô tô. - Kinh doanh Ống nước, đồ điện kim khí (Đang tranh chấp)	Dự án mới xây dựng Trung tâm Thương mại Hapro
92	60	Trung tâm kinh doanh Chợ đầu mối Bắc Thăng Long - Thôn Cổ Diễn - Xã Hải Bối – huyện Đông Anh	72.745,0	4.918,0	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Do Trung tâm chợ đầu mối Bắc Thăng Long trực tiếp quản lý và khai thác. - Đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư dự án.	Tiếp tục thực hiện DA
93	61	Trung tâm Thương mại Dịch vụ Sóc Sơn, huyện Đông Anh	6.169		TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Đang triển khai dự án đầu tư xây dựng. - Dự án có đường ống xả dầu của kho 190, Cục xả dầu – Tổng cục hậu cần (thi công trước khi dự án được chấp thuận) và đường ống thoát nước của dự án cho dân cư thôn Phù Mã và khu đầu giá xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn (thi công sau khi Tổng công ty trúng thầu) đi qua khu đất. Tổng công ty đang liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để xác định chính xác vị trí, diện tích để xin tách phần diện tích này ra khỏi dự án.	Tiếp tục thực hiện DA
94	62	Dự án Điểm đỗ xe Hải Bối, huyện Đông Anh	14.037,0			Chưa kê khai nộp tiền thuê đất, thuế đất do đất chưa GPMB và chưa được bàn giao đất	Đang thực hiện chuẩn bị đầu tư	Tiếp tục thực hiện DA
95	63	Khu nhà ở và khu phụ trợ - Cụm CNTP Hapro, huyện Gia Lâm	352.405,0		TSDN	Khu nhà ở: Đã trả tiền sử dụng đất một lần Khu phụ trợ: nộp tiền thuê đất hàng năm	Đang triển khai thực hiện dự án	Tiếp tục thực hiện DA

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Phương án sau CPH
96	64	Số 11B Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm	161,3	161,3	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	Đang hoàn thiện thủ tục pháp lý để bàn giao cho Công ty cổ phần Khách sạn Tràng Thi theo Quyết định của Thành phố.	Chờ bàn giao cho Công ty cổ phần Khách sạn Tràng Thi
II		Các địa điểm mạng lưới tại các tỉnh ngoài thành phố Hà Nội (18 địa điểm)						
	II.1	Tỉnh Quảng Nam						
97	1	Lô Villa 2D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị Xã Điện Bàn (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 01)	355,3	241,47	TSDN	- Nguồn gốc: nhận chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất được nhà nước cho thuê đất trả tiền 1 lần - Đất thuộc dự án kinh doanh nhà ở cho thuê và bán nên người mua nhà gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc dự án này được sử dụng đất ổn định lâu dài.	Biệt thự 2 tầng, đất ở tại đô thị, Diện tích xây dựng: 110,8m2; cấp công trình: cấp III	Kinh doanh cho thuê
98	2	Lô Villa 4D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị Xã Điện Bàn (thửa đất số 77, tờ bản đồ số 01)	355,1	241,47	TSDN		Biệt thự 2 tầng, đất ở tại đô thị, Diện tích xây dựng: 110,8m2; cấp công trình: cấp III	Kinh doanh cho thuê
99	3	Lô Villa 6D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị Xã Điện Bàn (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 01)	355,4	241,47	TSDN		Biệt thự 2 tầng, đất ở tại đô thị, Diện tích xây dựng: 110,8m2; cấp công trình: cấp III	Kinh doanh cho thuê
100	4	Lô Villa 10D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links VN, phường Điện Ngọc, thị Xã Điện Bàn (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 01)	355	241,47	TSDN		Biệt thự 2 tầng, đất ở tại đô thị, Diện tích xây dựng: 110,8m2; cấp công trình: cấp III	Kinh doanh cho thuê
	II.2	Tỉnh Đồng Tháp						
101	5	Xã Tân Dương, huyện Lai Vung (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 21) (lô 1)	7.158,50	4.577,4	TSDN	-Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSD đất	- VP chi nhánh TCT tại Đồng Tháp. - Nhà máy và kho gạo	Kho hàng

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Phương án sau CPH
						như giao đất có thu tiền SD đất DT 850m2. - Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất DT 6.308,5m2		
102	6	Phường 1, thành phố Sa Đéc (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49)	90	226,8	TSDN	Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất,	Nhà cấp 3 (DTXD: 72m2), VP chi nhánh TCT tại Đồng Tháp,	
103	7	Xã Tân Dương, huyện Lai Vung (thửa đất số 86, tờ bản đồ số 21) (lô 2)	2.502,0		TSDN	Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần		Nhà máy và kho gạo của Chi nhánh TCT tại Đồng Tháp
104	8	Khóm Tân Thuận, phường An Hòa, thành phố Sa Đéc (thửa số 235, tờ bản đồ số 30)	85		TSDN	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Không có công trình xây dựng trên đất	Kho hàng
	II.3	Tỉnh Gia Lai						
105	9	Thôn Plei Dư, xã Ia Hrú, huyện Chư Pưh (thửa 266a, tờ bản đồ số 66)	496		TSDN	Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Không có công trình xây dựng trên đất	Kho hàng
106	10	Thôn Plei Dư, xã Ia Hrú, huyện Chư Pưh (thửa 270; 312a, tờ bản đồ số 66)	484		TSDN	Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Không có công trình xây dựng trên đất	Văn phòng tại tỉnh Gia Lai của Chi nhánh TCT tại thành phố Hồ Chí Minh
107	11	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê (thửa đất số 5+11, tờ bản đồ số 32)	1.591,00		TSDN	Nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Không có công trình xây dựng trên đất	Kho hàng tại tỉnh Gia Lai của Chi nhánh TCT tại thành phố Hồ Chí Minh

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Phương án sau CPH
109	12	Làng Rìng 2, xã HBông, huyện Chư Sê (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 32)	10.563,00		TSDN	Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Không có công trình xây dựng trên đất	Kho hàng tại tỉnh Gia Lai của Chi nhánh TCT tại thành phố Hồ Chí Minh
109	13	Làng Rìng 2, xã HBông, huyện Chư Sê (thửa đất số 12+20, tờ bản đồ số 32)	3.980,00		TSDN	Nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất,	Không có công trình xây dựng trên đất	Kho hàng tại tỉnh Gia Lai của Chi nhánh TCT tại thành phố Hồ Chí Minh
	II.4	Thành phố Hồ Chí Minh						
110	14	77-79 Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1	140,88	960,24	TSDN	Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà Hàng năm nộp tiền thuê đất PNN cho UBND quận 1 theo thông báo	- Tòa nhà 5 tầng - Tầng 2,4 và tầng 5 làm Văn phòng làm việc của Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh; Tầng 1 và tầng 3 cho Công ty CP SX hàng gia dụng Haprosimex Sài Gòn thuê theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 01/2016/HĐTĐĐ/HAPRO ngày 30/5/2016,	Văn phòng làm việc của Chi nhánh TCT Thương mại Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh và khai thác cho thuê diện tích văn phòng
	II.5	Tỉnh Hưng Yên						
111	15	Dị Sử - tỉnh Hưng Yên	34.538,00	3.263,00	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- 01 dãy nhà văn phòng 2 tầng mái bằng; 01 nhà kho hàng khung thép tiền chế mái tôn. - Văn phòng chi nhánh và Kinh doanh cho thuê kho bãi	Văn phòng làm việc và Kho của Chi nhánh TCT tại Hưng Yên
	II.6	Tỉnh Bình Dương						
112	16	Xã An Phú, huyện Thuận An (lô 3)	3.988,21	1.968,00	TSDN	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm; Nhận chuyển nhượng tài sản trên đất gắn liền với đất thuê từ Công ty TNHH Thăng Long,	CN của TCT tại TP.HCM cho Công ty Điều Việt Hà thuê làm kho hàng	Nhà máy và kho hàng

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Phương án sau CPH
113	17	Xã An Phú, huyện Thuận An (thửa đất số 486, tờ bản đồ số Dc14-1 (lô 2)	2.395,80	1.895,80	TSDN	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm		Nhà máy và kho hàng
114	18	Xã An Phú, huyện Thuận An (thửa đất số 487, tờ bản đồ số Dc14-3 (lô 1)	292,1	200,00	TSDN	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm		Nhà máy và kho hàng
III		Các địa điểm nằm trong quy hoạch, bàn giao về Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội; Công ty cổ phần được ký Hợp đồng thuê nhà, đất hàng năm và tiếp tục quản lý, sử dụng: 6 địa điểm						
115	1	Ki ốt TT Nguyễn Công Trứ, quận Hai Bà Trưng	20	20	Nhà thuê	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn, - Kinh doanh đồ điện gia dụng	Cửa hàng chuyên doanh điện gia dụng
116	2	Số 166A Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình	64,7	64	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng 1 tum, - Kinh doanh tranh đá quý	Cửa hàng chuyên doanh tranh đá quý
117	3	Số 65 Trần Nhân Tông, quận Hai Bà Trưng	15,1	15,1	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng, mái bằng, - Kinh doanh thời trang - Vướng mắc do lịch sử để lại có đối tượng chiếm dụng không gian trên nóc nhà.	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
118	4	Trung tâm Ngã Tư Sở (bên phải), quận Đống Đa	235,4	422,3	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là phần DT của nhà 2 tầng đã xuống cấp trầm trọng, - Tầng 1 kinh doanh quần áo, đồng hồ và 1 gian kinh doanh hoa giả; Tầng 2 làm kho	Cửa hàng chuyên doanh
119	5	Trung tâm Ngã Tư Sở (bên trái), quận Đống Đa	210	462,5	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT của nhà 2 tầng đã xuống cấp trầm trọng. - Tầng 1: kinh doanh chăn, ga gối; quần áo; dịch vụ ăn uống; - Tầng 2 xuống cấp nguy hiểm, không sử dụng	Cửa hàng chuyên doanh

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Phương án sau CPH
120	6	Số 373 Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì	157,5	314,74	TSDN	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng, cải tạo thêm tầng 3 bằng khung sắt, - Kinh doanh Hapromart; dịch vụ vui chơi giải trí. * Công văn số 1414/VQH-TT3 ngày 30/6/2016 của Viện Quy hoạch xây dựng HN thi khu đất 373 đường Ngọc Hồi có phần lớn diện tích nằm trong phạm vi dự kiến mở đường, phần diện tích còn lại quá nhỏ, Theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 của UBND TP dự kiến phần đất này sẽ bị thu hồi sử dụng cho mục đích công cộng	Cửa hàng Hapromart

Nguồn: Tổng Công ty Thương mại Hapro

(Thông tin chi tiết về hiện trạng pháp lý, các tồn tại, vướng mắc, tranh chấp liên quan đến các địa điểm, mạng lưới kinh doanh sau cổ phần hóa tại phụ lục 04,05 kèm theo Bản công bố thông tin. Tổng công ty Thương mại Hà Nội-Công ty cổ phần kế thừa và xử lý theo quy định hiện hành).

Đối với các vướng mắc, tranh chấp, khiếu kiện và các thủ tục pháp lý khác liên quan đến 120 cơ sở nhà, đất Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần được quản lý, sử dụng sau cổ phần hóa như nêu trên, Tổng công ty Thương mại Hà Nội tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật, đến thời điểm chuyển doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần nếu chưa xử lý xong các thủ tục pháp lý, vướng mắc, tranh chấp, khiếu kiện... Tổng công ty Thương mại Hà Nội sẽ bàn giao cho Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội tiếp tục kế thừa và xử lý theo quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa và thực hiện mọi nghĩa vụ về quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Đối với các cơ sở nhà, đất của thành phố Hà Nội, việc chuyển nhượng, chuyển đổi, cho thuê, thay đổi mục đích sử dụng đất phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố. Công ty cổ phần có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích ghi trong hợp đồng, nếu sử dụng đất sai mục đích, không hiệu quả, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội sẽ thu hồi theo quy định hiện hành của Luật Đất đai.

Đối với 32 địa điểm nhà chuyên dùng thuộc sở hữu nhà nước Tổng công ty Thương mại Hà Nội đang ký Hợp đồng thuê nhà, đất với Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội, Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa và ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội theo các cơ chế cho thuê và/hoặc thực hiện theo các phương án sắp xếp quỹ nhà chuyên dùng thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố được UBND Thành phố quyết định tại từng thời điểm cụ thể sau này.

4.2. Tài sản cố định

Bảng 7: Tài sản cố định của Công ty mẹ Hapro tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 30/06/2016

TT	Loại tài sản	Số liệu sổ sách kế toán thời điểm 30/06/2016	Chênh lệch xử lý tài chính	Số liệu trên sổ sách kế toán (sau khi xử lý tài chính)	Số liệu xác định lại	Chênh lệch xác định lại giá trị	Chênh lệch so với sổ sách kế toán 30/06/2016
I	TSCĐ đang dùng	369.480.981.234	(26.901.481.361)	342.579.499.873	554.631.871.727	212.052.371.854	185.150.890.493
1	TSCĐ hữu hình	368.618.179.312	(26.691.209.757)	341.926.969.555	553.847.245.801	211.920.276.246	185.229.066.489
2	TSCĐ vô hình	862.801.922	(210.271.604)	652.530.318	784.625.926	132.095.608	(78.175.996)
II	TSCĐ không cần dùng	-	26.237.149.963	26.237.149.963	26.237.149.963	-	26.237.149.963
III	TSCĐ chờ thanh lý	-	664.331.398	664.331.398	664.331.398	-	664.331.398
IV	TSCĐ hình thành từ quỹ PL,KT	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	369.480.981.234		369.480.981.234	581.533.353.088	212.052.371.854	212.052.371.854

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại ngày 30/06/2016)

Thực trạng tài sản cố định của Hapro (công ty mẹ) tại 31/12/2017 như sau:

Bảng 8: Tài sản cố định của Hapro tại thời điểm 31/12/2017 (Công ty mẹ)

TT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ Giá trị còn lại/Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	688.790.387.945	552.342.313.782	80,19%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	638.859.378.748	515.642.510.341	80,71%
2	Máy móc, thiết bị	31.225.930.935	24.651.093.191	78,94%
3	PTVT – truyền dẫn	14.363.650.936	9.684.872.596	67,42%
4	Thiết bị, quản lý	1.667.305.291	902.980.864	54,16%
5	TSCĐ khác	2.674.122.035	1.460.856.790	54,63%
II	Tài sản cố định vô hình	47.769.296.011	46.276.181.059	96,87%
1	Quyền sử dụng đất	45.845.913.581	45.608.284.421	99,48%
2	Phần mềm máy vi tính	1.923.382.430	667.896.638	34,73%
	Tổng cộng	736.559.683.956	598.618.494.841	81,27%

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty mẹ- Tổng công ty Thương mại Hà Nội do Công ty mẹ lập, chưa được kiểm toán độc lập và chưa được quyết toán thuế)

Thực trạng tài sản cố định của Hapro (hợp nhất) tại 30/06/2017 như sau:

Bảng 9: Tài sản cố định của Hapro tại thời điểm 30/06/2017 (Hợp nhất)

TT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ Giá trị còn lại/Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	942.272.350.487	577.077.273.237	61,24%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	747.092.506.286	489.365.317.416	65,50%
2	Máy móc, thiết bị	146.529.241.131	76.422.321.182	52,15%
3	PTVT – truyền dẫn	37.310.184.209	6.262.178.129	16,78%
4	Thiết bị, quản lý	8.690.739.234	3.605.725.656	41,49%
5	TSCĐ khác	2.649.679.627	1.421.730.854	53,66%
II	Tài sản cố định vô hình	42.671.913.603	39.165.194.474	91,78%
1	Quyền sử dụng đất	39.143.894.820	37.979.623.700	97,03%
2	Nhãn hiệu hàng hóa	523.909.250	217.584.135	41,53%
3	Phần mềm máy vi tính	3.004.109.533	967.986.639	32,22%
	Tổng cộng	984.944.264.090	616.242.467.711	62,57%

(Nguồn: Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất năm 2017 của Hapro)

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

5. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước cổ phần hóa

5.1. Doanh thu, lợi nhuận của Tổng Công ty giai đoạn 2014 – 2017

Bảng 10: Cơ cấu doanh thu của Hapro giai đoạn 2014 –2017 (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần về BH và CCDV	3.390.602.422.050	94,62%	3.212.164.794.854	95,78%	3.116.688.322.597	91,33%	3.180.185.860.978	97,547%
Doanh thu hoạt động tài chính	168.569.225.919	4,70%	137.468.482.548	4,10%	272.115.627.896	7,97%	79.908.526.881	2,451%
Thu nhập khác	24.152.066.221	0,67%	3.983.824.560	0,12%	23.570.108.328	0,69%	68.676.196	0,002%
Tổng doanh thu	3.583.323.714.190	100%	3.353.617.101.962	100%	3.412.374.058.821	100%	3.260.163.064.055	100%

(Nguồn: BCTC năm 2014 điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước, BCTC năm 2015 điều chỉnh theo quyết toán thuế, BCTC kiểm toán 2016 điều chỉnh theo Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND TP Hà Nội về phê duyệt GTDN Công ty mẹ Tổng công ty và BCTC năm 2017 do Công ty mẹ Tổng công ty lập, chưa được kiểm toán độc lập và chưa được quyết toán thuế và cung cấp của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

Bảng 11: Cơ cấu doanh thu của Hapro giai đoạn 2014 – 6T/2017 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		6T/2017	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần về BH và CCDV	5.761.858.334.303	95,96%	4.711.449.361.448	95,25%	4.248.480.482.390	92,46%	1.927.427.092.479	97,79%
Doanh thu hoạt động tài chính	204.994.870.473	3,41%	218.835.480.109	4,42%	294.638.833.600	6,41%	40.299.498.673	2,04%
Thu nhập khác	37.387.727.287	0,63%	15.916.002.049	0,33%	51.870.091.420	1,13%	3.316.290.302	0,17%
Tổng doanh thu	6.004.240.932.063	100%	4.946.200.843.606	100%	4.594.989.407.410	100%	1.971.042.881.454	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2014, 2015, 2016 và 6 tháng 2017 của Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

Bảng 12: Tỷ trọng lợi nhuận gộp/doanh thu của Hapro giai đoạn 2014 – 2017 (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Doanh thu thuần	3.390.602.422.050	3.212.164.794.854	3.116.688.322.597	3.180.185.860.978
Lợi nhuận gộp	465.629.352.187	319.187.067.874	179.436.839.131	248.083.260.245
Tỷ lệ lợi nhuận gộp/DTT(%)	13,73%	9,94%	5,76%	7,80%

(Nguồn: BCTC năm 2014 điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước, BCTC năm 2015 điều chỉnh theo quyết toán thuế, BCTC kiểm toán 2016 điều chỉnh theo Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND TP Hà Nội vv phê duyệt GTDN Công ty mẹ Tổng công ty và BCTC năm 2017 do Công ty mẹ Tổng công ty lập, chưa được kiểm toán độc lập và chưa được quyết toán thuế và cung cấp của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

Bảng 13: Tỷ trọng lợi nhuận gộp/doanh thu giai đoạn 2014 – 6T/2017 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	6T/2017
Doanh thu thuần	5.761.858.334.303	4.711.449.361.448	4.248.480.482.390	1.927.427.092.479
Lợi nhuận gộp	1.096.665.452.326	600.011.790.504	379.921.628.866	211.724.190.212
Tỷ lệ lợi nhuận gộp/DTT(%)	19,03%	12,74%	8,94%	10,98%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2014, 2015, 2016 và 6 tháng 2017 của Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

5.2. Cơ cấu chi phí của Tổng Công ty giai đoạn 2014 – 2017

Bảng 14: Cơ cấu chi phí của Hapro giai đoạn 2014 –2017 (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ(%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
GVHB	2.924.973.069.863	82,51%	2.892.977.726.980	86,56%	2.937.251.483.466	87,41%	2.932.102.600.733	90,31%
Chi phí tài chính	286.682.082.624	8,09%	156.197.435.560	4,67%	77.584.472.459	2,31%	69.256.438.901	2,13%

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Chi phí bán hàng	145.567.620.426	4,11%	144.282.972.538	4,32%	137.684.697.076	4,10%	128.889.383.680	3,97%
Chi phí QLDN	164.897.831.241	4,65%	144.855.699.152	4,33%	182.033.652.273	5,42%	115.315.343.499	3,55%
Chi phí khác	22.855.917.270	0,64%	3.787.465.949	0,11%	25.749.235.044	0,77%	1.001.964.256	0,03%
Tổng chi phí	3.544.976.521.424	100%	3.342.101.300.179	100%	3.360.303.540.318	100%	3.246.565.731.069	100%

(Nguồn: Nguồn: BCTC năm 2014 điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước, BCTC năm 2015 điều chỉnh theo quyết toán thuế, BCTC kiểm toán 2016 điều chỉnh theo Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND TP Hà Nội về phê duyệt GTDN Công ty mẹ Tổng công ty và BCTC năm 2017 do Công ty mẹ Tổng công ty lập, chưa được kiểm toán độc lập và chưa được quyết toán thuế và cung cấp của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

Bảng 15: Cơ cấu chi phí của Hapro giai đoạn 2014 – 6T/2017 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		6T/2017	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
GVHB	4.665.192.881.977	82,60%	4.111.437.570.944	83,72%	3.868.558.853.524	85,36%	1.715.702.902.267	87,56%
Chi phí tài chính	317.289.616.103	5,62%	213.797.614.372	4,35%	98.574.893.796	2,17%	34.748.921.894	1,77%
Chi phí bán hàng	335.231.573.342	5,94%	309.162.143.046	6,30%	267.116.057.914	5,89%	118.851.488.845	6,07%
Chi phí QLDN	298.671.661.170	5,29%	265.781.797.326	5,41%	260.819.146.935	5,75%	87.107.253.032	4,44%
Chi phí khác	30.998.463.957	0,55%	10.608.023.894	0,22%	37.191.604.667	0,83%	3.130.194.529	0,16%
Tổng chi phí	5.647.384.196.549	100%	4.910.787.149.582	100%	4.532.260.556.836	100%	1.959.540.760.567	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2014, 2015, 2016 và 6 tháng 2017 của Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

5.3. Nguyên vật liệu

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội là kinh doanh xuất nhập khẩu và thương mại nội địa do đó nguồn Nguyên vật liệu / hàng hóa phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty Mẹ - Tổng công ty đều được cung ứng ổn định bởi các nhà sản xuất, phân phối chính thức trong và ngoài nước. Cụ thể:

❖ **Một số nhà cung cấp lớn phục vụ hoạt động kinh doanh xuất khẩu:**

- *Mặt hàng hạt điều:* Công ty TNHH Trần Thiên Phúc; Công ty TNHH Thái Hà; Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Phúc An; Công ty CP XNK Điều Việt Hà; Công ty TNHH MTV DVTM Sơn Phát; Công ty TNHH Nông Sản Ngô Hoàng Thu...

- *Mặt hàng hạt tiêu:* Công ty TNHH Hương Bản; Công ty TNHH MTV Thương mại Mỹ Lệ; Công ty TNHH SX TM Thảo Dung; Công ty TNHH TM SX DV Trường Lộc; Công ty TNHH TM Nông sản Tiến Phát....

- *Mặt hàng gạo:* Công ty TNHH Hương Hạnh; Công ty TNHH MTV Thanh Hằng; Công ty TNHH Hòa Hiệp Lộc; Công ty TNHH Thu Hằng; Công ty TNHH Hiếu Nhân....

- *Mặt hàng gia vị (quế, hoa hồi...):* Công ty TNHH Nông sản Anh Chi.

❖ **Một số nhà cung cấp chính phục vụ hoạt động thương mại nội địa:**

- *Các sản phẩm hóa mỹ phẩm:* Công ty CP Unilever, Công ty CP Tập đoàn Phú Thái,...

- *Đồ Gia dụng:* Công ty CP tập đoàn Sunhouse.

- *Các sản phẩm thực phẩm chế biến, thực phẩm đông lạnh, thực phẩm làm mát...:* Công ty CP Việt nam kỹ nghệ súc sản - Vissan hà nội; Công ty Cổ phần Thực phẩm Đức Việt; Công ty CP Ông giá Ika; Cty TNHH MTV Kido; Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Dabaco; Công ty Ajinomoto Vietnam; Công ty CP Phân phối Hapro; Công ty CP Thực phẩm Hà Nội; Công ty TNHH Trung Thành; Công ty TNHH Nestlé Việt Nam ...:

- *Các sản phẩm gạo:* Tổng Cty Lương thực miền bắc..

Ngoài các nhà cung cấp là các doanh nghiệp, thông qua các chương trình giao thương giữa các tỉnh, thành phố, các tổ chức xúc tiến thương mại... Tổng công ty đã ký kết hợp đồng với các hợp tác xã, các hộ kinh doanh có uy tín do chính quyền địa phương và các tổ chức thương mại giới thiệu để đưa các sản phẩm đặc sản địa phương vào hệ thống kinh doanh nội địa và xuất khẩu của Tổng công ty.

Đây đều là các đơn vị uy tín, có tiềm lực và thế mạnh trong từng ngành hàng. Tổng công ty đã xây dựng và thực hiện các chính sách, thủ tục đánh giá các nhà cung cấp thường xuyên nhằm đảm bảo sự ổn định, đa dạng, giá cả hợp lý của các mặt hàng được cung cấp.

Để đảm bảo cho việc có nguồn nguyên liệu/ hàng hoá ổn định tránh tình trạng bị gián đoạn tạm thời do sự thiếu hụt nguồn cung từ các nhà cung cấp truyền thống và để hạn chế tối đa những ảnh hưởng do biến động giá cả của nguyên vật liệu/hàng hoá đến hoạt động kinh doanh, Tổng công ty luôn duy trì quan hệ tốt với các nhà cung cấp nhằm đảm bảo nguồn

nguyên vật liệu/hàng hoá được cung cấp với giá cả hợp lý, chất lượng ổn định... và thực hiện tốt công tác dự báo giúp Tổng công ty luôn chủ động xây dựng kế hoạch dự trữ hàng hoá, nguyên vật liệu.

5.4. Trình độ công nghệ

Hiện tại Tổng công ty đang áp dụng hệ thống phần mềm hạch toán kế toán, hệ thống phần mềm quản lý bán hàng, quản lý khách hàng, ... cho chuỗi siêu thị, cửa hàng tiện ích của Tổng công ty; hệ thống website và hộp thư điện tử riêng; hệ thống hội thảo truyền hình trực tuyến để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Tổng công ty đến các đơn vị thành viên cũng như hoạt động trao đổi thông tin trong nội bộ Tổng công ty.

5.5. Tình hình nghiên cứu sản phẩm, dịch vụ mới

Trong những năm vừa qua, Tổng công ty đã tích cực triển khai nghiên cứu tìm kiếm để đa dạng hóa bộ sản phẩm phục vụ cho hoạt động xuất khẩu cũng như thương mại nội địa của Tổng công ty, đồng thời tìm kiếm mở rộng thị trường xuất khẩu, cụ thể:

Trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu: nghiên cứu, tìm kiếm các nhà cung cấp, các mặt hàng hàng mới phục vụ hoạt động xuất khẩu đồng thời phát triển mở rộng thêm một số khách hàng tại thị trường Mỹ, Cu Ba, Srilanka, Canada, Isarel, Châu Phi, khu vực Đông Âu, Nga và các nước SNG, các nước khu vực Nam Á. Thị trường xuất khẩu tiếp tục được mở rộng và giữ vững tới trên 70 quốc gia, khu vực và vùng lãnh thổ trên Thế giới.

Trong lĩnh vực thương mại nội địa: tiếp tục mở rộng tìm kiếm nguồn hàng nhập khẩu cũng nhưng các mặt hàng đặc sản tại các địa phương trong cả nước để đưa vào hệ thống phân phối, bán lẻ của Tổng công ty.

5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Đối với hoạt động kinh doanh thương mại nội địa và xuất nhập khẩu: Tổng công ty đã xây dựng các quy trình, quy chế quản lý, quản trị Công ty nhằm hạn chế các rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng công ty. Tổng công ty luôn tuân thủ, đảm bảo và đáp ứng chất lượng hàng hóa theo hợp đồng ký kết với khách hàng (trong nước và nước ngoài) đồng thời thuê bên thứ ba độc lập thực hiện việc kiểm tra, kiểm định chất lượng đạt chuẩn khách hàng chấp nhận, không để tranh chấp hoặc phát sinh khiếu nại.

Bên cạnh đó, Hiện nay Tổng công ty đang triển khai hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 được áp dụng đối với toàn bộ khối Phòng Ban, quản lý và một số đơn vị kinh doanh xuất khẩu.

5.7. Hoạt động marketing

Tổng công ty Thương mại Hà Nội (Hapro); đăng ký bảo hộ nhãn hiệu trong nước và tại 22 quốc gia theo Nghị định Thư Madrid và Mỹ; Xây dựng và định vị thương hiệu nhánh Hapromart;

- Xây dựng, chỉnh trang và nâng cấp các điểm kinh doanh theo nhận diện mới, phát huy thế mạnh, uy tín của các thương hiệu Công ty thành viên, đơn vị trực thuộc: Hafasco, Tràng Thi, Thủy Tạ, Hapro Bốn Mùa.

- Duy trì, củng cố niềm tin của người tiêu dùng, nhà nhập khẩu với các Thương hiệu: Thực phẩm Hà Nội, Thủy Tạ, Vang Thăng Long, Unimex Hà Nội.

- Khôi phục và tạo dựng lại thương hiệu Gốm cổ truyền Chu Đậu.

- Xây dựng và triển khai Chương trình Tổng công ty điện tử E-Hapro; hoàn thiện và nâng cấp trang Web, tin học hoá việc truyền tải các chủ trương, chính sách, các trao đổi, chỉ đạo, báo cáo, phổ biến thông tin,... ứng dụng phần mềm quản lý hiện đại cho chuỗi bán lẻ Hapromart, Haprofood.

- Hình thành hệ thống chuẩn mực, tiêu chí văn hoá TCT: xây dựng văn hoá giao tiếp ứng xử, lễ tân, lễ nghi trong nội bộ TCT và với khách hàng, bạn hàng, các cấp chính quyền, cộng đồng xã hội; xây dựng văn hoá quản lý qua việc tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm với xã hội, bảo vệ môi trường, áp dụng ISO, quản lý và bảo toàn các nguồn lực.

5.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu Hapro của Tổng công ty đã được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 89701 Cục Sở hữu Trí tuệ cấp có thời hạn đến ngày 27/10/2026.

Hapro

Nhãn hiệu nhánh Hapromart của Tổng công ty đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Phát triển siêu thị Hà Nội (là công ty con do Tổng công ty nắm giữ 83,42% vốn điều lệ) để triển khai nhiệm vụ phát triển chuỗi siêu thị, cửa hàng tiện ích mang thương hiệu Hapromart theo hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu số 3/HĐCN/TCT-PTST ngày 26/01/2016.

5.9. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Tổng công ty hiện đã ký kết và đang thực hiện một số hợp đồng lớn như sau:

Bảng 16: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết của Công ty mẹ

STT	Đối tác	Nội dung hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	AGRIEX CO.,LTD	Xuất khẩu 3.640 tấn gạo OM5451 sang	1.655.056 USD	01/ 2018

STT	Đối tác	Nội dung hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
		Philippines.		
2	AGRIEX CO.,LTD	Xuất khẩu 1.000 tấn gạo OM6976 sang Philippines.	431.000 USD	01/ 2018
3	AGRIEX CO.,LTD	Xuất khẩu 2.500 tấn gạo OM5451 sang Philippines.	1.138.750 USD	01/ 2018
4	AGRIEX CO.,LTD	Xuất khẩu 1.265 tấn gạo OM5451 sang Philippines.	576.840 USD	01-02/ 2018
5	AGRIEX CO.,LTD	Xuất khẩu 1.500 tấn gạo OM5451 sang Philippines.	683.250 USD	01/ 2018
6	M/S AHMAD ABDULLA SADEGH TRADING CO. L.L.C	HĐ 09-18/ Hapro VN Hàng quế xi gà xuất khẩu đi Dubai	27.300 USD	Tháng 1/2018
7	ETTEHAD TEJARAT SHOKOH	HĐ 04-18/ Hapro VN Hàng café Robusta xuất khẩu đi Iran	115.200 USD	Tháng 1/2018
8	M/S ADNAN FATEMI TRADING CO. LLC	HĐ 288-17/ Hapro VN Hàng café Robusta xuất khẩu đi Dubai	38.688 USD	Tháng 1/2018
9	CETECOM S.A	HĐ: MC0792 Hàng điều xuất khẩu đi Hà Lan	160.650 USD	Tháng 1/2018
10	AMERICAN CASHEW	HĐ số: 8010320C Hàng điều xuất khẩu đi Mỹ	174.470 USD	Tháng 1/2018
11	WESTERN INDIA CASHEW	HĐ số : GB 366 Hàng điều xuất khẩu đi Ấn Độ	126.700 USD	Tháng 1/2018
12	HERITAGE GROWER	Mua điều nhân	378.000 USD	Tháng 1,2/2018
13	HERITAGE GROWER	Mua điều nhân	326.200 USD	Tháng 2/2018
14	EURL NEVAGA	Mua cơm dừa sấy	219.240 USD	Tháng 1/2018
15	EURL NEVAGA	Mua gạo	222.500 USD	Tháng 1/2018
16	AKO GMBH	Mua hạt tiêu	82.450 USD	Tháng 1/2018
17	Công ty CP Him Lam	Cung cấp hàng thực	Bình quân phát sinh	Từ 05/05/2015

STT	Đối tác	Nội dung hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
	Thủ Đô	phẩm cho các bếp ăn	600 triệu đồng/tháng	đến khi một trong hai bên có thông báo chấm dứt hợp đồng
18	Công ty TNHH Panasonic system networks Việt Nam	Bán hàng hóa	550.000.000 đồng	05/02/2018
19	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Hà Nội	Hợp đồng thuê tài sản	274.206.145.185 đồng	3/2/2059 (nếu sau thời gian 3/2/2059 tài sản còn đảm bảo chất lượng để khai thác, sử dụng thì bên thuê được tiếp tục sử dụng và khai thác diện tích thuê).
20	Công ty CP Đầu tư và xây dựng Hà Sơn	Hợp đồng thuê mặt bằng	38.215.689.600 đồng	31/01/2059
21	Công ty TNHH Nền tảng kinh doanh Việt	Hợp đồng thuê mặt bằng	25.000.871.000 đồng	31/01/2059
22	Ngân hàng TMCP các doanh nghiệp ngoài Quốc doanh Việt Nam	Hợp đồng thuê tòa nhà	1.863.000 USD	15/8/2034
23	Công ty CP Tập đoàn Vàng Bạc Đá Quý DOJI	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	134.000.000.000 đồng và 3 sàn tầng hầm B1, B3 và tầng 4	01/4/2058
24	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Nhà đất	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	12.000.000.000 đồng và 2.200 m2 sàn TM	04/02/2060
25	Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư dịch vụ thương mại Hồng Ngọc	Hợp đồng đặt cọc	15.000.000.000 đồng	
26	Công ty CP sản xuất cửa Hoa Kỳ	Hợp đồng thuê lại đất có hạ tầng	87.369 USD	31/12/2052
27	Công ty TNHH Khang Trang	Hợp đồng thuê lại đất có hạ tầng	111.384,5 USD	31/12/2052
28	Công ty CP Thực phẩm Việt Nam	Thuê mặt bằng công nghiệp	2.146.419.000 đồng	31/12/2053

STT	Đối tác	Nội dung hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
29	Công ty TNHH Dững Thủy	Hợp đồng thuê lại đất có hạ tầng	171.425,4 USD	31/12/2053
30	Công ty TNHH Xa lộ 4	Hợp đồng thuê lại đất có hạ tầng	85.113 USD	01/9/2053
31	Công ty CP sản xuất Gia súc – Gia cầm	Hợp đồng thuê lại đất có hạ tầng	523.576,4 USD	01/9/2055
32	Công ty CP Đầu tư HT Vina	Hợp đồng thuê lại đất có hạ tầng	133.309 USD	01/9/2055
33	Công ty CP Đầu tư HT Vina	Hợp đồng thuê lại đất có hạ tầng	146.578,2 USD	01/9/2055
34	Công ty TNHH Thương mại Ngọc Hoa	Hợp đồng thuê lại đất có hạ tầng	182.923 USD	01/9/2055
35	Công ty Cổ phần phát triển siêu thị Hà Nội	Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu Hapro mart (đã thực hiện xong)	2.023.000.000 đồng	26/01/2016

(Nguồn: Tổng Công ty Thương mại Hà Nội)

5.10. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước cổ phần hóa

Bảng 17: Một số chỉ tiêu tổng hợp của Hapro giai đoạn 2014 –2017 (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Tổng tài sản	Đồng	2.333.833.764.210	2.909.061.495.135	3.613.087.615.700	3.667.055.044.654
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	452.379.374.878	1.474.811.575.484	2.162.359.362.022	2.166.611.309.511
3	Nợ vay ngắn hạn <i>Trong đó, nợ quá hạn</i>	Đồng	1.438.641.287.753 0	1.186.395.242.445 0	1.228.258.816.753 0	1.318.018.586.756 0
4	Nợ vay dài hạn <i>Trong đó, nợ quá hạn</i>	Đồng	442.813.101.579 0	247.854.677.206 0	222.469.436.925 0	182.425.148.387 0
5	Nợ phải thu khó đòi	Đồng	114.596.000.000	114.596.000.000	93.903.988.328	101.366.649.060
6	Tổng số lao động	Người	844	833	762	595
7	Tổng quỹ lương thực hiện	Đồng	65.528.160.000	69.972.000.000	60.137.166.373	62.590.023.451
8	Thu nhập bình quân người/tháng	Đồng/người	6.470.000	7.000.000	6.576.680	8.766.109
9	Tổng doanh thu	Đồng	3.583.323.714.190	3.353.617.101.962	3.412.374.058.821	3.260.163.064.055
10	Tổng chi phí	Đồng	3.544.976.521.424	3.342.101.300.179	3.360.303.540.318	3.246.565.731.069
11	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	38.347.192.766	11.515.801.783	52.070.518.503	13.597.332.986
12	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	38.124.544.390	9.530.053.696	40.901.641.987	13.427.436.294
13	Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu	%	8,43%	0,65%	1,89%	0,62%

(Nguồn: BCTC năm 2014 điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước, BCTC năm 2015 điều chỉnh theo quyết toán thuế, BCTC kiểm toán 2016 điều chỉnh theo Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND TP Hà Nội về phê duyệt GTDN Công ty mẹ Tổng công ty và BCTC năm 2017 do Công ty mẹ Tổng công ty lập, chưa được kiểm toán độc lập và chưa được quyết toán thuế và cung cấp của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

Bảng 18: Một số chỉ tiêu tổng hợp của Hapro giai đoạn 2014 – 6T/2017 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	6T/2017
1	Tổng tài sản	Đồng	4.083.527.197.819	5.033.606.808.950	4.541.782.574.645	4.097.461.836.683
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	967.616.644.971	2.128.702.652.342	2.173.046.195.619	1.975.448.436.622
3	Nợ vay ngắn hạn <i>Trong đó, nợ quá hạn</i>	Đồng	2.307.024.062.812 0	2.161.637.844.987 0	1.777.391.082.439 0	1.774.839.355.942 0
4	Nợ vay dài hạn <i>Trong đó, nợ quá hạn</i>	Đồng	808.886.490.036 0	743.266.311.621 0	591.345.296.587 0	347.174.044.119 0
5	Nợ phải thu khó đòi	Đồng	376.656.617.426	384.922.930.655	324.441.314.113	97.368.670.273
6	Tổng số lao động	Người	3.369	3.174	1.684	1.505
7	Tổng quỹ lương thực hiện	Đồng	234.482.000.000	203.885.064.000	128.159.136.000	57.485.000.000
8	Thu nhập bq người/tháng	Đồng/người	5.799.990	5.353.000	6.342.000	6.366.002
9	Tổng doanh thu	Đồng	6.004.240.932.063	4.946.200.843.606	4.594.989.407.410	1.971.042.881.454
10	Tổng chi phí	Đồng	5.647.384.196.549	4.910.787.149.582	4.532.260.556.836	1.959.540.760.567
11	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	356.856.735.514	35.413.694.024	62.728.850.574	11.502.120.887
12	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	278.780.706.874	21.991.114.071	47.216.571.099	9.768.410.126
13	Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu	%	28,81%	1,03%	2,17%	0,49%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2014, 2015, 2016 và 6 tháng 2017 và cung cấp của Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

Bảng 19: Công nợ phải thu của Hapro giai đoạn 2014 – 2017 (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
I	Phải thu ngắn hạn	956.685.421.250	1.166.420.668.057	960.093.541.453	1.111.333.123.455
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	306.881.557.492	475.901.387.962	363.904.337.943	364.365.777.799
2	Trả trước cho người bán	356.710.843.580	426.312.651.256	368.245.733.529	515.833.301.562
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	148.072.506.659	168.866.809.159	150.666.309.159	165.166.309.159
4	Phải thu ngắn hạn khác	170.216.156.105	108.009.116.130	77.277.160.822	65.967.734.935
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn	(28.652.579.856)	(16.073.677.629)	-	-
6	Tài sản thiếu chờ xử lý	3.456.937.270	3.404.381.179	-	-
II	Các khoản phải thu dài hạn	5.090.411.322	8.390.015.433	17.862.834.339	13.959.215.075
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	3.893.311.168	3.791.359.833	16.429.609.191	12.392.052.744
2	Trả trước cho người bán dài hạn	-	3.500.000.000	-	-
3	Phải thu dài hạn khác	1.197.100.154	1.098.655.600	1.433.225.148	1.567.162.331
	Tổng cộng	961.775.832.572	1.174.810.683.490	977.956.375.792	1.125.292.338.530

(Nguồn: BCTC năm 2014 điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước, BCTC năm 2015 điều chỉnh theo quyết toán thuế, BCTC kiểm toán 2016 điều chỉnh theo Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND TP Hà Nội về phê duyệt GTDN Công ty mẹ Tổng công ty và BCTC năm 2017 do Công ty mẹ Tổng công ty lập, chưa được kiểm toán độc lập và chưa được quyết toán thuế và cung cấp của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

Bảng 20: Công nợ phải thu của Hapro giai đoạn 2014 – 6T/2017 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
I	Phải thu ngắn hạn	1.310.148.714.013	1.602.568.110.736	1.240.670.888.600	1.494.058.206.861
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	548.406.372.974	725.484.200.607	491.881.510.892	567.892.341.048
2	Trả trước cho người bán	451.514.023.454	583.785.316.684	471.520.296.197	655.215.060.830
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	155.607.090.135	168.866.809.159	168.766.309.159	165.766.309.159
4	Phải thu ngắn hạn khác	186.254.664.957	169.786.281.858	101.982.413.684	98.659.571.871
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn	(35.382.405.639)	(52.294.944.868)	(25.000.000)	(25.000.000)
6	Tài sản thiếu chờ xử lý	3.748.968.132	6.940.447.296	6.545.358.668	6.549.923.953
II	Các khoản phải thu dài hạn	298.018.705.436	293.269.890.302	310.194.574.040	20.341.936.298
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	235.450.011.113	232.327.917.975	247.809.671.435	16.938.183.135
2	Trả trước cho người bán dài hạn	7.239.761.994	10.663.672.118	3.254.470.807	90.000.000
3	Phải thu dài hạn khác	59.409.785.470	59.577.150.975	59.226.767.180	3.410.088.545
4	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(4.080.853.141)	(9.298.850.766)	(96.335.382)	(96.335.382)
	Tổng cộng	1.608.167.419.449	1.895.838.001.038	1.550.865.462.640	1.514.400.143.159

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2014, 2015, 2016 và 6 tháng 2017 của Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

Bảng 21: Công nợ phải trả của Hapro giai đoạn 2014 –2017 (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
I	Nợ phải trả ngắn hạn	1.438.641.287.753	1.186.395.242.445	1.228.258.816.753	1.318.018.586.756
1	Phải trả người bán ngắn hạn	76.128.716.909	73.885.170.194	83.443.955.485	69.317.191.687
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	23.589.231.290	17.944.353.526	10.094.277.185	8.210.375.851
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.893.143.634	2.625.749.876	75.640.300.192	757.373.290
4	Phải trả người lao động	8.586.245.868	7.503.530.076	6.784.538.397	10.295.182.523
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.241.804.411	1.902.143.044	4.786.779.515	3.808.563.343
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.526.381.197	2.179.976.664	4.150.993.407	6.025.168.073
7	Phải trả ngắn hạn khác	34.327.916.550	140.233.680.465	165.854.549.399	162.055.468.418
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.259.270.089.206	915.753.740.035	849.266.626.643	1.016.249.418.078
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	22.077.758.688	24.366.898.565	28.236.796.530	41.299.845.493
II	Nợ phải trả dài hạn	442.813.101.579	247.854.677.206	222.469.436.925	182.425.148.387
1	Người mua trả tiền trước dài hạn	80.595.449.988	79.522.949.988	79.522.949.988	79.527.161.362
2	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	67.149.780.591	72.902.455.128	115.857.585.786	91.004.558.725
3	Phải trả dài hạn khác	153.694.975.856	24.611.007.413	24.484.972.580	11.893.428.300
4	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	141.372.895.144	70.818.264.677	2.603.928.571	-
	Tổng cộng	1.881.454.389.332	1.434.249.919.651	1.450.728.253.678	1.500.443.735.143

(Nguồn: BCTC năm 2014 điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước, BCTC năm 2015 điều chỉnh theo quyết toán thuế, BCTC kiểm toán 2016 điều chỉnh theo Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND TP Hà Nội vv phê duyệt GTDN Công ty mẹ Tổng công ty và BCTC năm 2017 do Công ty mẹ Tổng công ty lập, chưa được kiểm toán độc lập và chưa được quyết toán thuế và cung cấp của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

Bảng 22: Công nợ phải trả của Hapro giai đoạn 2014 – 6T/2017 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
I	Nợ phải trả ngắn hạn	2.307.024.062.812	2.161.637.844.987	1.777.391.082.439	1.774.839.355.942
1	Phải trả người bán ngắn hạn	218.276.425.770	177.977.018.840	190.169.825.586	200.787.244.345
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	32.095.156.384	43.966.153.916	19.921.394.906	11.918.506.682
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	96.354.081.278	76.364.104.054	55.232.360.567	6.640.781.740
4	Phải trả người lao động	28.655.957.164	27.896.598.717	13.649.200.572	7.774.787.286
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	53.035.883.099	60.851.692.039	67.861.888.215	7.764.985.857
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17.922.491.877	25.494.571.257	12.234.186.268	6.523.075.457
7	Phải trả ngắn hạn khác	177.677.145.801	488.384.522.144	295.903.037.625	212.426.373.377
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.605.172.799.385	1.202.791.178.089	1.084.781.843.081	1.283.886.038.232
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	77.834.122.054	57.912.005.931	37.637.345.619	37.117.562.966
II	Nợ phải trả dài hạn	808.886.490.036	743.266.311.621	591.345.296.587	347.174.044.119
1	Phải trả người bán dài hạn	26.539.019.007	4.690.451.899	4.526.433.306	3.853.697.306
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	80.595.449.988	79.522.949.988	79.522.949.988	79.522.949.988
3	Chi phí phải trả dài hạn	39.873.000	39.873.000	-	-
4	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	203.922.354.465	220.880.243.800	202.045.529.589	115.845.337.935
5	Phải trả dài hạn khác	240.719.560.877	227.467.135.702	142.430.340.489	130.909.197.364
6	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	257.070.232.699	210.665.657.232	162.820.043.215	17.042.861.526
	Tổng cộng	3.115.910.552.848	2.904.904.156.608	2.368.736.379.026	2.122.013.400.061

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2014, 2015, 2016 và 6 tháng 2017 của Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

❖ *Một số chỉ tiêu tài chính***Bảng 23: Một số chỉ tiêu tài chính của Hapro giai đoạn 2014 – 2017 (Công ty mẹ)**

Chỉ tiêu	ĐV	2014	2015	2016	2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
– Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,87	1,27	1,35	1,27
– Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,80	1,22	1,29	1,22
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
– Nợ/Tổng tài sản	%	0,81	0,49	0,40	0,41
– Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	4,16	0,97	0,67	0,69
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
– Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	12,36	36,13	45,75	40,29
– Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,35	1,23	0,96	0,87
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
– Tỷ suất sinh lời trên doanh thu	%	1,12%	0,30%	1,31%	0,42%
– Tỷ suất sinh lời trên VCSH bình quân	%	8,54%	0,99%	2,25%	0,62%
– Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân	%	1,52%	0,36%	1,25%	0,37%

(Nguồn: Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội và tính toán của tổ chức tư vấn)

Bảng 24: Một số chỉ tiêu tài chính của Hapro giai đoạn 2014 – 6T/2017 (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	ĐV	2014	2015	2016	6T/2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
– Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,92	1,18	1,24	1,27
– Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,78	1,06	1,14	1,15
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
– Nợ/Tổng tài sản	%	0,76	0,58	0,52	0,52
– Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	3,22	1,36	1,09	1,07
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
– Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,89	14,81	18,58	9,09
– Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,28	1,03	0,89	0,45

Chỉ tiêu	ĐV	2014	2015	2016	6T/2017
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
- Tỷ suất sinh lời trên doanh thu	%	4,84%	0,47%	1,11%	0,51%
- Tỷ suất sinh lời trên VCSH bình quân	%	30,72%	1,42%	2,20%	0,47%
- Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân	%	6,20%	0,48%	0,99%	0,23%

(Nguồn: Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội và tính toán của tổ chức tư vấn)

5.11. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

❖ Thuận lợi

- Được sự quan tâm, chỉ đạo về mọi mặt của Thành ủy, UBND Thành phố Hà Nội, sự ủng hộ, tạo điều kiện giúp đỡ của các Sở, Ban, Ngành Thành phố trong việc định hướng hoạt động, tạo những thuận lợi về cơ chế chính sách, nhân lực, vốn, mạng lưới kinh doanh; Được thừa hưởng lợi thế về vị thế Tổng công ty là một đơn vị kinh tế lớn của Thủ đô, Thủ đô Hà Nội đang phát triển tạo thuận lợi cho các hoạt động kinh tế nói chung và của Tổng công ty Thương mại Hà Nội nói riêng.

- Hoạt động của Tổng công ty theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty con đã khẳng định tính ưu việt và sức sống của mô hình, trong đó Công ty Mẹ - TCT đã thể hiện được vai trò chỉ đạo, định hướng, dẫn dắt hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty và các Công ty thành viên trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa lợi ích của Tổng công ty và của từng Công ty, đơn vị, tạo lợi thế quy mô của Tổng công ty.

- Hội nhập kinh tế Quốc tế sẽ tạo ra cơ hội mới cho các doanh nghiệp tham gia phát triển mở rộng thị trường quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực xuất nhập khẩu có cơ hội tham gia xuất khẩu các sản phẩm có lợi thế so sánh.

- Thị trường XNK của Tổng công ty ngày càng ổn định vững chắc, đặc biệt là mặt hàng nông sản chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu mặt hàng XK của Tổng công ty, đây là mặt hàng chịu ít tác động của cuộc khủng hoảng tài chính. Một số mặt hàng xuất khẩu của TCT đã có vị trí trong danh sách mặt hàng có kim ngạch lớn của cả nước.

- Chỉ thị của Bộ chính trị về cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" tạo ra cơ hội thực hiện các giải pháp cải tiến trong kinh doanh đồng thời nâng cao vị thế thương hiệu Hapro của Tổng công ty và các thương hiệu nhánh, thương hiệu của một số Công ty thành viên như Hafasco; Thủy Tạ; Hapromart, Haprofood, Hapro Bốn Mùa; Vang Thăng Long, Thực Phẩm Hà Nội, ... Vị thế, thương hiệu, hình ảnh Tổng công ty và của một số Công ty thành viên đã được khẳng định và tạo niềm tin đối với người tiêu dùng Thủ đô nói riêng và cả nước nói chung.

❖ Khó khăn

- Mặc dù khu vực Quốc tế, xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển tiếp tục gia tăng, nhưng luôn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định như: tranh chấp về biên giới, lãnh thổ,

biển đảo; những bất ổn về kinh tế, chính trị, xã hội ở một số nước...ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh tế, thương mại và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Các doanh nghiệp thành viên của TCT có quy mô nhỏ nên phần lớn vốn cho SXKD phải đi vay, chi phí lãi suất ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả SXKD của đơn vị.
- Điều kiện cơ sở vật chất, nguồn vốn chưa đủ mạnh; thiếu hạ tầng thương mại tập trung theo quy mô, hệ thống mạng lưới kinh doanh nhỏ lẻ, manh mún, phức tạp do lịch sử để lại.
- Các thị trường xuất khẩu truyền thống và chủ lực của TCT như EU, Mỹ, Đông Âu, Đông Nam Á, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc,...chịu ảnh hưởng nặng nề của suy thoái kinh tế; Hàng hoá của Việt Nam phải cạnh tranh quyết liệt hơn với hàng hoá cùng chủng loại của các nước Châu Á; Tác động của cuộc khủng hoảng tài chính kéo theo rủi ro rất lớn về thanh toán tiền hàng XK...; Quy mô nhỏ lẻ, cơ sở vật chất kỹ thuật chưa hiện đại của các đơn vị sản xuất, chế biến hàng nông sản, thủ công mỹ nghệ XK dẫn đến việc dễ xảy ra tình trạng thiếu nguồn hàng, khó có khả năng đáp ứng đơn hàng lớn.
- Tình trạng sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng gian lận thương mại có chiều hướng gia tăng và diễn ra ngày càng tinh vi đã gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị sản xuất có uy tín, có trách nhiệm với người tiêu dùng; đồng thời những hành vi gian lận đó còn trực tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi của người tiêu dùng, làm mất lòng tin của người tiêu dùng đối với các sản phẩm, doanh nghiệp sản xuất trong nước.
- Thị trường nội địa diễn ra sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Sự tham gia hoạt động của các Tập đoàn bán lẻ nước ngoài tại thị trường Việt Nam ngày càng tạo ra sức ép, cạnh tranh cao đối với các doanh nghiệp trong nước, trong đó có Tổng công ty Thương mại Hà Nội.

5.12. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ *Vị thế của Công ty trong ngành*

Tổng công ty Thương mại Hà Nội (Hapro) là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội, hoạt động trong lĩnh vực chính là kinh doanh xuất nhập khẩu, thương mại nội địa và đầu tư phát triển hạ tầng thương mại. Trải qua hơn 13 năm xây dựng và phát triển, Tổng công ty đã có những bước phát triển đáng ghi nhận. Các chỉ tiêu kinh tế hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch đề ra;

Trong công tác xuất nhập khẩu: nhiều năm liền, Tổng công ty luôn đạt vị trí là một trong những đơn vị dẫn đầu cả nước về xuất khẩu một số mặt hàng TCMN, nông sản, thực phẩm. Thị trường xuất khẩu của Tổng công ty được duy trì và mở rộng tới trên 70 nước và khu vực trên thế giới.

Trong lĩnh vực kinh doanh thương mại nội địa, TCT đã tập trung phát triển hệ thống Siêu thị, CHTI mang thương hiệu HaproMart, hệ thống thực phẩm an toàn HaproFood, hệ thống cửa hàng chuyên doanh các loại mang thương hiệu con, thương hiệu nhánh khác nhau. Bên cạnh đó, TCT đã tham gia tích cực các Chương trình kích cầu tại khu vực ngoại thành Hà Nội, chương trình dự trữ hàng hóa phục vụ công tác cứu trợ và đảm bảo ổn định đời sống

nhân dân Hà Nội mùa mưa bão và thực hiện tốt nhiệm vụ đỡ đần hàng hóa phục vụ nhân dân trong các dịp Lễ, tết, góp phần thực hiện bình ổn thị trường và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn Thành phố, được người tiêu dùng Thủ đô và cả nước tin tưởng.

❖ ***Triển vọng phát triển ngành***

Thị trường bán lẻ Việt Nam được đánh giá là một trong những thị trường bán lẻ năng động và có tốc độ phát triển hàng năm khá cao trong khu vực.

Với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế cùng quy mô dân số trên 90 triệu người, mức thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng (đạt mốc 1.890 USD năm 2015), dân số đang trong độ cơ cấu dân số vàng (trong đó có tới 60% là tiêu dùng trẻ), tốc độ đô thị hóa nhanh, Việt Nam vẫn sẽ là môi trường phát triển của thị trường bán lẻ và tiếp tục có sự tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, tiến trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng hiện nay cũng sẽ là yếu tố quan trọng và có vai trò lớn trong việc tạo môi trường thuận lợi và phát triển cho thị trường bán lẻ.

Sự sôi động của thị trường bán lẻ Việt Nam biểu hiện rõ nét với sự xuất hiện ngày càng nhiều các nhà bán lẻ trong và ngoài nước. Năm 2005, theo thống kê của Bộ Công thương, cả nước mới có khoảng 200 siêu thị, 30 trung tâm thương mại và gần 1.000 cửa hàng tiện ích hoạt động tại 30/64 tỉnh thành thì đến nay, sau hơn 10 năm mở cửa theo cam kết gia nhập WTO, thị trường bán lẻ Việt Nam đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ với hơn 700 siêu thị, 130 trung tâm thương mại và hàng nghìn cửa hàng tiện ích. Theo quy hoạch cả nước đến năm 2020 sẽ có khoảng 1.200 - 1.500 siêu thị, 180 trung tâm thương mại, 157 trung tâm mua sắm. Dự báo, giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng trưởng thương mại bán lẻ sẽ đạt 11,9%, quy mô thị trường khoảng 179 tỷ USD vào năm 2020, trong đó bán lẻ hiện đại sẽ chiếm trên 45%.

Như vậy có thể thấy với điều kiện dân số và dự báo sự sôi động của thị trường thương mại Việt Nam hiện nay cho thấy triển vọng phát triển ngành hàng mà Tổng công ty Thương mại Hà Nội đang kinh doanh trong tương lai rất lớn.

❖ ***Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới***

Với việc tiếp tục phát huy thế mạnh của mình trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu và thương mại nội địa theo hướng văn minh, hiện đại làm hoạt động cốt lõi sau khi cổ phần hoá, định hướng phát triển của Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

6. **Các tranh chấp pháp lý và các vấn đề cần xử lý khác liên quan đến các địa điểm mạng lưới có tồn tại vướng mắc, tranh chấp và liên quan đến tồn tại tài chính, công nợ chưa được xử lý đến thời điểm Tổng công ty Thương mại Hà Nội-Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu, Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa và xử lý:**

– Các tranh chấp, tồn tại, vướng mắc về tài chính được trình bày tại mục 3. *Tồn tại tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 30/6/2016 và biến động đến thời điểm* Tổng công ty Thương mại Hà Nội-Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu .

– Các vấn đề vướng mắc, tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến các cơ sở nhà, đất được trình bày chi tiết tại phụ lục 04, 05, 06 đính kèm bản Công bố thông tin.

V. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

– Cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội nhằm đổi mới hình thức sở hữu để hình thành công ty đa sở hữu, tạo điều kiện đổi mới trong quản lý doanh nghiệp, làm cho doanh nghiệp tự chủ hơn, năng động hơn và trách nhiệm hơn, phù hợp với cơ chế thị trường và tiến trình hội nhập thương mại quốc tế.

– Nhằm huy động và thu hút vốn đầu tư của các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội. Qua đó, tạo nguồn lực để phát triển Tổng công ty, đổi mới công nghệ và phương thức quản lý, nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp.

– Tạo điều kiện cho người lao động và các cổ đông góp vốn tham gia giám sát, quản lý Tổng công ty, gắn bó và góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước tại Tổng công ty, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

– Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường, gắn hoạt động sản xuất kinh doanh và sự phát triển của Tổng công ty với thị trường vốn và chứng khoán.

2. Hình thức cổ phần hóa

Theo quyết định số 1925/QĐ-TTg ngày 30/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ, hình thức cổ phần hóa của Tổng công ty là: **kết hợp hình thức bán toàn bộ phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp vừa phát hành thêm để tăng vốn điều lệ.**

3. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

3.1. Thông tin chung

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN
Tên bằng tiếng nước ngoài:	HANOI TRADE JOINT STOCK CORPORATION
Tên viết tắt:	HAPRO
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 38 - 40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn

Kiểm, Thành phố Hà Nội.

Trụ sở giao dịch: Số 11B phố Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 38267984

Fax: (84-24) 39288407

Email: hapro@haprogroup.vn

Website: www.haprogroup.vn

Logo:



3.2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty cổ phần

Tổng công ty Thương mại Hà Nội sau cổ phần hóa có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; có con dấu riêng; được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật; tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan. Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Thương mại Hà Nội trước khi chuyển đổi; được tiếp tục kinh doanh các ngành, nghề hiện Tổng công ty Thương mại Hà Nội đang thực hiện và các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3.3. Ngành nghề kinh doanh

Bảng 25: Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm;	4632
2	Bán buôn đồ uống;	4633
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
4	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
5	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;	4719
6	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;	4641
7	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;	4721
8	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4722

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
9	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;	4723
10	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;	4759
11	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4761
12	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;	4751
13	Bán buôn gạo	4631
14	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);	5621
15	Dịch vụ phục vụ đồ uống;	5630
16	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;	4771
17	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
18	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa	5210
19	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;	8230
20	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
21	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <u>Chi tiết:</u> - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dụng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	4659
22	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <u>Chi tiết:</u> - Khách sạn; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;	5510
23	Nghiên cứu thị trường và thăm do dư luận	7320
24	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
25	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
26	Chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
27	Chế biến và bảo quản rau quả	1030

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
28	Sản xuất mỹ ống, mỹ sợi và sản phẩm tương tự;	1074
29	Sản xuất bao bì bằng gỗ;	1623
30	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;	1080
31	Sản xuất giày dép;	1520
32	Sản xuất đường;	1072
33	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;	5022
34	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;	5222
35	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Trừ dịch vụ thiết kế công trình);	7410
36	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản	6420
37	Dịch vụ đóng gói;	8292
38	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
39	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo;	1073
40	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
41	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;	5221
42	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
43	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
44	Sản xuất rượu vang;	1102
45	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
46	Sản xuất các loại bánh từ bột;	1071
47	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;	1075
48	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
	Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh hàng miễn thuế - Bán lẻ hoa, cây cảnh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt (trừ dịch vụ kính thuốc) - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh	

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
	- Bán lẻ xe đạp và phụ tùng	
49	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
	<u>Chi tiết:</u> - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh;	
50	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, thuốc Lào	4634
51	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;	4652
52	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651
53	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;	4741
54	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752
55	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;	4763
56	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy và bì	1702
57	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
58	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
59	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ các loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
60	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác tận thu khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);	0899
61	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
62	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
63	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
64	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: - Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng;	4774

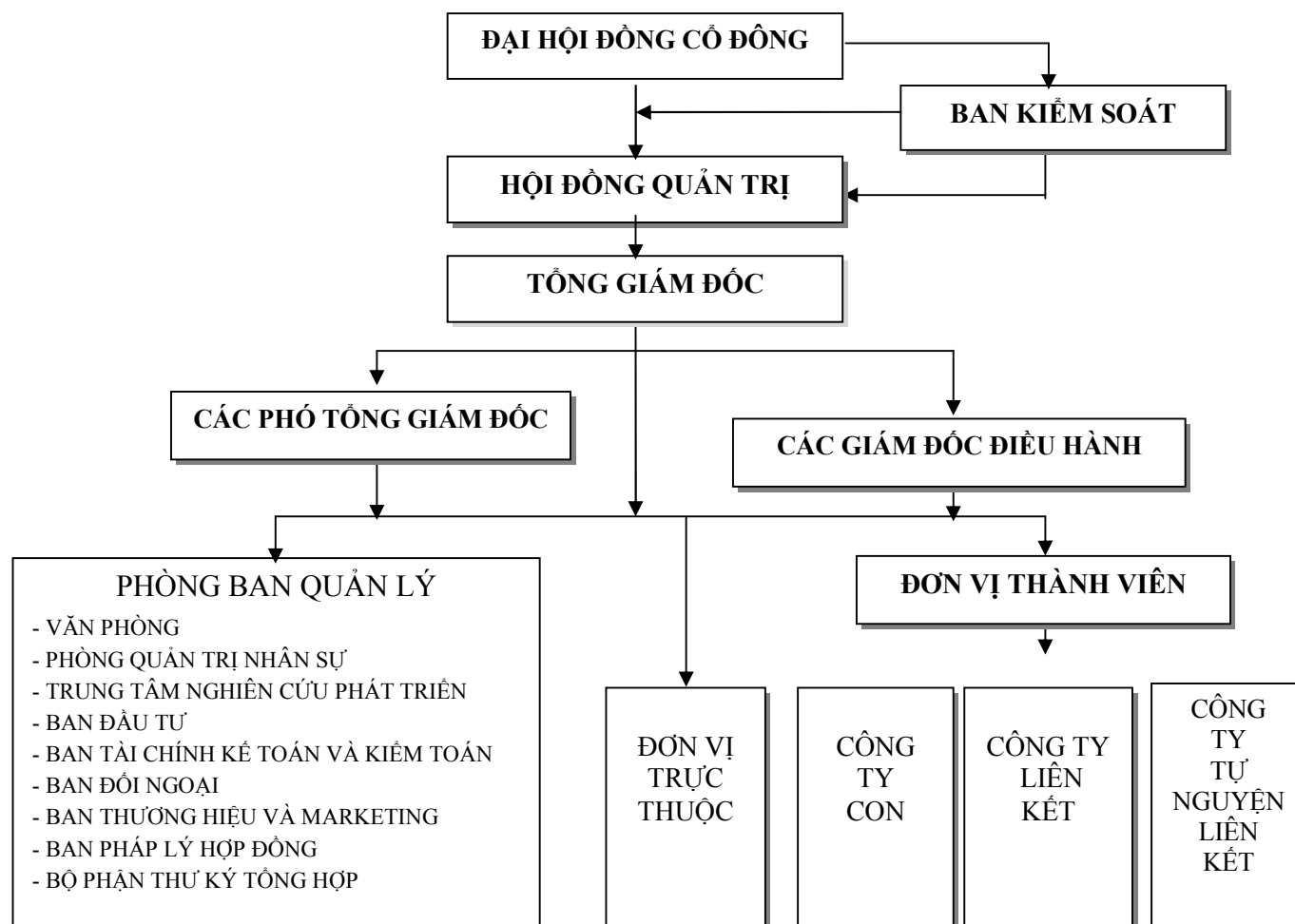
STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
	- Bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng (không bao gồm di vật, cổ vật, bảo vật Quốc gia)	
65	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	4753
66	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)	4764
	Các ngành nghề kinh doanh có điều kiện khác (<i>Tổng công ty đã có giấy phép kinh doanh do các cơ quan có thẩm quyền cấp</i>) <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh xuất khẩu gạo; - Phân phối, bán buôn một số sản phẩm rượu và bán lẻ rượu tại một số địa điểm, cửa hàng; - Kinh doanh hàng miễn thuế 	

(Nguồn: Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

3.4. Cơ cấu tổ chức

Sau khi thực hiện cổ phần hóa, Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP sẽ có cơ cấu tổ chức hoạt động theo mô hình Tổng công ty cổ phần gồm có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành, các phòng chức năng, các đơn vị phụ thuộc và các doanh nghiệp thành viên (bao gồm các công ty con, công ty thành viên). Sơ đồ tổ chức Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP như sau:

Sơ đồ 2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần



(Nguồn: Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.

❖ **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị của Tổng công ty gồm 05 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra.

❖ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty từ 3 - 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

❖ **Ban Điều hành**

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng công ty có các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc điều hành.

Số lượng thành viên Ban Điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

❖ **Các phòng chức năng**

- ***Trung tâm Nghiên cứu phát triển:***

+ Nghiên cứu, tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn (bao gồm chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, phát triển hệ thống kinh doanh nội địa và phát triển doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty) các kế hoạch trung hạn và ngắn hạn để thực hiện chiến lược đó;

+ Xây dựng, triển khai, theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thống kê kế hoạch, đánh giá phân tích kết quả thực hiện được, báo cáo tổng hợp liên quan, đề xuất các giải pháp khả thi nhằm đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch;

+ Nghiên cứu, đề xuất áp dụng và theo dõi việc thực hiện các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO, HACCP,...) cho Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc; chịu trách nhiệm duy trì thường xuyên các hoạt động giám sát, đánh giá, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng trong Tổng công ty.

- ***Ban Tài chính kế toán và kiểm toán:***

+ ***Phòng Kế toán và kiểm toán nội bộ***

- Xây dựng và trình lãnh đạo Tổng công ty ban hành các văn bản, Quy chế tài chính hướng dẫn, cụ thể hoá các chế độ hạch toán kế toán áp dụng tại Công ty Mẹ và toàn Tổng công ty.

- Thực hiện công tác hạch toán kế toán Khối văn phòng Công ty Mẹ - Tổng công ty đúng chính sách chế độ.
- Hướng dẫn, giám sát các đơn vị trực thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty, Công ty thành viên trong việc thực hiện công tác quản lý tài chính và hạch toán theo chế độ.
- Thực hiện báo cáo hợp cộng của Công ty Mẹ - Tổng công ty và hợp nhất của Tổng công ty.
- Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ đối với đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty.
- Thẩm định quyết toán dự án hoàn thành.
- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty các chính sách, giải pháp xử lý, thu hồi công nợ, các biện pháp hạn chế phát sinh công nợ, đặc biệt là nợ xấu.
- Trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thu hồi công nợ.

+ Phòng Kinh doanh tài chính

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty những vấn đề liên quan đến tài chính và đầu tư tài chính; quản lý, sử dụng và phát triển vốn.
- Xây dựng chiến lược vốn và các kế hoạch huy động, đầu tư và sử dụng vốn nhằm đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu vốn cho sự phát triển của Tổng công ty.
- Quản lý, theo dõi việc sử dụng vốn trong các doanh nghiệp Tổng công ty đã đầu tư hoặc góp vốn.
- Thực hiện nhiệm vụ của công tác đổi mới và phát triển doanh nghiệp.

- Phòng Quản trị nhân sự:

+ Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng công ty gồm các Phòng, Ban, bộ phận, đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho các Phòng, Ban, bộ phận đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các Phòng, Ban, bộ phận, đơn vị trực thuộc Tổng công ty;

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho Công ty mẹ và các Công ty thành viên trong từng giai đoạn phát triển;

+ Xây dựng định biên lao động cho từng Phòng, Ban, bộ phận trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng bản mô tả công việc cho từng vị trí nhân sự trong bộ máy các Phòng, Ban quản lý của Tổng công ty;

+ Xây dựng các quy trình tuyển dụng lao động, đánh giá nhân lực, kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm phát triển nguồn nhân lực một cách tốt nhất.

+ Xây dựng cơ chế tiền lương, các chính sách đãi ngộ, các chế độ khác làm cơ sở cho việc phát triển nguồn nhân lực của Công ty mẹ và toàn Tổng công ty.

- Ban Đối ngoại

Nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển các mối quan hệ đối ngoại phục vụ yêu cầu phát triển của Tổng công ty và chiến lược quản trị các mối quan hệ đối ngoại đó;

+ Xây dựng, tổ chức và triển khai thực hiện các chương trình kế hoạch xúc tiến thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cho từng thời kỳ, từng khối, từng đơn vị;

+ Thiết lập, duy trì, phát triển và khai thác có hiệu quả các mối quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; xây dựng và đề xuất các chính sách mới đối với các mối quan hệ đối ngoại.

- Ban Thương hiệu - Marketing:

+ Tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty chiến lược phát triển thương hiệu, xây dựng kế hoạch trung và dài hạn cho công tác quảng bá hình ảnh của Tổng công ty ở thị trường trong nước và ngoài nước theo các chuẩn mực và trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và những quốc gia khác mà thương hiệu của Tổng công ty đăng ký bảo hộ.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông phục vụ mục tiêu phát triển thương hiệu, phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Ban Pháp lý hợp đồng:

+ Nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật của Việt Nam liên quan tới mọi lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty để tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong việc định hướng phát triển và quản lý điều hành các hoạt động của Tổng công ty.

+ Thường trực tiếp nhận và xử lý các tranh chấp, khiếu nại về hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự, các tranh chấp liên quan tới Tổng công ty tại tòa án; Phối hợp với các Phòng, Ban xây dựng các quy chế, quy định, các văn bản pháp lý của Tổng công ty trên cơ sở các văn bản pháp luật hiện hành và phù hợp với đặc điểm hoạt động của Tổng công ty.

- Bộ phận Thư ký tổng hợp:

+ Là đầu mối tiếp nhận thông tin của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban lãnh đạo Tổng công ty.

+ Chuẩn bị kế hoạch, chương trình làm việc và sắp xếp lịch làm việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tổng công ty.

+ Thực hiện nhiệm vụ thư ký của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

+ Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty đối với các đồng chí lãnh đạo, các Phòng, Ban quản lý Tổng công ty, các Công ty thành viên và đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty giải quyết một số công việc theo ủy quyền.

- Văn phòng:

+ *Phòng Đảng - Đoàn thể:* Trên cơ sở tổ chức lại và đổi tên Phòng Đoàn thể

- Triển khai các mặt công tác của Đảng ủy Tổng công ty (bao gồm các công tác của Văn phòng Đảng ủy, Ban Tổ chức Đảng ủy Tổng công ty và Ban Tuyên giáo Đảng ủy TCT).

- Công tác Đoàn thể: Công đoàn Công ty mẹ, Đoàn thanh niên Tổng công ty.

+ *Phòng Tổng hợp:*

- Công tác thi đua khen thưởng (triển khai định kỳ theo quy định của Nhà nước và Thành phố); công tác Bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ; Tổ chức các ngày Lễ, Tết, kỷ niệm cho CBNV của Tổng công ty; Hợp mặt hưu trí hàng năm, ngày thương binh liệt sỹ, thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, chia tay cán bộ về hưu,....
- Chuẩn bị thủ tục, hồ sơ (Hộ chiếu, Visa...) cho các đoàn công tác của Tổng công ty đi công tác nước ngoài.
- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, tổng hợp.

+ Phòng Hành chính phục vụ:

- Thực hiện các nhiệm vụ lễ tân, bảo vệ cơ quan, lái xe và quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật của trụ sở Tổng công ty.
- Thực hiện công tác an ninh Quốc phòng, dân quân tự vệ, phòng cháy chữa cháy,... của Tổng công ty và khu vực văn phòng Tổng công ty.

- Ban Đầu tư:

+ Phòng quản lý và phát triển mạng lưới:

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác phân tích tài chính, đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư; Đề xuất và triển khai phương án khai thác, kinh doanh các dự án của Công ty mẹ - Tổng công ty và một số công trình chủ chốt, các dự án khác do Tổng công ty giao.
- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác quản lý, khai thác sử dụng mạng lưới, địa điểm của Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả, đáp ứng định hướng, chiến lược phát triển thị trường của Tổng công ty.
- Tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác và phát triển hệ thống mạng lưới địa điểm của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ các tiêu chí: đúng mục đích sử dụng, phù hợp quy hoạch, khai thác và sử dụng có hiệu quả nhất.
- Hoàn thiện thủ tục pháp lý và quản lý các hồ sơ pháp lý về nhà đất của Công ty mẹ - Tổng công ty, giải quyết các tồn tại về quản lý sử dụng mạng lưới: Tranh chấp, khiếu kiện, sử dụng sai mục đích,... và hỗ trợ các Công ty thành viên khi có yêu cầu.
- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác đầu tư, kinh doanh và quản lý bất động sản của Công ty mẹ - Tổng công ty được Tổng công ty giao; Nghiên cứu thị trường, đề xuất phương án khai thác và tìm kiếm cơ hội kinh doanh bất động sản.

+ Phòng Quản lý dự án:

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn thực hiện dự án của Công ty mẹ - Tổng công ty và của các Công ty thành viên Tổng công ty.

- Quản lý và triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty mẹ - Tổng công ty trong giai đoạn thực hiện dự án, đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành.
- Tư vấn, hỗ trợ các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty, các Công ty thành viên Tổng công ty trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn thực hiện dự án.

+ *Phòng Chuẩn bị đầu tư*

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác đề xuất ý tưởng hình thành các dự án; khảo sát, tìm kiếm địa điểm và triển khai công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án phát triển hạ tầng thương mại của Công ty mẹ - Tổng công ty và của các Công ty thành viên Tổng công ty.
- Quản lý và triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty mẹ - Tổng công ty trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành.
- Tư vấn, hỗ trợ các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty, các Công ty thành viên Tổng công ty trong công tác chuẩn bị đầu tư theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành.

❖ **Đơn vị hạch toán trực thuộc:**

- ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại TP Hồ Chí Minh:***

+ Trực tiếp tổ chức các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và dịch vụ xuất nhập khẩu tổng hợp các mặt hàng nông, lâm, hải sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, khoáng sản, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, hàng hóa, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ kiện đa ngành phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu tại khu vực phía nam theo ủy quyền của Tổng công ty.

+ Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty.

- ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Trung tâm xuất nhập khẩu phía Bắc:***

+ Trực tiếp tổ chức các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và dịch vụ xuất nhập khẩu tổng hợp các mặt hàng nông, lâm, hải sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, khoáng sản, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, hàng hóa, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ kiện đa ngành phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu tại khu vực phía Bắc theo ủy quyền của Tổng công ty.

+ Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty.

- ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Trung tâm chế biến hàng xuất khẩu:***

+ Khai thác cơ sở vật chất hiện có, liên kết với các tổ chức sản xuất các loại hàng hóa phục vụ cho hoạt động của Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Trung tâm xuất nhập khẩu phía Bắc;

+ Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của Chi nhánh chế biến hàng xuất khẩu; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty.

- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại tỉnh Đồng Tháp:

+ Nghiên cứu và tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty về định hướng thu mua, sản xuất, chế biến và dự trữ hàng hóa để tạo nguồn hàng ổn định phục vụ công tác xuất khẩu và tiêu thụ nội địa của Tổng công ty;

+ Tổ chức khai thác, thu mua, sản xuất, chế biến và cung ứng hàng hóa đặc trưng của vùng, miền, địa phương phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;

+ Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của Kho hàng; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty.

- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại tỉnh Hưng Yên:

+ Nghiên cứu và tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong việc hoạch định chiến lược, chính sách liên quan tới phát triển kinh doanh kho hàng và dịch vụ giao nhận vận tải (Logistic);

+ Tổ chức kinh doanh dịch vụ kho hàng;

+ Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty.

- Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình:

+ Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại chợ; Các quy định việc sử dụng, thuê, thời hạn và các biện pháp quản lý điểm kinh doanh tại chợ; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý; kế hoạch duy trì, bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật chợ;

+ Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của chợ, tổ chức thực hiện nội quy chợ và xử lý các vi phạm nội quy chợ;

+ Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của chợ; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và Tổng công ty.

- Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối Bắc Thăng Long:

+ Nghiên cứu và tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty phương thức kinh doanh có hiệu quả chợ đầu mối, các giải pháp tổ chức kinh doanh và quản lý chợ;

+ Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại Chợ; các quy định đối với người thuê địa điểm kinh doanh tại chợ; các biện pháp quản lý điểm kinh doanh; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý, kế hoạch duy trì bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Chợ;

+ Tổ chức quản lý, điều hành mọi hoạt động của Chợ, tổ chức thực hiện nội quy Chợ và xử lý các vi phạm nội quy chợ;

+ Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty.

- Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối phía Nam:

+ Nghiên cứu và tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty phương thức kinh doanh có hiệu quả chợ đầu mối, các giải pháp tổ chức kinh doanh và quản lý chợ;

+ Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại Chợ; các quy định đối với người thuê địa điểm kinh doanh tại chợ; các biện pháp quản lý điểm kinh doanh; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý, kế hoạch duy trì bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Chợ;

+ Tổ chức quản lý, điều hành mọi hoạt động của Chợ, tổ chức thực hiện nội quy Chợ và xử lý các vi phạm nội quy chợ;

+ Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty.

- Công ty Siêu thị Hà Nội:

+ Công ty Siêu thị Hà Nội là đơn vị sản xuất kinh doanh hạch toán phụ thuộc, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng;

+ Công ty được tổ chức các hoạt động kinh doanh Thương mại và dịch vụ Siêu thị, xây dựng hệ thống mạng lưới Siêu thị theo quy hoạch và chiến lược phát triển của Tổng công ty Thương mại Hà Nội nhằm thực hiện tốt chỉ tiêu kế hoạch được giao, đảm bảo hiệu quả;

+ Căn cứ định hướng và chiến lược phát triển của Tổng công ty Thương mại Hà Nội, Công ty xây dựng phương án về công tác tổ chức cán bộ, tài chính kế toán, phương án sản xuất kinh doanh trình Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội phê duyệt;

+ Công ty Siêu thị Hà Nội chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội. Thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật và cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan.

- Trung tâm Kinh doanh hàng Miễn Thuế:

+ Chuyên kinh doanh nhập khẩu và mua hàng sản xuất trong nước để bán miễn thuế phục vụ các đối tượng được hưởng các ưu đãi về thuế: Khách xuất cảnh, khách nhập cảnh, chuyên gia ODA, chuyên gia Việt kiều làm việc tại Việt Nam theo lời mời của Nhà nước Việt Nam được quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế theo văn bản của Bộ Thương mại;

+ Chuyên kinh doanh hàng nhập khẩu và mua hàng sản xuất trong nước để bán miễn thuế phục vụ các đối tượng ngoại giao được quy định tại Nghị định 73/CP ngày 30/7/1994 của Chính phủ và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế;

+ Kinh doanh hàng mậu dịch phục vụ mọi đối tượng theo văn bản của Tổng cục Hải quan.

+ Xây dựng kế hoạch kinh doanh và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Tổng công ty giao. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước về hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

- Ban Quản lý Khu công nghiệp thực phẩm Hapro:

+ Quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư tại Cụm công nghiệp theo các tài liệu được Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội phê duyệt cho các doanh nghiệp;

- + Giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc thực hiện các hợp đồng thuê đất có hạ tầng đối với các doanh nghiệp đầu tư, hoạt động tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro;
- + Quản lý hồ sơ tài liệu có liên quan đến Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro.

❖ **Các doanh nghiệp thành viên:** Sau cổ phần hóa, Tổng công ty tiếp tục giữ nguyên vốn góp tại 10 công ty con (có vốn góp của Công ty mẹ - Tổng công ty trên 50% vốn Điều lệ), 20 Công ty thành viên liên kết (có vốn góp của Công ty mẹ - Tổng công ty dưới 50% vốn điều lệ) và có đầu tư góp vốn tại 11 công ty khác.

3.5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần

❖ Vốn điều lệ Công ty cổ phần

Theo quyết định số 1925/QĐ-TTg ngày 30/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ, vốn điều lệ sau cổ phần hóa của Tổng công ty như sau:

- Vốn điều lệ: 2.200.000.000.000 đồng (*Hai nghìn hai trăm tỷ đồng*).
- Số lượng cổ phần: 220.000.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

❖ Cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần

Cơ cấu vốn điều lệ chi tiết theo bảng sau:

Bảng 26: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến của Công ty cổ phần

STT	Cổ đông	Số lượng CP	Giá trị tính theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ
I	Nhà nước	-	-	-
II	Bán ra bên ngoài	220.000.000	2.200.000.000.000	100,00%
1	Người lao động trong Công ty	1.074.000	10.740.000.000	0,49%
-	<i>Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực nhà nước</i>	791.200	7.912.000.000	0,36%
-	<i>Mua ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP (200 CP/1năm)</i>	282.800	2.828.000.000	0,13%
2	Công đoàn	-	-	-
3	Nhà đầu tư chiến lược	143.000.000	1.430.000.000.000	65,00%
4	Bán đấu giá công khai	75.926.000	759.260.000.000	34,51%
Tổng cộng		220.000.000	2.200.000.000.000	100%

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

4. Phương án sản xuất kinh doanh

4.1. Mục tiêu tổng quát của Tổng công ty đến năm 2020

Xây dựng Tổng công ty Thương mại Hà Nội là một Tổng công ty Xuất nhập khẩu và thương mại nội địa có năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Cụ thể:

- Tập trung phát triển đẩy mạnh và nâng cao kim ngạch xuất khẩu trong toàn Tổng công ty; phấn đấu đến năm 2020, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu chiếm 80% tổng doanh thu của Tổng công ty. Đưa thương hiệu xuất khẩu Hapro trở thành thương hiệu quốc tế hàng đầu tại khu vực, bao trùm mọi hoạt động của Tổng công ty.

- Xây dựng thành công 05 mặt hàng xuất khẩu nằm trong 05 doanh nghiệp xuất khẩu hàng đầu của cả nước gồm: Gạo; Hạt tiêu; Hạt điều; Cà phê; Thủ công mỹ nghệ.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả của hệ thống thương mại nội địa theo phương châm: Nâng cao năng lực cạnh tranh bằng chất lượng dịch vụ và sự khác biệt, ưu tiên tối đa cho hàng hóa dịch vụ mang thương hiệu Hapro và Việt Nam vào hệ thống kinh doanh.

- Đẩy mạnh phát triển các cơ sở vệ tinh, tăng cường khả năng phát triển nguồn hàng trong và ngoài nước, tạo kênh hàng hóa đa chiều gắn với thương hiệu Hapro phục vụ tối đa cho nhu cầu xuất khẩu và thị trường trong nước, đặc biệt là: Hoa quả tươi, gạo, nông lâm sản, thủ công mỹ nghệ, công nghệ phẩm, thủy hải sản chế biến, công nghiệp tiêu dùng,...

- Đạt tới mô hình Tổng công ty có tính gọn nhẹ tối đa, linh hoạt, hiện đại và chuyên môn hóa cao; cả về công nghệ quản lý, điều kiện phương tiện làm việc và chính sách phát triển nguồn nhân lực.

4.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần (2017-2019)

4.2.1. Chỉ tiêu về quy mô tổ chức

Phấn đấu đến năm 2020, Tổng công ty có quy mô 50 Công ty thành viên; tự nguyện liên kết, nhằm hỗ trợ nhau về công nghệ quản lý, thị trường, hàng hóa,... cùng nhau phát triển, đảm bảo hiệu quả.

4.2.2. Chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh

Bảng 27: Một số chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2017	TH năm 2017	KH Năm 2018	So sánh 2018/2017 (%)	KH Năm 2019	So sánh 2019/2018 (%)	KH Năm 2020	So sánh 2020/2019 (%)
1	Kim ngạch XK (tr.USD)	125,57	87,38	133,18	106,06%	152,23	114,30%	180,91	118,84%
2	Tổng doanh thu (=a+b+c)	3.560.000	3.260.163	4.000.000	112,36%	4.800.000	120,00%	5.760.000	120,00%
a	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.250.143	3.180.186	3.657.943	112,55%	4.406.635	120,47%	5.306.552	120,42%
-	DT xuất khẩu	2.762.621	2.482.524	2.930.013	106,06%	3.349.042	114,30%	3.979.914	118,84%
-	DT nội địa	487.521	697.662	727.931	149,31%	1.057.592	145,29%	1.326.638	125,44%
b	Doanh thu hoạt động tài chính	285.580	79.909	314.138	110,00%	361.259	115,00%	415.448	115,00%
c	Doanh thu khác	24.277	68	27.919	115,00%	32.106	115,00%	38.000	118,36%
3	Giá vốn hàng bán	3.060.000	2.932.103	3.320.000	108,50%	3.948.000	118,92%	4.658.640	118,00%
4	Lợi nhuận gộp	190.143	248.083	337.943	177,73%	458.635	135,71%	647.912	141,27%
-	Lợi nhuận gộp từ KD xuất khẩu	106.480	107.460	185.869	174,56%	247.663	133,25%	343.394	138,65%
-	Lợi nhuận gộp từ KD nội địa	83.663	140.623	152.074	181,77%	210.972	138,73%	304.519	144,34%
5	Tổng chi phí	440.000	314.463	612.000	139,09%	772.000	126,14%	1.001.360	129,71%
6	Lợi nhuận trước thuế	60.000	13.597	68.000	113,33%	80.000	117,65%	100.000	125,00%
-	Lợi nhuận từ KD xuất khẩu	19.800	4.526	22.100	111,62%	25.600	115,84%	32.000	125,00%
-	Lợi nhuận từ KD nội địa	40.200	9.071	45.900	114,18%	54.400	118,52%	68.000	125,00%

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2017	TH năm 2017	KH Năm 2018	So sánh 2018/2017 (%)	KH Năm 2019	So sánh 2019/2018 (%)	KH Năm 2020	So sánh 2020/2019 (%)
7	Lợi nhuận sau thuế	48.000	13.427	63.200	131,67%	77.200	122,15%	80.000	103,63%
8	Các khoản nộp ngân sách	84.800	131.391	95.000	112,03%	112.000	117,89%	120.000	107,14%
9	Tỷ suất LN sau thuế / vốn điều lệ	2,09	0,58	2,87	137,65%	3,51	122,15%	3,64	103,63%
10	Tổng số LĐ bình quân	562	595	608	108,19%	649	106,74%	668	102,93%
11	Thu nhập BQ tháng của người lao động	8,5	8,75	9,5	111,76%	11,0	115,79%	12,5	113,64%
12	Tỷ lệ cổ tức (%/mệnh giá)			2%		3%		3,5%	

(Nguồn: Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

Ghi chú:

- Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu từ hoạt động đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác và thu từ lãi tiền gửi ngân hàng
- Doanh thu khác: là các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh như thu từ các khoản tiền thưởng mua hàng, bán hàng của các đối tác, thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ, CCDC...
- Kết quả thực hiện năm 2017 theo BCTC của Công ty mẹ Tổng công ty do đơn vị lập, chưa được kiểm toán độc lập và quyết toán thuế.
- Kế hoạch 2017, 2018, 2019 đã được Ban Chỉ đạo cổ phần hóa phê duyệt. Kế hoạch năm 2020 do Tổng Công ty dự kiến chưa được Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa phê duyệt.

4.3. Giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD

4.3.1. Nhóm giải pháp về tổ chức điều hành và quản lý nguồn lực:

❖ *Nhóm giải pháp tổ chức điều hành và xây dựng hệ thống:*

- Cơ cấu lại bộ máy các Phòng Ban quản lý, đơn vị kinh doanh: nhằm áp dụng tốt định hướng phân cấp, phân quyền, mỗi người chỉ có một thủ trưởng trực tiếp, đề cao tính trách nhiệm người đứng đầu; xây dựng môi trường pháp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Tinh giảm đội ngũ cán bộ gián tiếp, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảm bảo trình độ đáp ứng yêu cầu phát triển, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

+ Tiếp tục tái cơ cấu tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty thành viên, các Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty đảm bảo phù hợp với yêu cầu mới nhằm thúc đẩy tăng doanh thu nội địa và kim ngạch xuất khẩu của Tổng công ty;

- Nâng cao tính chuẩn mực trong hoạt động SXKD: Chuẩn mực về pháp lý trong kinh doanh; Chuẩn mực về văn hoá doanh nghiệp; Chuẩn mực về chất lượng hàng hoá dịch vụ,....

- Thực hiện chuyên môn hoá hoạt động của các Công ty thành viên: nhằm phát huy lợi thế cạnh tranh trong từng ngành hàng và địa bàn kinh doanh, tận dụng nguồn lực và sự hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau giữa các Công ty.

❖ *Nhóm giải pháp quản lý và phát triển nguồn lực:*

- Định kỳ đào tạo, đào tạo lại: Chú trọng công tác đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành, xử lý công việc cho cán bộ công nhân viên, đặc biệt tập trung vào một số lĩnh vực quan trọng như nghệ thuật bán hàng, quản trị hệ thống bán lẻ hiện đại, quản trị tài chính, quản trị thương hiệu; Tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ Lãnh đạo các Công ty về công tác Quản trị doanh nghiệp trong tình hình mới.

- Đặc biệt coi trọng phát triển nguồn lực con người, có chính sách đãi ngộ cán bộ có năng lực, trí tuệ và đạo đức đồng thời có chính sách thu hút nhân tài bên ngoài.

- Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Triệt để thực hành tiết kiệm trong từng khâu của quá trình SXKD, tiết giảm các chi phí thường xuyên, chi tiêu công hợp lý nhằm giảm chi phí sản xuất, chi phí phát sinh, từ đó hạ giá thành dịch vụ, sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh.

- Xây dựng hệ thống quản lý rủi ro: Thực hiện quản lý chặt chẽ các nguồn vốn, các khoản nợ phải thu và chủ động tìm kiếm các nguồn cung ứng nguyên vật liệu, hàng hoá dự phòng để kịp thời ứng phó với các biến động của nền kinh tế.

- Áp dụng công nghệ tin học trong quản lý điều hành: thực hiện khai thác triệt để tiện ích công nghệ tin học trong công tác chỉ đạo, trao đổi, báo cáo giữa Ban lãnh đạo Tổng công ty tới các Phòng ban quản lý, các Công ty thành viên, các đơn vị trực thuộc.

- Liên kết mạnh mẽ, lấy liên kết là một yếu tố quan trọng để tập trung sức mạnh, tập trung nguồn lực, tăng năng lực cạnh tranh, hình thành và mở rộng mạng lưới thị trường nội bộ.

- Tiếp tục nâng cao các hoạt động và sự gắn kết giữa các Công ty thành viên, đơn vị trực thuộc trong Tổng công ty, phát huy tinh thần trách nhiệm của CBCNV toàn Tổng công ty trong việc tiêu thụ các sản phẩm, hàng hoá, sử dụng các dịch vụ từ thị trường nội bộ Tổng công ty, góp phần nâng cao hiệu quả, nâng cao kim ngạch xuất khẩu và doanh thu nội địa của Tổng công ty.

4.3.2. Nhóm giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu:

- Đa dạng hóa mặt hàng, phương thức kinh doanh xuất khẩu và thị trường xuất khẩu;

- Tập trung phát triển thị trường ngách, có tiềm năng bên cạnh các thị trường truyền thống đã có để mở rộng thêm cơ hội phát triển kim ngạch XNK.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại: tận dụng tối đa các cơ chế hỗ trợ về xúc tiến thương mại của Chính Phủ, của Thành phố; Đẩy mạnh sử dụng các công cụ mới như thương mại điện tử để nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại.

- Đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, CNTT để thúc đẩy công tác giao dịch, đối ngoại.

- Thành lập Văn phòng đại diện tại các khu vực cửa ngõ như Trung Đông; Angola, khu vực Đông Âu cũ...để xâm nhập vào các thị trường lớn trên thế giới: Hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng phục vụ, đầu tư có trọng tâm vào việc xây dựng chân hàng nhằm đảm bảo nguồn hàng ổn định, có chất lượng, phục vụ xuất khẩu, đặc biệt là với các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn như hàng nông sản, gạo, điều, tiêu, thủ công mỹ nghệ,...

- Liên kết giữa các Công ty, đơn vị trong toàn Tổng công ty trong việc thực hiện những hợp đồng lớn, tạo sức mạnh đàm phán về giá trong thu mua, đồng thời hỗ trợ, chia sẻ thông tin về thị trường, mặt hàng, kinh nghiệm xuất khẩu.

- Tăng cường nghiên cứu thông tin, thị trường, đẩy mạnh công tác xúc tiến bán nhằm tăng kim ngạch xuất khẩu của Tổng công ty. Tận dụng một cách có hiệu quả các chính sách hỗ trợ về tài chính của Chính Phủ, của Thành phố trong các tình huống cấp bách.

- Tăng cường đổi mới cơ cấu tổ chức và phương thức kinh doanh trong hoạt động xuất khẩu. Chú trọng đẩy mạnh công tác thiết kế, phát triển sản phẩm mới, sản phẩm độc quyền

nhằm gia tăng giá trị sản phẩm, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh xuất khẩu của Tổng công ty.

- Đẩy mạnh việc hình thành và phát triển các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu trong Tổng công ty. Tiếp tục tăng cường xây dựng, củng cố các đối tác chiến lược để có các chân hàng vệ tinh uy tín, chất lượng, giá cả cạnh tranh, đảm bảo nguồn cung hàng xuất khẩu, phát triển thị trường bền vững, kết hợp hài hoà lợi ích trước mắt và lâu dài.

4.3.3. Nhóm giải pháp phát triển thị trường nội địa:

❖ *Giải pháp về sản phẩm và nguồn hàng*

Đa dạng hóa chủng loại, mẫu mã hàng hóa, đảm bảo chất lượng và vệ sinh ATTP, đảm bảo phục vụ và đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của các nhóm người tiêu dùng khác nhau, các khu vực thị trường khác nhau.

❖ *Giải pháp về giá cả:*

- Đẩy mạnh liên kết chặt chẽ giữa các Công ty, đơn vị trong nội bộ Tổng công ty với các doanh nghiệp thương mại khác để thu mua hàng hóa với số lượng lớn, từ đó tạo ra ưu thế về quy mô trong đàm phán với nhà sản xuất, nhà cung cấp, giảm chi phí và giá thành cho sản phẩm trong toàn hệ thống.

- Đầu tư, xây dựng hệ thống logistic, tổng kho dự trữ hàng hóa để đảm bảo dự trữ hàng hóa với số lượng lớn nhằm chủ động trong kinh doanh và đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường;

- Sử dụng hiệu quả sự hỗ trợ về tài chính của các tổ chức trong và ngoài nước, các cơ quan Chính Phủ và của Thành phố Hà Nội.

❖ *Giải pháp về nâng cao hiệu quả sử dụng mạng lưới:*

- Rà soát, quy hoạch lại mạng lưới kinh doanh, thực hiện nâng cao hiệu quả sử dụng địa điểm, mạng lưới của Tổng công ty tại tất cả các Công ty thành viên, Đơn vị trực thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty theo nguyên tắc bám sát giá thị trường, đảm bảo các điều kiện về: lợi nhuận, hiệu quả kinh tế; đảm bảo sử dụng mạng lưới đúng công năng, mục đích của đơn vị và của Tổng công ty; đảm bảo các vấn đề xã hội có liên quan (việc làm, chế độ chính sách của người lao động tại địa điểm...); đảm bảo tuân thủ các vấn đề pháp luật và tôn trọng thương hiệu, hình ảnh phát triển của Tổng công ty.

- Tập trung đẩy mạnh triển khai rà soát, đánh giá và nâng cao hiệu quả sử dụng mạng lưới tại các địa điểm là Văn phòng làm việc, kho hàng, các địa điểm đang chờ lập dự án đầu tư, đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, các địa điểm chưa khai thác hoặc khai thác chưa triệt để... để tận thu, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng mạng lưới.

❖ ***Giải pháp về đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh:***

Xây dựng Phương án đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh tại các bộ phận, cửa hàng, địa điểm kinh doanh... của Tổng công ty theo hướng tăng tính độc lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của từng đơn vị kinh doanh khuyến khích các mô hình bán hàng theo chuỗi với các tiêu chí cụ thể, đảm bảo tăng doanh thu, hiệu quả cho đơn vị và thu nhập cho người lao động để khai thác tối đa hiệu quả của các bộ phận kinh doanh, các đơn vị và địa điểm kinh doanh.

❖ ***Nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm:***

Thường xuyên nghiên cứu, đề ra các biện pháp cải tổ nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm.

❖ ***Giải pháp về bán hàng và xúc tiến thương mại:***

- Đầu tư, cải tạo nâng cấp địa điểm kinh doanh, đảm bảo hàng hóa trưng bày đẹp, văn minh, phong cách phục vụ tận tình, chu đáo, chuyên nghiệp.

- Tổ chức và tham gia các chương trình xúc tiến thương mại như Hội chợ, triển lãm, Lễ hội, đặc biệt tại các địa bàn mới hợp nhất về Hà Nội.

- Thường xuyên tổ chức và liên kết với các nhà sản xuất, phân phối để tổ chức các chương trình khuyến mại, giới thiệu, quảng bá sản phẩm, đặc biệt các chương trình khuyến mãi, giảm giá lớn vào các dịp Lễ, Tết trên toàn hệ thống của Tổng công ty.

- Đa dạng hóa các phương thức bán hàng như bán hàng tại chỗ; bán hàng lưu động; bán hàng thông qua phiếu mua hàng; bán hàng qua điện thoại, qua mạng.

- Giới thiệu, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Website và các hình thức thông tin khác. Tuyên truyền làm thay đổi thói quen mua sắm của người dân, chuyển xu hướng tiêu dùng hàng ngoại để thực hiện tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Liên kết với các ngân hàng, tổ chức tín dụng để thực hiện bán hàng thông qua các hình thức tín dụng phù hợp cho tiêu dùng cá nhân như bán hàng trả góp, cho vay tiêu dùng, thanh toán bằng thẻ tín dụng.

❖ ***Giải pháp về áp dụng công nghệ bán hàng và quản lý bán lẻ, bán buôn***

Thông qua ứng dụng của phần mềm Công nghệ thông tin; Đầu tư mạnh dạn và có trọng tâm nghiên cứu việc ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý kho tàng, quản lý bán buôn, bán lẻ.

❖ ***Đẩy mạnh hợp tác kinh doanh với các doanh nghiệp khác các thành phần kinh tế khác theo các mô hình, tổ chức mà pháp luật cho phép.***

- Tận dụng triệt để các mối quan hệ với các đối tác, khách hàng tiềm năng, các mối quan hệ Đối ngoại của Tổng công ty để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của

Tổng công ty. Tập trung thúc đẩy mối quan hệ hai chiều trong quan hệ hợp tác chiến lược.

- Tập trung đẩy mạnh các hoạt động liên kết nội bộ trong Tổng công ty, ưu tiên sử dụng hàng hóa, dịch vụ nội bộ giữa các Công ty thành viên, đơn vị trực thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động, thúc đẩy doanh thu bán hàng tại thị trường nội địa.

4.3.4. Nhóm giải pháp đẩy mạnh phát triển hệ thống hạ tầng thương mại:

❖ *Củng cố và nâng cấp hệ thống hiện tại:*

- Tiếp tục củng cố, cải tạo sửa chữa, chỉnh trang lại hệ thống hạ tầng thương mại sẵn có của Tổng công ty. Đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư các dự án của Tổng công ty để sớm đưa vào khai thác, sử dụng.

- Xây dựng và quảng bá thương hiệu, nâng cao tính chuyên nghiệp trong chuẩn hóa và nhận diện thương hiệu trong toàn hệ thống mạng lưới, địa điểm, trở thành hệ thống kinh doanh mang tính cộng đồng cao, kết hợp hài hoà giữa lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích cộng đồng.

❖ *Phát triển xây dựng mới, mở rộng hệ thống:*

- Khảo sát và đề xuất Thành phố cũng như các tỉnh, thành phía Bắc tạo điều kiện về quỹ đất cho Tổng công ty thực hiện đầu tư phát triển hạ tầng theo quy hoạch dành cho phát triển thương mại.

- Tập trung mở rộng, khai thác mạng lưới tại các Khu chung cư, khu tái định cư, khu đô thị mới, các trường học,.....trong nội ngoại thành Hà Nội (chú trọng phát triển mạnh hệ thống bán lẻ tại các huyện ngoại thành) và một số tỉnh thành phố phía Bắc.

4.3.5. Nhóm giải pháp xây dựng thương hiệu, xây dựng văn hoá Hapro:

Tận dụng tốt các nguồn kinh phí hỗ trợ việc xây dựng Thương hiệu, truyền thông, hình ảnh của Tổng công ty như: Chương trình của Bộ Công Thương, của Thành phố, của Sở Công thương Hà Nội về “Phát triển thương hiệu”.

Tận dụng quảng bá Catalogue, tờ rơi của Tổng công ty cũng như các ấn phẩm giới thiệu khác trong các cuộc họp, hội thảo của Bộ, ban, ngành...

Bên cạnh việc tiếp tục duy trì in ấn các ấn phẩm quảng bá và sử dụng 1 số kênh marketing truyền thống như email, tin nhắn. Thời gian tới Tổng công ty sẽ bắt đầu đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu qua các kênh trực tuyến, kỹ thuật số (Marketing Online) như quảng bá trên Facebook, thành lập Fanpage cho từng sản phẩm, dịch vụ đặc trưng, quảng cáo trên google và các ứng dụng quảng cáo trên điện thoại di động.

Tích cực tham gia và xuất hiện thương hiệu trong các sự kiện, giải thưởng lớn thường niên như: Sao vàng đất việt, Thương hiệu quốc gia,...

4.3.6. Nhóm giải pháp quan hệ đối ngoại để tận dụng, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành phố Hà Nội, các Bộ, Ngành... hợp tác, giúp đỡ của các Tỉnh, thành phố:

Tiếp tục xây dựng, duy trì và mở rộng các mối quan hệ của Tổng công ty tại Thành phố Hà Nội; các Bộ, Ngành; Địa phương, các tổ chức, hiệp hội trong và ngoài nước... để tranh thủ tận dụng, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành phố, của các Sở, Ban, Ngành, sự hợp tác giúp đỡ của các Tỉnh, thành phố trong việc phát triển mở rộng nguồn hàng cũng như cơ sở hạ tầng thương mại của Tổng công ty.

5. Phương án sử dụng các cơ sở nhà, đất sau cổ phần hóa

Phương án sử dụng các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty sau cổ phần hóa đã được trình bày tổng hợp tại mục 4.1.1 phần IV. Thông tin chi tiết được trình bày tại các phụ lục 04, 05, 06 đính kèm bản Công bố thông tin.

VI. CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

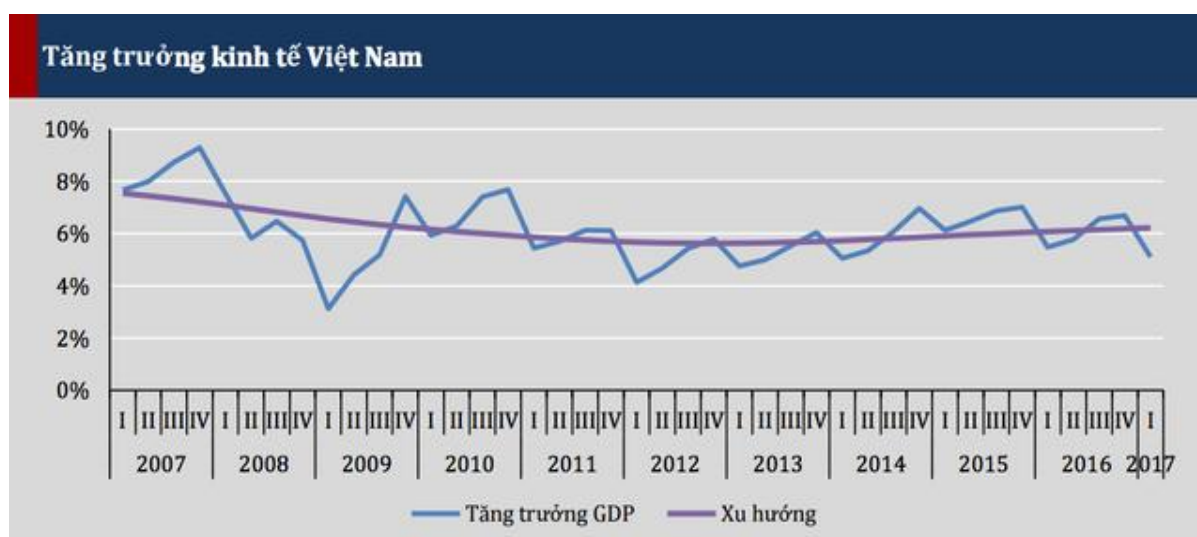
1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế. sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái...Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Tổng công ty Thương mại Hà Nội nói riêng.

a. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Gia nhập WTO đồng nghĩa với việc hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ không bị bó hẹp trong các hiệp định song phương và khu vực mà sẽ có thị trường toàn cầu. Về nhập khẩu, với tư cách là thành viên của WTO, Việt Nam sẽ có cơ hội nhập khẩu hàng hóa có chất lượng và giá cả cạnh tranh, do đó người Việt Nam sẽ có lợi trong việc tiêu dùng. Việc nhập khẩu hàng hóa diễn ra dễ dàng sẽ làm cho hoạt động sản xuất-kinh doanh thuận lợi đối với các doanh nghiệp phải nhập khẩu công nghệ và nguyên liệu đầu vào cũng như các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, thương mại.



(nguồn: Tổng cục Thống kê)

Sau khi chính thức trở thành thành viên của WTO, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2009 tuy vẫn thấp hơn tốc độ tăng 5,7% của năm 2008, nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5,0% của kế hoạch. Tính chung cả giai đoạn 2009-2011, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình đạt 6,0%. Trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái, nhiều nền kinh tế tăng trưởng âm mà kinh tế nước ta đạt được tốc độ tăng trưởng dương tương đối cao như trên là một thành công. Tuy nhiên, tình hình kinh tế đến nay vẫn còn không ít khó khăn, thách thức, bao gồm những hạn chế về cân đối vĩ mô chứa đựng nhiều rủi ro tiềm ẩn; chỉ số giá tiêu dùng tăng ở mức cao; nhập siêu lớn cùng với sự suy giảm của dòng vốn đầu tư nước ngoài và những ảnh hưởng đến cán cân thanh toán, dự trữ ngoại hối...

Đến năm 2012, trong khi nền kinh tế thế giới đang có nguy cơ suy thoái, đặc biệt là cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu đã làm ảnh hưởng đến nền kinh tế của các nước, trong đó có Việt Nam. Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng GDP cả nước năm 2012 vẫn đạt con số 5,2%.

Kết thúc năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định đáng kể so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định nhờ lạm phát đang trên đà suy giảm, thâm hụt thương mại và ngân sách được kiểm chế và các chính sách quản lý tiền tệ tốt hơn. Tốc độ tăng của tổng sản phẩm trong nước GDP năm 2013 đạt 5,4%, tuy thấp hơn mục tiêu đề ra là 5,5% nhưng cao hơn mức tăng 5,2% của năm 2012 và được đánh giá là khả quan hơn. Không ngoài những dự báo, năm 2014 tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 5,9%, đưa Việt Nam trở thành nước có tốc độ tăng trưởng GDP cao thứ 2 thế giới (sau Trung Quốc). Bước sang năm 2015, Việt Nam đã đạt mục tiêu GDP năm 2015 đạt cao hơn năm 2014, ở mức 6,2%. Tính đến 6 tháng đầu năm 2015, tổng sản phẩm trong nước ước tính tăng 6,28% so với cùng kỳ năm 2014, cùng với đó rất nhiều các tổ chức tài chính uy tín quốc tế đã nâng mức triển vọng kinh tế của Việt Nam. Cũng trong những đầu quý IV/2015, Việt Nam đã chính thức gia nhập hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) giữa 12 quốc gia với mục đích hội nhập nền kinh khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Ngay lập tức, TPP đã tạo lực đẩy cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam và mở ra cơ hội chiếm lĩnh vị thế xuất khẩu cho các lĩnh vực ngành nghề Việt Nam có thế mạnh. Năm 2015 và 2016 tốc độ tăng trưởng GDP đã

có sự tiến triển và đạt mức 6,68% và 6,21%. Dự báo năm 2017, tốc độ tăng trưởng đạt mức 6,3%, Với sự tăng trưởng ổn định của GDP, các doanh nghiệp nói chung và Tổng công ty nói riêng sẽ có tiềm năng tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận. Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, thương mại nói riêng. Vì vậy, đợt chào bán cổ phần của Tổng công ty sẽ thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư.

b. Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Chính sách thắt chặt tiền tệ được thực hiện xuyên suốt trong năm 2011 nhằm đối phó với lạm phát. Thực tế trong thời gian đó, mức lãi suất trên thị trường ở mức cao và biến động mạnh. Với mức lãi suất vay từ 20 – 25%/năm đã gây khó khăn lớn cho các doanh nghiệp trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu kinh doanh. Trên thị trường dân cư và tổ chức kinh tế, hiện tượng cạnh tranh huy động vốn giữa các ngân hàng và vượt trần lãi suất diễn ra phổ biến trong 8 tháng đầu năm. Tuy nhiên, ngay sau khi Ngân hàng nhà nước yêu cầu các Ngân hàng thực hiện nghiêm trần lãi suất và xử phạt các tổ chức vi phạm, lãi suất huy động đã giảm về gần mức mức 14%.

Kể từ ngày 18/03/2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành thông báo điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành của NHNN và lãi suất tiền gửi tối đa đối với các tiền gửi bằng VND của tổ chức, cá nhân tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi VND không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 1,2%/năm xuống 1,0%/năm; lãi suất tối đa áp dụng với tiền gửi VND từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 7,0%/năm xuống còn 6,0%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng tại Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô giảm từ 7,5%/năm xuống 6,5%/năm. Bên cạnh đó, NHNN cũng điều chỉnh giảm lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với một số lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ cao) từ 9,0%/năm xuống còn 8,0%/năm. Lãi suất huy động kỳ hạn 1 năm trong năm 2017 hiện đang ở mức thấp từ 7 – 8%/năm đã tạo điều kiện để các ngân hàng đưa lãi suất cho vay về mức bình quân 10%/năm. Lãi suất cho vay thấp đã hỗ trợ đáng kể cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sử dụng tỷ lệ vốn vay lớn. Bên cạnh đó, yếu tố lãi suất ảnh hưởng đến chi phí vốn của các nhà đầu tư. Với lãi suất thấp trong giai đoạn hiện nay, chi phí vốn cho hoạt động đầu tư đã giảm xuống đáng kể.

Tính đến thời điểm 31/12/2017, nợ phải trả của Công ty là 1.500 tỷ đồng tương đương với 69,25% vốn chủ sở hữu. Do đặc thù là doanh nghiệp Nhà nước kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu, nên Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính khá cao. Vì vậy, sự biến

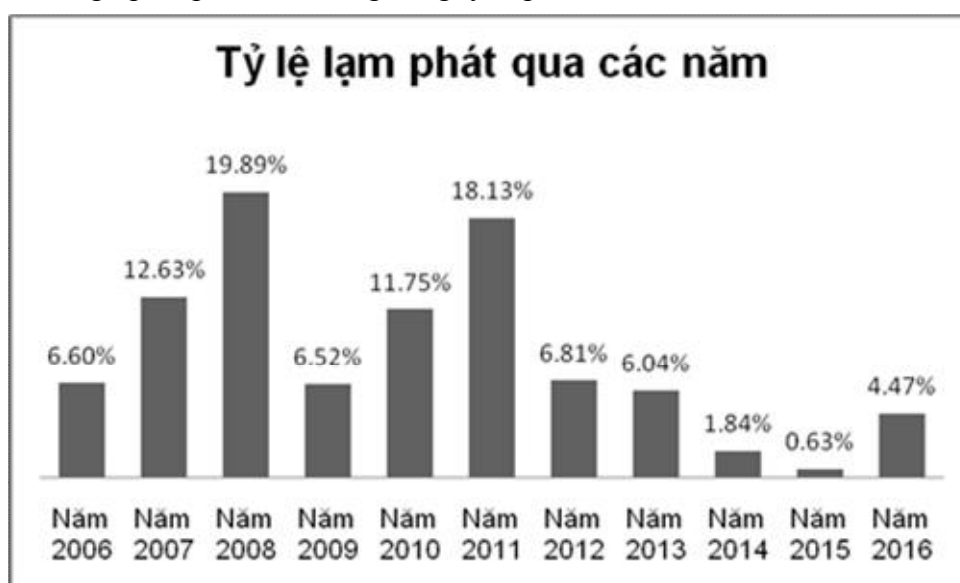
động của lãi suất có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Lạm phát

Tỷ lệ lạm phát có ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và hoạt động chi tiêu người tiêu dùng. Với các doanh nghiệp, lạm phát cao sẽ làm tăng chi phí đầu vào, giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Với người tiêu dùng, lạm phát cao sẽ làm giảm khả năng chi tiêu và buộc người tiêu dùng phải cắt giảm các khoản chi không thiết yếu. Chi tiêu giảm dẫn đến doanh thu của các doanh nghiệp cũng sụt giảm theo.

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam đã có những biến động mạnh trong giai đoạn 2007 – 2011. Đặc biệt, tỷ lệ lạm phát năm 2008 và 2011 đã lên mức rất cao lần lượt là 19,89% và 18,13%. Nhờ các giải pháp đồng bộ của Chính Phủ và Ngân hàng Nhà nước, lạm phát trong giai đoạn 2012 – 2014 đã về mức ổn định, năm 2015 tỷ lệ lạm phát giảm xuống ở mức 0,63%, thấp nhất trong 15 năm gần đây và năm 2016, tỷ lệ lạm phát duy trì ở mức 4,47%, thấp hơn mức chính phủ đề ra. Lạm phát ổn định tạo niềm tin để người tiêu dùng tăng chi tiêu cho hàng hóa dịch vụ nói chung và được phẩm nói riêng.

Tình hình lạm phát ổn định là yếu tố thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và sẽ giúp cổ phần của Tổng công ty hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư.



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

d. Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Nhờ định hướng biên độ điều hành tỷ giá ổn định và quản lý chặt chẽ hoạt động mua bán ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước, tỷ giá VND/USD tương đối ổn định, không có nhiều biến động lớn trong nhiều năm qua. Trong năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo sẽ không điều chỉnh tỷ giá VND nhiều hơn 2%, tuy nhiên, phản ứng trước sự kiện Trung

Quốc phá giá đồng nhân dân tệ, ngày 12/8 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh nâng biên độ tỷ giá USD/VND lên gấp đôi từ 1% lên 2%.

Sự biến động tỷ giá này tác động trực tiếp đến doanh thu, chi phí các các doanh nghiệp xuất nhập khẩu như Tổng công ty Thương mại . Tuy các mặt hàng xuất khẩu sẽ có ưu thế trên thị trường thế giới nhưng các chi phí đầu vào cho các mặt hàng nhập khẩu sẽ gia tăng. Mặc dù, Ngân hàng Nhà nước tuyên bố giữ nguyên tỷ giá đến đầu năm 2016 nhằm trấn an các nhà nhập khẩu trong nước những Công ty sẽ vẫn chủ động đối phó với những biến động về tỷ giá hối đoái có thể xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp TNHH Một thành viên 100% vốn Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Tổng công ty Thương mại Hà Nội sẽ không chịu ảnh hưởng của Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính Phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ mà bị điều chỉnh bởi Luật doanh nghiệp 2014 và các văn bản có liên quan. Ngoài ra, sẽ còn chịu điều chỉnh bởi các các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán khi trở thành công ty đại chúng và niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Thương mại Hà Nội cũng chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật chuyên ngành liên quan đến hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của Bộ Công thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hiện nay, hệ thống luật pháp đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi. Để tạo ra một hành lang pháp lý thuận lợi, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ Quốc tế trong quá trình hội nhập, Quốc hội đã ban hành nhiều bộ luật mới. Tuy nhiên, nếu Công ty không nắm bắt kịp sự thay đổi của hệ thống pháp luật thì có thể gây nhiều ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Tổng công ty luôn luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Tổng công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro cạnh tranh

a. Rủi ro trong lĩnh vực Xuất nhập khẩu thương mại:

- Rủi ro chính sách: kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào chính sách xuất nhập khẩu nông sản của Chính phủ Việt Nam cũng như chính sách nhập khẩu của các thị trường khách hàng. Khi nền kinh tế của quốc gia đối tác suy thoái, thay đổi trong chính sách hoặc các nguyên nhân khác có thể gây ảnh hưởng không tốt đến tài chính và kết quả hoạt động của Công ty.

- Rủi ro cạnh tranh: lĩnh vực xuất nhập khẩu nông sản ở Việt Nam cạnh tranh ở mức độ khá cao. Trong quá trình hoạt động kinh doanh Tổng công ty không những phải cạnh tranh

với các nhà xuất nhập khẩu lớn trong nước mà còn phải cạnh tranh với các đơn vị xuất khẩu nông sản từ các quốc gia nông nghiệp khác tại một số thị trường tiềm năng.

- **Rủi ro thị trường:** các mặt hàng xuất khẩu chủ chốt của Tổng công ty như gạo, hạt tiêu, hạt điều, thủ công mỹ nghệ ... đều phụ thuộc khá nhiều và tình hình thị trường thế giới, đặc biệt là giá bán. Áp lực giá bán giảm trên thị trường thế giới sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến kim ngạch xuất khẩu và doanh thu của Tổng công ty.

b. Rủi ro trong lĩnh vực thương mại nội địa:

Trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, ngày càng nhiều các nhà bán lẻ trong và ngoài nước đẩy mạnh kế hoạch mở rộng kinh doanh để từng bước chiếm lĩnh thị trường trong nước. Năm 2005, theo thống kê của Bộ Công thương, cả nước mới có khoảng 200 siêu thị, 30 trung tâm thương mại và gần 1.000 cửa hàng tiện ích hoạt động tại 30/64 tỉnh thành thì đến nay, sau gần 8 năm mở cửa theo cam kết gia nhập WTO (1/1/2009), thị trường bán lẻ Việt Nam đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ với hơn 700 siêu thị, 130 trung tâm thương mại và hàng nghìn cửa hàng tiện ích. Theo quy hoạch cả nước đến năm 2020 sẽ có khoảng 1.200 - 1.500 siêu thị, 180 trung tâm thương mại, 157 trung tâm mua sắm. Dự báo, giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng trưởng thương mại bán lẻ sẽ đạt 11,9%, quy mô thị trường khoảng 179 tỷ USD vào năm 2020, trong đó bán lẻ hiện đại sẽ chiếm trên 45%. Mức độ cạnh tranh cao trong lĩnh vực thương mại làm ảnh hưởng bất lợi đến tính hấp dẫn của cổ phần chào bán của Tổng công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phần của Tổng công ty có những yếu tố thuận lợi như GDP tăng trưởng ổn định, lạm phát thấp, lãi suất thấp, tuy nhiên cũng có những yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến đợt chào bán như biến động tỷ giá, hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh, cạnh tranh gay gắt về thị trường bán lẻ và biến động giá đối với các mặt hàng xuất khẩu. Vì vậy, có rủi ro các nhà đầu tư không đặt mua hết số lượng cổ phần mà Tổng công ty dự kiến chào bán.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro mang tính đặc thù trong hoạt động kinh doanh, một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo, tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người, từ đó tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Tổng công ty.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với nhà đầu tư tham gia đấu giá

❖ Hình thức chào bán

- Số lượng chào bán : 75.926.000 cổ phần, tương đương 34,51% vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm : 12.800 đồng/cổ phần
- Phương thức chào bán : Đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

❖ Đối tượng tham gia và số lượng cổ phần đăng ký mua

- Đối tượng tham gia : Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội
- Đối tượng không được tham gia đấu giá mua cổ phần (Theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần và Điều 4 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần).
 - Thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa (trừ các thành viên là đại diện của doanh nghiệp);
 - Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham gia vào việc tư vấn, xác định giá trị doanh nghiệp, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp; trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh;
 - Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá;
 - Các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tập đoàn, Tổng công ty và tổ hợp công ty mẹ - công ty con.
- Số lượng cổ phần đăng ký đặt mua tối thiểu : 100 cổ phần
- Số lượng đặt mua tối đa : 75.926.000 cổ phần
- Số lượng đặt mua : Theo bội số 100
- Đặt cọc : Bằng 10% giá trị cổ phần đặt mua tính theo giá khởi điểm

❖ ***Thời gian và địa điểm thực hiện***

- Thời gian và địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, nộp phiếu tham dự đấu giá: Quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội

- Thời gian tổ chức đấu giá: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội

- Địa điểm tổ chức đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội – Số 02 đường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc: Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội.

2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với người lao động

❖ ***Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo thời gian làm việc thực tế tại KVVN***

- Tổng số người được mua cổ phần giá ưu đãi: **586 người**

- Tổng số người đăng ký mua cổ phần giá ưu đãi: **586 người.**

- Tổng số năm làm việc trong khu vực Nhà nước tương ứng của số người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi theo chế độ quy định: **7.912 năm.**

- Số cổ phần giá ưu đãi của 586 người đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước: **791.200 cổ phần.**

- Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, Tổng công ty sẽ tiến hành bán cổ phần cho người lao động.

- Giá bán: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng 60% giá bán thành công thấp nhất.

❖ ***Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại CTCP trong thời hạn ít nhất 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu)***

- Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

- Tổng số lao động của Công ty có trong danh sách tại thời điểm ngày 28/4/2017 thuộc đối tượng chuyển sang làm việc tiếp tại công ty cổ phần là 550 người, trong đó có **174** người đủ điều kiện mua thêm cổ phần theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho Tổng công ty.
- Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 200 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: **174** người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: **282.800** cổ phần.
- Giá bán: Theo quy định tại Khoản 2b Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là giá bán thành công thấp nhất.
- Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, Tổng công ty sẽ tiến hành bán cổ phần cho người lao động.
- Số cổ phần bán cho CBCNV trong trường hợp này sẽ hết hạn chế chuyển nhượng sau khi kết thúc thời gian cam kết.

3. Cổ phần bán cho Công đoàn công ty

Tổ chức Công đoàn Tổng công ty không đăng ký tham gia mua cổ phần của Tổng công ty.

4. Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược

4.1. Mục đích lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

- Đảm bảo hoàn thành công tác cổ phần hóa Tổng công ty, thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu thành công;
- Lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược có năng lực tài chính, có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với Tổng công ty, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động của Tổng công ty;
- Chọn được nhà đầu tư chiến lược phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty: phát triển ngành thương mại, nâng cao hình ảnh thương hiệu, uy tín của Tổng công ty khi chuyển sang công ty cổ phần.

4.2. Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược

Căn cứ công văn số 767/VPCP-ĐMDN ngày 25/01/2017 của Văn phòng Chính phủ về quyết định tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, ngày 07/3/2017, UBND thành phố Hà Nội đã có quyết định số 1558/QĐ-UBND về việc phê duyệt tiêu chí nhà đầu tư chiến lược khi cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội như sau:

❖ Tiêu chí chung

- Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài, có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với Tổng công ty, hỗ trợ Tổng công ty sau cổ phần hóa về đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp và chuyển giao công nghệ.

- Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty; có hệ thống mạng lưới kinh doanh liên kết đa ngành trong nước và nước ngoài; có năng lực khai thác, cung ứng nguồn hàng và phát triển thị trường; có kinh nghiệm thực tiễn và khả năng hỗ trợ phát triển đối với các hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty, có lợi ích phù hợp với lợi ích phát triển của Tổng công ty.
- Nhà đầu tư có cam kết bằng văn bản về không chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời gian tối thiểu 05 năm kể từ ngày Tổng công ty thực hiện xong công tác cổ phần hóa và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.
- Nhà đầu tư chiến lược có cam kết bằng văn bản sử dụng lao động theo phương án cổ phần hóa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và cam kết hỗ trợ đào tạo lại người lao động (nếu có) nhằm đáp ứng yêu cầu công việc.
- Riêng đối với nhà đầu tư nước ngoài, ngoài việc đảm bảo đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trên thì cần đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ % cổ phần được mua theo các quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời phải đáp ứng các tiêu chí: Có tài khoản tại một trong các tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam, mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này, có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật nếu ủy quyền cho tổ chức đại diện tại Việt Nam thực hiện mua cổ phần.

❖ Tiêu chí cụ thể

- Nhà đầu tư chiến lược phải có năng lực tài chính đáp ứng được việc mua cổ phần như: Có vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính (được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập) thời điểm gần nhất trên 2.000 tỷ đồng, không có nợ xấu, có chỉ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu không quá 3 lần theo báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2015, có lợi nhuận ròng sau thuế dương trong 2 năm (2014-2015) và trên báo cáo tài chính gần nhất năm 2016; doanh nghiệp kinh doanh không vi phạm pháp luật, chứng minh được nguồn tài chính có giá trị tối thiểu bằng giá trị cổ phần đăng ký mua, cụ thể: phải cam kết đặt cọc 30% và có thư bảo lãnh của ngân hàng đối với 70% nguồn tài chính đăng ký mua cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (theo giá khởi điểm chào bán cổ phần lần đầu); thực hiện mua cổ phần đã đăng ký sau khi đấu giá cổ phần công khai theo quy định của pháp luật. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư không được nhận lại tiền cọc.
- Có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, đặc biệt ưu tiên đối với lĩnh vực kinh doanh về xuất nhập khẩu, phát triển thị trường nội địa, có hệ thống thương mại bán lẻ hoặc đang sở hữu doanh nghiệp khác kinh doanh xuất nhập khẩu, phát triển thị trường nội địa, có hệ thống thương mại bán lẻ phù hợp ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty.
- Nhà đầu tư chiến lược có cam kết cùng công ty cổ phần kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ, các tồn tại của Tổng công ty và cam kết xử lý tất cả các tồn tại của Tổng công ty chưa được xử lý tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, kế thừa mọi trách nhiệm đối với người lao động từ doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần theo quy định của pháp luật.

4.3. Phương thức bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược

Phương thức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược như sau:

- Số lượng cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược: 143.000.000 cổ phần, tương đương 65% vốn điều lệ của Tổng công ty.
- Giá bán: Theo quy định tại điểm đ điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP: “giá bán do Ban chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai”.
- Nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn phải đăng ký mua đủ số lượng 65% vốn điều lệ; thực hiện đặt cọc 30% và có thư bảo lãnh của Ngân hàng đối với 70% nguồn tài chính đăng ký mua cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược (theo giá khởi điểm chào bán cổ phần lần đầu) cùng tại thời điểm đặt cọc của các nhà đầu tư tham gia mua đấu giá công khai cổ phần.
- Thời điểm bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược: sau khi có kết quả thực hiện bán đấu giá công khai cổ phần lần đầu Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội. Trường hợp từ bỏ quyền mua một phần hay toàn bộ số cổ phần đã đăng ký thì nhà đầu tư chiến lược không được nhận lại toàn bộ tiền đặt cọc.

4.4. Kết quả lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược

Theo quyết định số 1925/QĐ-TTg ngày 30/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định và chịu trách nhiệm lựa chọn cổ đông chiến lược theo tiêu chí, phương án đã được phê duyệt và quy định của pháp luật hiện hành, bảo đảm nhà đầu tư cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và thực hiện sau khi bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng.

Ngày 11/12/2017, Tổng Công ty đã phát hành Thư mời các nhà đầu tư tham gia làm đối tác chiến lược của Tổng công ty Thương mại Hà Nội được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, cụ thể:

- + Báo viết: Đăng tải thông tin trên 3 số liên tiếp từ ngày 11/12/2017 đến ngày 13/12/2017 của Báo Nhân dân, Báo Đại Đoàn kết, Báo Kinh tế và Đô thị.
- + Báo điện tử: Báo Hà Nội mới và Báo Kinh tế và Đô thị.
- + Đài phát thanh: Đài tiếng nói Việt Nam (Kênh VOV1 – Hệ Thời sự - Chính trị - Tổng hợp); Đài phát thanh Hà Nội (Chương trình Quảng cáo – Kênh 90 MHz).
- + Đài truyền hình: Đài truyền hình Trung ương (Truyền hình thông tấn xã Việt Nam – Bản Nhật trình kinh tế); Đài truyền hình Hà Nội (Chương trình Quảng cáo).
- + Website: Đăng tải thông tin trên website của Tổng Công ty (địa chỉ: www.haprogroup.vn) và website của Sở Tài chính Hà Nội từ ngày 11/12/2017.

Tổng Công ty đã tổ chức tiếp nhận hồ sơ, từ ngày 11/12/2017 đến 17h30' ngày 22/12/2017, thực hiện chốt danh sách và thực hiện xét duyệt các hồ sơ theo đúng các tiêu chí đã được UBND thành phố phê duyệt.

Căn cứ theo kết quả của Biên bản xác nhận số lượng nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký nhà đầu tư chiến lược của Tổng công ty Thương mại Hà Nội, đến thời điểm 17h30 ngày 22/12/2017 chỉ có 01 (một) nhà đầu tư nộp hồ sơ. Thông tin nhà đầu tư như sau:

- Tên Công ty: Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam
- Địa chỉ: 197A Nghi tâm, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Hà Nội
- Điện thoại: 04-37192299 Fax: 04 37192299
- Website: <http://www.hondaototayho.com.vn>
- Giấy CNKD số 0101787217 do Sở KH và ĐT Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/7/2005, thay đổi lần 17 ngày 17/11/2017. Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 11/8/2016.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016: 2.507.088.960.042 đồng

Sau khi đánh giá và xét duyệt theo đúng các tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đã được phê duyệt, Tổng Công ty đã xác định Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam đã đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí đề ra để được lựa chọn làm Nhà đầu tư chiến lược của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã có văn bản số 1094/CV-BĐMPTDN ngày 25/12/2017 trình Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng Công ty về việc xin thẩm định kết quả lựa chọn Cổ đông chiến lược khi thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.

Ngày 27/12/2017, Ban chỉ đạo CPH đã tiến hành họp, thực hiện rà soát hồ sơ, thẩm định các tiêu chí khi lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội. Các thành phần tham gia rà soát và thẩm định các tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược gồm có: Sở Tài chính Hà Nội, Chi cục Tài chính doanh nghiệp, Đảng ủy khối doanh nghiệp, đại diện Văn phòng Chính phủ, đại diện Cục TCDN – Bộ Tài chính, Văn phòng UBND Thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động TB&XH, Sở Quy hoạch và Kiến trúc, Cục thuế Hà Nội, Sở Công thương và Tổng Công ty thương mại Hà Nội; đã thống nhất báo cáo UBND lựa chọn nhà đầu tư chiến lược là Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam. Ngày 29/12/2017, Sở Tài chính cũng đã có tờ trình số 8744/TTr-STC gửi UBND TP Hà Nội về việc xem xét quyết định lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

Ngày 05/01/2018, Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp thành phố Hà Nội đã tổ chức họp về việc thẩm định và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược khi cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội. Các thành phần tham gia thẩm định gồm có: Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp Thành phố, đại diện Văn phòng Chính phủ, Đại diện Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ Tài chính và Tổng Công ty Thương mại Hà Nội đã thống nhất nội dung báo cáo của Sở Tài chính (Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội) tại Tờ trình số 8744/TTr-STC ngày 29/12/2017 đề nghị UBND TP Hà Nội về việc xem xét quyết định lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

Ngày 26/01/2018, UBND Thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 502/QĐ-UBND phê

duyet việc lựa chọn và bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược khi cổ phần hóa Tổng Công ty là: Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam.

5. Xử lý số lượng cổ phần không bán hết

Số lượng cổ phần không bán hết gồm:

- Số cổ phần người lao động từ chối mua theo phương án đã được duyệt;
- Số cổ phần không được đăng ký mua theo phương án đấu giá công khai đã được duyệt;
- Số cổ phần nhà đầu tư trúng thầu trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua;
- Số cổ phần của nhà đầu tư chiến lược không mua.

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa sẽ xem xét, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý số lượng cổ phần này theo quy định.

6. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Do chưa tổ chức bán đấu giá, chưa xác định được giá đấu thành công và giá đấu thành công thấp nhất nên Tổng công ty tạm tính số tiền thu được từ cổ phần hóa theo phương án giả định tất cả số lượng cổ phần bán ra được mua với giá khởi điểm là 12.800 đồng/cổ phần, sau khi có giá chính thức sẽ điều chỉnh theo, cụ thể như sau:

Bảng 28: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ dự kiến	2.200.000.000.000
2	Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp	2.155.699.724.707
3	Các khoản tiền thu từ cổ phần hóa	2.811.949.056.000
3.1	Thu từ bán cổ phần cho người lao động	9.696.256.000
3.1.1	<i>Bán giá ưu đãi theo thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước (60% giá bán đấu giá thành công thấp nhất)</i>	<i>6.076.416.000</i>
3.1.2	<i>Bán theo cam kết làm việc lâu dài (bằng giá bán cho NĐT chiến lược)</i>	<i>3.619.840.000</i>
3.2	Thu từ bán đấu giá cổ phần và nhà đầu tư chiến lược	2.802.252.800.000
4	Tổng các khoản chi	62.925.236.038
4.1	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	<i>2.992.500.000</i>
4.2	Chi phí giải quyết cho lao động dôi dư	<i>3.370.213.894</i>
4.3	Chi phí phát hành thêm (Giá trị phát hành thêm để lại doanh nghiệp)	<i>44.300.275.293</i>
4.4	Giá trị thặng dư	<i>12.262.246.851</i>

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
5	Số tiền thu từ bán phần vốn Nhà nước còn lại sau khi trừ đi các khoản chi theo quy định (3-4)	2.749.023.819.962

(Nguồn: Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

VIII. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, ĐĂNG KÝ LƯU KÝ, GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Khi đăng ký bán đấu giá cổ phần lần đầu qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội Tổng công ty sẽ đồng thời thực hiện đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM theo quy định tại Thông tư 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần. Trong trường hợp Tổng công ty đủ điều kiện để niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán, Tổng công ty sẽ thực hiện thủ tục niêm yết ngay khi đạt đủ điều kiện theo quy định.

IX. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Các thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa theo Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 06/06/2016 của UBND TP Hà Nội về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội**

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hà Minh Hải	Giám đốc Sở tài chính, Phó trưởng ban Thường trực Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp thành phố - Trưởng ban
2	Ông Nguyễn Hữu Thắng	Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Phó Trưởng ban;
3	Ông Nguyễn Việt Xô	Bí thư Đảng ủy khối doanh nghiệp Hà Nội - Ủy viên
4	Ông Phạm Trọng Lân	Phó Vụ trưởng Vụ Đổi mới doanh nghiệp, Văn phòng Chính phủ - Ủy viên
5	Ông Vương Hồng Hà	Trưởng phòng Chính sách tổng hợp, Cục tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính - Ủy viên
6	Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Phó Chánh Văn phòng UBND thành phố - Ủy viên
7	Ông Nguyễn Ngọc Việt	Phó Giám đốc Sở Nội vụ - Ủy viên
8	Ông Trần Ngọc Nam	Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư - Ủy viên

TT	Họ và tên	Chức vụ
9	Ông Nguyễn Quốc Khánh	Phó Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội - Ủy viên
10	Ông Mai Sơn	Phó Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội - Ủy viên
11	Ông Lê Văn Hùng	Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường - Ủy viên
12	Ông Trần Việt Trung	Phó Giám đốc Sở Xây dựng - Ủy viên
13	Ông Ngô Quý Tuấn	Phó Giám đốc Sở Quy hoạch Kiến trúc - Ủy viên
14	Ông Đàm Tiến Thắng	Phó Giám đốc Sở Công thương - Ủy viên
15	Ông Nguyễn Xuân Sáng	Chi Cục trưởng Chi Cục Tài chính doanh nghiệp - Ủy viên
16	Ông Vũ Thanh Sơn	Bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Ủy viên
17	Ông Nguyễn Quang Lâm	Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Ủy viên

Ghi chú:

Theo quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 06/06/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội, Ban chỉ đạo cổ phần hóa bao gồm 17 người.

Tính đến thời điểm lập bản Công bố thông tin, một số thành viên Ban chỉ đạo đã nghỉ hưu và chuyển công tác, cụ thể:

- Ông Nguyễn Ngọc Sơn – Phó Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Ủy viên Ban chỉ đạo đã chuyển công tác,

- Ông Vương Hồng Hà - Trưởng phòng Chính sách tổng hợp, Cục tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính, Ủy viên Ban Chỉ đạo đã nghỉ hưu. Ngày 27/12/2017 Bộ tài chính đã có công văn số 17652/BTC-TCĐN cử ông Phạm Văn Đức – Phó Cục trưởng Cục tài chính doanh nghiệp – Bộ Tài chính thay ông Vương Hồng Hà tham gia Ban chỉ đạo cổ phần hóa tại Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội;

- Ông Nguyễn Hữu Thắng – Phó trưởng ban, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Thương mại Hà Nội, và ông Nguyễn Quang Lâm – Chủ tịch công đoàn Tổng công ty Thương mại Hà Nội, Ủy viên Ban chỉ đạo đã nghỉ hưu theo chế độ.

- Ông Nguyễn Ngọc Việt – Phó Giám đốc Sở Nội vụ, Ủy viên Ban Chỉ đạo đã nghỉ hưu.

Bản công bố thông tin này do doanh nghiệp cổ phần hóa và đơn vị tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội thông qua nội dung. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội xin cam kết mọi thông tin về số liệu kèm theo hồ sơ và thông tin trong Bản công bố thông tin hoàn toàn trung thực, chính xác theo quy định. Trong thời gian các thủ tục bán đấu giá được tiến hành, nếu phát

sinh các nội dung thông tin có ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội, chúng tôi cam kết sẽ công bố thông tin bổ sung kịp thời và đầy đủ. Nếu có bất kỳ nội dung nào không đúng sự thật, chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Các thành viên Tổ giúp việc Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội theo Quyết định 3426/QĐ-STC-BCĐ ngày 14/6/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Vũ Thanh Sơn	Bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Tổ trưởng
2	Bà Đỗ Tuệ Tâm	Kế toán Trưởng – Tổ phó
3	Bà Trần Thị Hồng Hoa	Kiểm soát viên Tổng công ty – Tổ phó
4	Ông Nguyễn Quang Lâm	Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Tổ viên
5	Bà Nguyễn Thu Cúc	Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Tổng công ty – Tổ viên
6	Bà Lương Thị Khánh	Trưởng phòng Quản trị nhân sự TCT - Tổ viên
7	Bà Nguyễn Mai Trang	Giám đốc Ban Đầu tư TCT – Tổ viên
8	Bà Hoàng Thị Anh	Giám đốc Công ty Siêu thị Hà Nội – Tổ viên
	Các ông, bà phụ trách và chuyên viên phòng, ban, đơn vị chuyên môn thuộc Sở, ngành (Sở, ngành là thành viên Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội)	Tổ viên

Ghi chú: Tính đến thời điểm lập bản Công bố thông tin, 02 thành viên Tổ giúp việc Ban chỉ đạo là bà Trần Thị Hồng Hoa - Kiểm soát viên Tổng công ty Thương mại Hà Nội, Tổ phó và ông Nguyễn Quang Lâm - Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Thương mại Hà Nội, Tổ viên đã nghỉ hưu theo chế độ.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là khách quan, trung thực, phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

3. Tổ chức phát hành

Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội

Ông Vũ Thanh Sơn

Tổng giám đốc – Phụ trách HĐQT

Chúng tôi bảo đảm các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn chính xác với tình hình hiện nay của doanh nghiệp, giúp nhà đầu tư có thể đánh giá khách quan về tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội trước khi tham dự đấu giá mua cổ phần.

4. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam

Ông Đoàn Ngọc Hoàn

Tổng Giám đốc

Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam (IVS) thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Thương mại Hà Nội cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ theo đúng những trình tự bắt buộc nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính đề nghị các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu giá mua cổ phần của Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội.

X. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và triển vọng kinh doanh của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt và các thông tin, số liệu do Tổng Công ty Thương mại Hà Nội cung cấp theo quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư. Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản Công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về Tổng Công ty Thương mại Hà Nội cũng như các đơn vị thành viên và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về Tổng Công ty Thương mại Hà Nội cũng như các đơn vị thành viên, bao gồm nhưng không giới hạn như các Báo cáo tài chính, các Quyết định của cơ quan có thẩm quyền ...

cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch được/sẽ được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, đúng thẩm quyền, đảm bảo các quy định về công bố thông tin... phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Chúng tôi cũng lưu ý nhà đầu tư về việc Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 (thay thế Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011, Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015). Phương án cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 30/11/2017, trước thời điểm nghị định 126/2017/NĐ-CP có hiệu lực. Theo quy định tại khoản 2 điều 48 nghị định 126/2017/NĐ-CP, Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội được tiếp tục thực hiện theo phương án được duyệt. Việc xử lý các vấn đề về tài chính và quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu thực hiện theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Do đó, nhà đầu tư cần lưu ý nghiên cứu các văn bản pháp luật có liên quan điều chỉnh vấn đề cổ phần hóa tại Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá mua phần vốn góp. Bản công bố thông tin này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có thắc mắc tranh chấp phát sinh thì bản tiếng Việt sẽ có giá trị tham chiếu.

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2018

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HOÁ
TRƯỞNG BAN – GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH



HÀ MINH HẢI

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

PHỤ TRÁCH HĐQT
TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ THANH SƠN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ TUỆ TÂM

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM (IVS)



ĐOÀN NGỌC HOÀN